PHÒNG GD & ĐT TP THỦ ĐỨC
ĐỀ THAM KHẢO

TRƯỜNG THCS GIỒNG ÔNG TỐ

Bộ SGK: CTST
Đề gồm có 03 trang

ĐỀ THAM KHẢO HỌC KỲ 1
NĂM HỌC: 2024 - 2025
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN. ***(3,0 điểm).*** Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng**.** Hãy khoanh tròn vào phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

Câu 1. Trong các số sau, số nào là số tự nhiên?

A. 2024. **B.** -7,5. **C.** $\frac{4}{9}$. **D.** 0,6.

Câu 2. Khẳng định nào dưới đây **sai**?

A. Số đối của số –7 là 7. **B.** Số đối của 2025 là –2025.

C. Số đối của 100 là –(–100). **D.** Số đối của 0 là 0.

Câu 3. Điểm A trong hình dưới đây biểu diễn số nguyên nào?

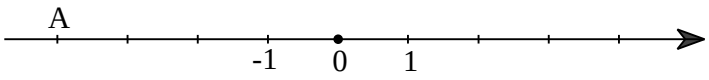

A. –3. **B.** 3. **C.** –4. **D.** -5.

Câu 4. Số 10 không phải là ước của số tự nhiên nào dưới đây?

A. 20. **B.** 50. **C.** 10. **D.** 25.

Câu 5. Yếu tố nào sau đây không phải của hình bình hành?

A. Hai cặp cạnh đối diện song song **B.** Có hai cặp góc đối bằng nhau.

C. Hai cặp cạnh đối diện bằng nhau **D.** Hai đường chéo vuông góc với nhau

Câu 6. Tìm x biết $8 \cdot x = -24$.

A. 3. **B.** –3. **C.** -243 . **D.** 12.

Câu 7. Kết quả của phép tính (– 300) + (– 75) bằng

A. – 375. **B.** 235 . **C.** –165. **D.** -175 .

Câu 8. Cho tam giác đều ABC với AB = 17 cm. Độ dài cạnh BC là:

A. 17 cm. **B.** 7,5 cm. **C.** 30 cm. **D.** 5 cm.

Câu 9. Biển báo nào sau đây là hình vuông.

Hình 1

Hình 2

Hình 3

Hình 4

A. Hình 3 **B**. Hình 1 **C.** Hình 4 **D.** Hình 2

Câu 10. Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào không phải là số liệu?

A. Những môn học có điểm tổng kết trên 8,0 của bạn Nam.

B. Cân nặng của trẻ sơ sinh (đơn vị tính là gam).

C. Chiều cao trung bình của một số loại cây thân gỗ (đơn vị tính là mét).

D. Số học sinh thích ăn xúc xích.

Câu 11. Biểu đồ tranh sau đây biểu diễn số lượng học sinh tổ 1 lớp 6A sử dụng các phương tiện khác nhau để đi đến trường.

Đi bộ	
Xe đạp	
Xe máy (ba mẹ chở)	
Phương tiện khác	

(Mỗi ứng với 2 học sinh)

Tổ 1 lớp 6A có tất cả bao nhiêu học sinh?

A. 7 học sinh **B**. 14 học sinh **C**. 12 học sinh **D**. 10 học sinh.

Câu 12. Khối 6 có 320 học sinh đi tham quan. Nhà trường cần thuê ít nhất bao nhiêu xe ô tô 45 chỗ ngồi để đủ chỗ cho tất cả học sinh?.

A. 7 xe. **B.** 8 xe. **C.** 9 xe. **D.** 10*xe*.

B.TỰ LUẬN *(7,0 điểm)*

Bài 1. ***(1,5 điểm)***

a) Liệt kê ba số lẻ liên tiếp là số nguyên tố.

b) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự giảm dần: 13; -4; 9; –15

c) Viết tập hợp A các ước của 10

Bài 2. ***(1,5 điểm)*** Tính giá trị của biểu thức

a) $\{100: [45 - 45: (-9)] - 32\}. 5 - 2. 5^2$

b) $2^{29} : 2^{26} + 3. 5^2 - 2024^0$

Bài 3. Tìm x biết***(1,0 điểm)***

a) $3.x + 14 = -16$ b) $2.(x+ 5) = 2024$

Bài 4. ***(1,0 điểm)*** Số học sinh của lớp 6A khi xếp hàng 2, hàng 3, hàng 4, đều vừa đủ . Tính số học sinh của lớp 6A biết rằng số học sinh trong khoảng 30 đến 40 em.

Bài 5. ***(1,5 điểm)***

Một mảnh vườn dùng để trồng rau có dạng hình chữ nhật với độ dài hai cạnh là 12m và 5m.

a) Em hãy tính chu vi mảnh vườn đó.

b) Cho biết cứ $4m^2$ đất rải đủ hết 1 túi hạt giống. Hỏi nếu rải hạt giống cả mảnh vườn này thì cần bao nhiêu túi hạt giống?

Bài 6. ***(0,5 điểm)*** Cho biểu đồ cột cho biết thông tin về kết quả học tập của học sinh khối 6 của một trường THCS.

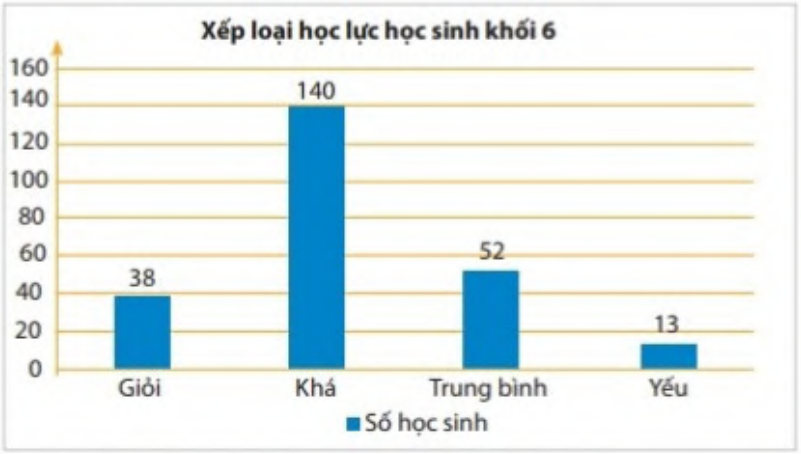

Từ biểu đồ em hãy cho biết:

a) Số học sinh xếp loại học lực giỏi là bao nhiêu học sinh?

b) Khối 6 có tất cả bao nhiêu HS?

----- HẾT -----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS GIỒNG ÔNG TỐ

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ THAM KHẢO CUỐI HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 6
Năm học: 2024 - 2025

A.TRẮC NGHIỆM: ***(3,0 điểm)*** *Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.*

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/án	A	C	C	D	D	B	A	A	D	A	B	B

B. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	**Nội dung đáp án**	**Thang điểm**
1a *(0,5đ)*	Các số nguyên tố lẻ liên tiếp là: 3; 5; 7.	*0,5*
1b *(0,5đ)*	Các số nguyên sau theo thứ tự giảm dần: 13; 9; -4; –15	*0,5*
1c *(0,5đ)*	A= Ư(10) = {-10; -5; – 2; -1; 1 ; 2; 5; 10 }	*0,5*
2a *(0,75đ)*	{100: [45 - 45: (-9)] – 32}. 5 - 2. 5^2 = {100: [45 - (-5)] – 32}. 5 - 2. 25 = {100: 50 - 32}. 5 - 50 = {2 – 32}. 5 –50 = -30. 5 –50 = - 150 – 50 = -200	*0,25* *0,25* *0,25* *0,25*
2b *(0,75đ)*	2^{29}: 2^{26} + 3. 5^2 - 2024^0 = 2^3 + 3. 5^2 – 1 = 8 + 3. 25 – 1 = 8 + 75 – 1 = 83 – 1 = 82	*0,25* *0,25* *0,25*
3a *(0,5đ)*	3.x + 14 = -16 3.x = -16 - 14 3.x = -30 x = -30: 3 x = -10	*0,25* *0,25*
3b *(0,5đ)*	2.(x+ 5) = 2024 x+5 = 2024 : 2 = 1012 x= 2012 - 5 = 2007	*0,25* *0,25*
4	+ Gọi số học sinh lớp 6A là x (học sinh) ($x \in N^*$)	

(1,0đ)	+ Vì khi xếp hàng 2, hàng 3, hàng 4, đều vừa đủ: Nên: x ∈ BC(2; 3; 4) + Tính được : BCNN(2; 3; 4) = 12 ⇒ x ∈ BC(2; 3; 4) = B(12) = { 0; 12; 24; 36; …} Và: số học sinh trong khoảng 30 đến 40 em. Do đó: x = 36 Kết luận:….	*0,25* *0,25* *0,25* *0,25*
5a *(0,75đ)*	a/ Chu vi mảnh vườn: (12 + 5). 2 = 34 (m)	*0,75*
5b *(0,75đ)*	b/ Diện tích mảnh vườn: 12. 5 = 60 (m^2) Số túi hạt giống cần để rải hết mảnh vườn là: 60 : 4 = 15 (túi)	*0,5* *0,25*
6a *(0,25đ)*	a/ Số học sinh giỏi của khối 6 là 38 hs	*0,25*
6b *(0,25đ)*	b/ Tổng số học sinh khối 6: 38+140+52+13= 243 (học sinh)	*0,25*

----- HẾT -----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS TRẦN QUỐC TOẢN 1

BỘ SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO
(Đề gồm 2 trang)

ĐỀ THAM KHẢO HỌC KỲ 1
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian phát đề)*

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM) ***Chọn đáp án đúng nhất.***

Câu 1. Tập hợp các số tự nhiên lớn hơn 5 và nhỏ hơn 11 là:
A. $\{5; 6; 7; 8; 9; 10\}$ **B.** $\{6; 7; 8; 9; 10\}$
C. $\{5; 6; 7; 8; 9; 10; 11\}$ **D.** $\{6; 7; 8; 9; 10; 11\}$

Câu 2. Trong các số $125;\ 1818;\ 2430;\ 7857$. Số chia hết cho cả 5 và 9 là:
A. 125 **B.** 1818 **C.** $2430.$ **D.** $7857.$

Câu 3. Số đối của 81 là:
A. 18 **B**. -18 **C.** -81 **D.** $\frac{1}{81}$

Câu 4. Tập hợp tất cả các ước số nguyên của 9 là:
A. $Ư(9) = \{1; 3; 9\}$ **B**. $Ư(9) = \{0; 1; 3; 9\}$
C. $Ư(3) = \{-9; -3; -1; 0; 1; 3; 9\}$ **D.** $Ư(3) = \{-9; -3; -1; 1; 3; 9\}$

Câu 5. Hình có sáu cạnh bằng nhau và sáu góc bằng nhau là:
A. Hình chữ nhật. **B**. Hình lục giác đều.
C. Hình tam giác đều. **D.** Hình thoi.

Câu 6. Trong các khẳng định sau, khẳng định nào **sai**?
A. Hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau.
B. Hình thoi có hai đường chéo vuông góc với nhau.
C. Hình thang cân có hai góc kề một đáy bằng nhau.
D. Hình chữ nhật có bốn góc bằng nhau.

Câu 7. Danh sách học sinh nhóm 1 của lớp 6A.

STT	Họ và tên	Chiều cao (cm)
1	Lê Thị Mai	145
2	Trần Văn Ngọc	Cao nhất lớp
3	Lớp trưởng uy tín	153
4	0908281638	-12
5	Ngô Anh Kiệt	139

Có bao nhiêu thông tin chưa hợp lý trong bảng trên?
A. 2 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 5

Câu 8. Cho bảng thống kê xếp loại hạnh kiểm lớp 6A sau:

Xếp loại hạnh kiểm	Tốt	Khá	Trung bình
Số học sinh	28	4	2

Hãy cho biết lớp 6A có bao nhiêu học sinh?
A. 28 **B.** 34 **C.** 4 **D.** 2

Câu 9. Các điểm A và B ở hình sau đây biểu diễn các số nguyên nào?

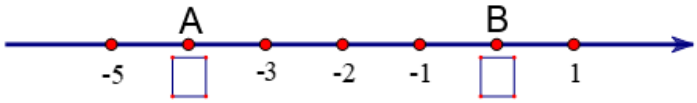

A. -3 và -1 **B.** -4 và 0 **C.** -5 và 1 **D.** -6 và 0

Câu 10. Một kho lạnh đang ở nhiệt độ $2°C$, một công nhân đặt chế độ làm cho nhiệt độ của kho trung bình cứ mỗi phút giảm đi $4°C$. Hỏi sau 3 phút nữa thì nhiệt độ trong kho là bao nhiêu độ C?
A. $-10°C$ **B.** $-12°C$ **C.** $14°C$ **D.** $-14°\mathrm{C}$

Câu 11. Biểu đồ tranh trong hình thống kê số lượng Táo bán được trong 4 tháng đầu năm 2023 của một hệ thống siêu thị. Hãy cho biết tổng số lượng táo đã bán được trong 4 tháng đầu năm 2023 của một hệ thống siêu thị trên?

A. 15 tấn
B. 50 tấn
C. 105 tấn
D. 150 tấn

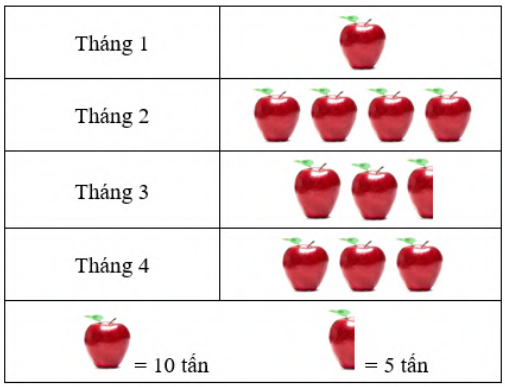

Câu 12. Bạn Quân mang 400000 đồng vào nhà sách để mua đồ dùng học tập. Quân đã mua 1 bộ sách giáo khoa, 5 quyển vở cùng loại và 10 cây bút bi xanh cùng loại. Hỏi Quân còn lại bao nhiêu tiền, biết rằng một bộ sách giáo khoa có giá là 225000 đồng, mỗi quyển vở có giá là 9000 đồng và mỗi cây bút bi có giá là 6000 đồng?

A. 33000 đồng **B.** 330000 đồng **C.** 7000 đồng **D.** 70000 đồng

II. TỰ LUẬN. (7,0 ĐIỂM)

Bài 1. ***(2,25 điểm)***

a) *(0,5 điểm)* Liệt kê các số nguyên tố có hai chữ số nhỏ hơn 20.

b) *(0,5 điểm)* Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự giảm dần: $-12;\ 0;\ -15;\ -1;\ 2.$

c) *(0,5 điểm)* Viết lại tập hợp A theo cách liệt kê các phần tử:

$$A = \{x \in Ư(48) | 3 < x \leq 12\}$$

d) *(0,75 điểm)* Thực hiện phép tính: $1080 : [(28 + 12).8 - 500]$

Bài 2. ***(2,25 điểm)***

a) *(0,5 điểm)* Tính giá trị của biểu thức: $7^{25} : 7^{23} + 1^{2023}$

b) *(0,75 điểm)* Tìm x, biết: $2x - 120 = 106$

c) *(1,0 điểm)* Số học sinh khối 6 đi tham quan Thảo Cầm Viên của trường THCS A trong khoảng từ 150 đến 200 học sinh. Khi xếp hàng 9, hàng 10 và hàng 15 đều vừa đủ. Hỏi số học sinh khối 6 tham quan Thảo Cầm Viên của trường THCS A là bao nhiêu?

Bài 3. ***(1,5 điểm)*** Nhà bác Thanh có cái sân dạng hình chữ nhật với chiều dài 15m và chiều rộng 9m.

a) Hãy tính chu vi và diện tích của cái sân nhà bác Thanh?

b) Bác Thanh có 20 triệu đồng và bác dự định mua loại gạch hình vuông có cạnh 60cm để lát toàn bộ sân *(coi mạch vữa không đáng kể)*. Hỏi bác Thanh có đủ tiền để mua gạch không, biết rằng giá của mỗi viên gạch là 45000 đồng?

Bài 4: ***(1,0 điểm)*** Biểu đồ sau đây cho biết thông tin về loại trái cây ưa thích của các học sinh lớp 6A1.

Từ biểu đồ bên, em hãy cho biết:

a) Đây là loại biểu đồ gì?

b) Loại trái cây nào được học sinh lớp 6A1 ưa thích nhiều nhất?

c) Số học sinh ưa thích Cam nhiều hơn ưa thích Mận là bao nhiêu học sinh?

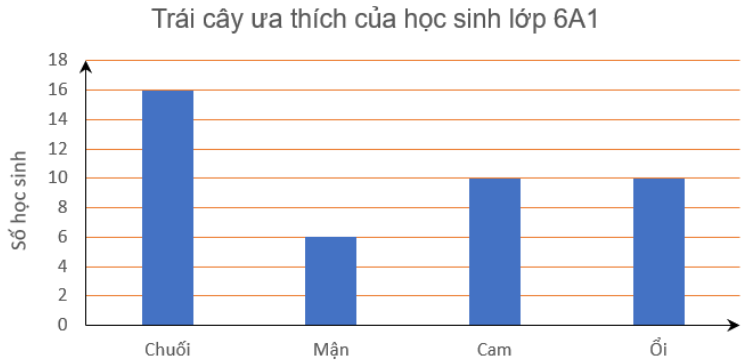

---------**HẾT**----------

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS TRẦN QUỐC TOẢN 1

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN TOÁN 6
Năm học: 2024-2025

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1.	**B**	**4.**	**D**	**7.**	**C**	**10.**	**A**
2.	**C**	**5.**	**B**	**8.**	**B**	**11.**	**C**
3.	**C**	**6.**	**A**	**9.**	**B**	**12.**	**D**

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

BÀI	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1. ***(2,25 điểm)***	a) Số nguyên tố có hai chữ số nhỏ hơn 20 là: 11; 13; 17;19 b) Sắp xếp theo thứ tự tăng dần: $-15; -12; -1;\ 0;\ 2$ c) $A = \{4; 6; 8; 12\}$ d) $1080 : [(28 + 12).8 - 500]$ $= 1080: [40.8 - 500]$ $= 1080: [320 - 500]$ $= 1080: (-180) = -6$	0,5 0,5 0,5 0,25 0,25 0,25
Bài 2 ***(2,25 điểm)***	a) $7^{25}: 7^{23} + 1^{2023}$ $= 7^2 + 1$ $= 49 + 1 = 50$ b) $2x - 120 = 106$ $2x = 106 + 120$ $2.x = 226$ $x = 113$ c) Số HS cần tìm là BC(9,10,15) Ta có: $9 = 3^2;\ 10 = 2.5; 15 = 3.5$ $BCNN(9,10,15) = 2.3^2.5 = 90$ $BC(9,10,15) = B(90) = \{0; 90; 180; 270; 360; 450; ...\}$ Vì số HS trong khoảng từ 150 đến 200 em nên số HS là 180 em	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25
Bài 3. ***(1,5 điểm)***	a) Chu vi mảnh vườn là: 2.(9+15) = 48 (m) Diện tích mảnh vườn là: 9.15 = 135 (m^2) b) Diện tích 1 viên gạch là: $0,6.0,6 = 0,36(m^2)$ Tổng số gạch: $135: 0,36 = 375$ (viên) Tổng số tiền: 375. 45000 = 16 875 000 (đồng) Vì 16 875 000< 20 000 000 nên bác Thanh có đủ tiền mua gạch	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25
Bài 4 ***(1 điểm)***	a) Đây là loại biểu đồ cột b) Loại trái cây được học sinh lớp 6A1 ưa thích nhiều nhất là chuối c) Số học sinh ưa thích Cam nhiều hơn ưa thích Mận là 10-6= 4 HS	0,25 0,25 0,5

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG TH, THCS & THPT QUỐC TẾ Á CHÂU

BỘ SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO
(Đề gồm 04 trang)

ĐỀ THAM KHẢO HỌC KỲ I
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian phát đề)*

A. TRẮC NGHIỆM: (3,0đ)

Trong mỗi câu hỏi bên dưới đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng. Hãy khoanh tròn phương án đúng nhất.

Câu 1. Trong các biển báo sau đây, biển báo nào là hình vuông?

Hình 1

Hình 2

Hình 3

Hình 4

A. Hình 4. **B.** Hình 3. **C.** Hình 2. **D.** Hình 1.

Câu 2. Số nào sau đây là số nguyên âm?

A. $+25$. **B.** -8. **C.** $+90$. **D.** 7.

Câu 3. Cho $H = \{x \in N \mid 20 < x \le 23\}$. Chọn câu trả lời **sai**:

A. $23 \in H$. **B.** $22 \notin H$. **C.** $20 \notin H$. **D.** $21 \in H$.

Câu 4. Trên hình vẽ, điểm A, B biểu diễn cho các số nguyên

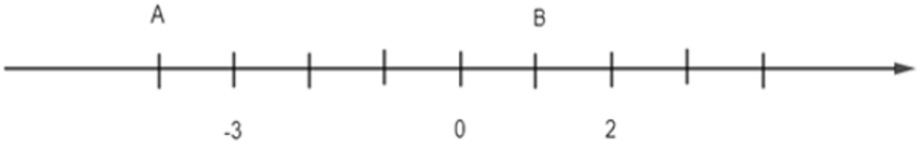

A. $-4;1$. **B.** $-2;-1$. **C.** $-5;1$. **D.** $-1;-4$.

Câu 5. Trong các phát biểu sau, phát biểu nào đúng?

A. $-2023 > -10$. **B.** $1 > 2022$.

C. $-10 > 0$. **D.** $-2 > -20$.

Câu 6. Em hãy quan sát biểu đồ tranh dưới đây và cho biết có bao nhiêu cuốn sách đã bán được trong ngày thứ ba?

Số sách bán được trong bốn ngày

Ngày thứ nhất	📖📖📖📖
Ngày thứ hai	📖📖📖📖📖📖📖📖
Ngày thứ ba	📖📖📖📖📖📖
Ngày thứ tư	📖📖📖📖📖📖📖📖📖📖
Mỗi kí hiệu 📖 biểu thị cho 5 cuốn sách.	

A. 6 cuốn. **B.** 30 cuốn. **C.** 60 cuốn. **D.** 5 cuốn.

Câu 7. Cho bảng số liệu về số học sinh vắng trong ngày của các lớp của trường A như sau:

6A1	6A2	7A1	7A2	8A1	8A2	9A1	9A2
1	2	3	0	K	1	100	0

Tại các lớp nào thì số liệu không hợp lí?

A. 6A1, 8A1. **B.** 7A2, 9A2.

C. 6A2, 7A1. **D.** 8A1, 9A1.

Câu 8. Sản lượng gỗ khai thác của cả nước và một số vùng ở nước ta, giai đoạn 2012 - 2014 được thể hiện ở biểu đồ cột kép dưới đây:

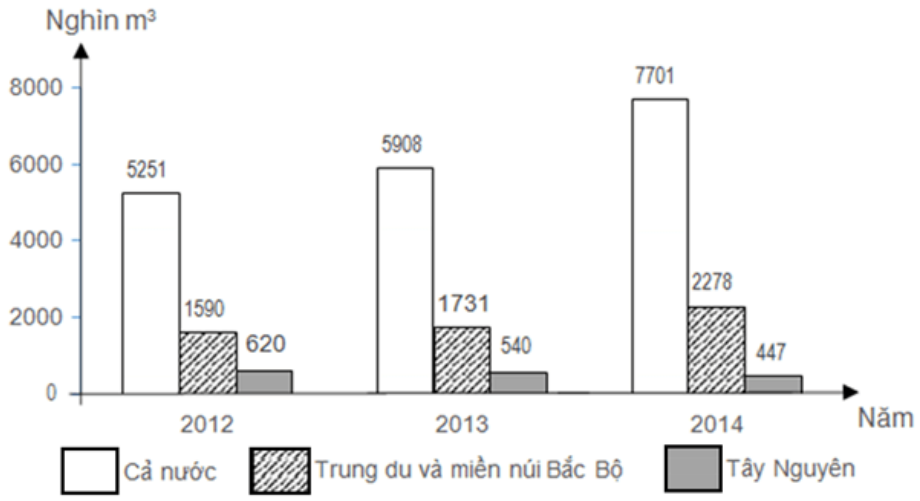

Em hãy cho biết sản lượng gỗ khai thác của Tây Nguyên năm 2014 là bao nhiêu?

A. 2278 nghìn m^3. **B.** 7701 nghìn m^3.

C. 447 nghìn m^3. **D.** 540 nghìn m^3.

Câu 9. Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. Số 0 là số nguyên tố.

B. Các số nguyên tố đều là số lẻ.

C. Các số nguyên tố nhỏ hơn 10 là: 3, 5, 7, 9.

D. Số 2 là số nguyên tố chẵn duy nhất.

Câu 10. Số nào sau đây là ước của -25

A. -50. **B.** 0. **C.** -5. **D.** 50.

Câu 11. Logo của hãng xe ô tô Nhật Bản Mitsubishi với biểu tượng "Ba viên kim cương" đã gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của công ty được sử dụng từ năm 1964. Hỏi, trong thiết kế logo Mitsubishi được tạo nên bởi 3 hình gì?

A. Hình vuông.

B. Hình chữ nhật.

C. Hình thoi.

D. Hình tam giác.

Câu 12. Kết quả của phép tính $2^4.5-\left[130-\left(12-2^2\right)^2\right]$ nào dưới đây là đúng?

A. -26. **B.** 50. **C.** 14. **D.** -114.

B. TỰ LUẬN: (7,0đ)

Bài 1. (0,5đ)

Biểu diễn các số $275;\ 2023$ theo mẫu $1723=1.1000+7.100+2.10+3$.

Bài 2. (0,5đ) Trong các số sau $108;\ 12345;\ 1360;\ 5034;\ 316;\ 40173$. Số nào chia hết cho 3, cho 5.

Bài 3. (0,75đ) Tìm $UCLN(75,135,375)$ *(Trình bày bước phân tích TSNT theo cột dọc)*

Bài 4. (1,0đ) Năm 2023, một đội nghi thức của một trường THCS có khoảng 100 đến 200 đội viên đã tham gia hội thi "Nghi thức Đội cấp Thành phố". Khi tham gia biểu diễn, đội xếp đội hình 10 hàng, 15 hàng, 18 hàng đều vừa đủ. Hỏi đội nghi thức của một trường THCS đó có bao nhiêu đội viên?

Bài 5. (0,5đ) Tìm số đối của các số nguyên sau: $-65;\ 0;\ 27;\ -9$.

Bài 6. (0,75đ) Biểu diễn các số nguyên sau đây trên trục số: $4;\ -2;\ -4;\ 3;\ -5;\ 1$.

Bài 7. (0,75đ) Tính hợp lí: $136.(-23)+17.(-23)-(-23).53$.

Bài 8. (0,5đ) Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài là 15m và chiều rộng là 4m. Em hãy tính diện tích mảnh đất hình chữ nhật đó.

Bài 9. (0,5đ) Một mảnh vườn hình chữa nhật ABCD có chiều dài AB = 20m, chiều rộng BC = 8m. Người ta làm một lối đi hình bình hành (hình vẽ). Phần đất còn lại để trồng rau. Tính diện tích phần đất trồng rau.

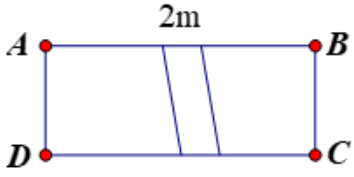

Bài 10. (0,75đ) Bảng thống kê sau cho biết số lượng tin nhắn một người nhận được vào các ngày làm việc trong tuần.

Thứ	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy
Số tin nhắn	20	30	15	40	35	10

a) Bảng thống kê đang điều tra về vấn đề gì?

b) Hãy chỉ ra các dữ liệu thu thập được trong bảng.

Bài 11. (0,5đ) Em hãy quan sát biểu đồ sau và trả lời các câu hỏi

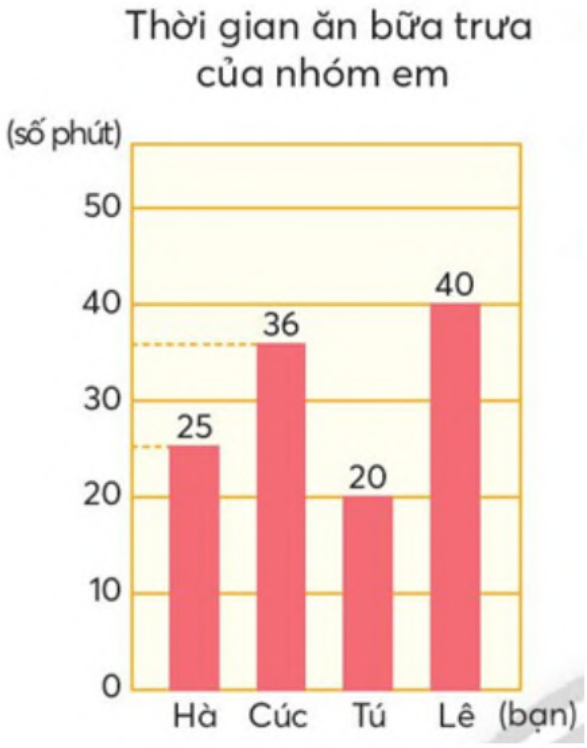

a) Bạn Tú ăn bữa trưa trong bao lâu?

b) Có bạn nào ăn bữa trưa lâu hơn 1 giờ không?

--- HẾT ----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG TH, THCS & THPT
QUỐC TẾ Á CHÂU

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN TOÁN 6
Năm học: 2024-2025

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1.	**A**	**4.**	**A**	**7.**	**D**	**10.**	**C**
2.	**B**	**5.**	**D**	**8.**	**C**	**11.**	**C**
3.	**B**	**6.**	**B**	**9.**	**D**	**12.**	**C**

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (0,5 điểm)	$275 = 2.100 + 7.10 + 5$ $2023 = 2.1000 + 2.10 + 3$	0,25 x 2
Bài 2 (0,5 điểm)	Số chia hết cho 3: 108, 12345, 5034, 40173. Số chia hết cho 5: 12345, 1360.	0,25 x 2
Bài 3 (0,75 điểm)	$75 \mid 5$; $15 \mid 5$; $3 \mid 3$; 1 $135 \mid 5$; $27 \mid 3$; $9 \mid 3$; $3 \mid 3$; 1 $375 \mid 5$; $75 \mid 5$; $15 \mid 5$; $3 \mid 3$; 1 $75 = 3.5^2$ $135 = 3^3.5$ $375 = 3.5^3$ $UCLN(75,135,375) = 3.5 = 15$	0,25 x 3
Bài 4 (1,0 điểm)	Gọi a là số đội viên cần tìm (đội viên) $(a \in \mathbb{N}^*)$ Theo đề ta có: $\begin{cases} a \vdots 10 \\ a \vdots 15 \\ a \vdots 18 \\ 100 \le a \le 200 \end{cases}$ $\Rightarrow a \in BC(10,15,18)$	0,25 x 4

	$10 = 2.5$ $15 = 3.5$ $18 = 2.3^2$ $\Rightarrow BCNN(10,15,18) = 2.3^2.5 = 90$ $\Rightarrow BC(10,15,18) = B(90) = \{0;90;180;270;...\}$ Vì $100 \le a \le 200$ nên $a = 180$ Vậy đội nghi thức của một trường THCS đó có 180 đội viên.	
Bài 5 (0,5 điểm)	Số đối của -65 là 65. Số đối của 0 là 0. Số đối của 27 là -27. đối của -9 là 9.	0,25 x 4
Bài 6 (0,75 điểm)	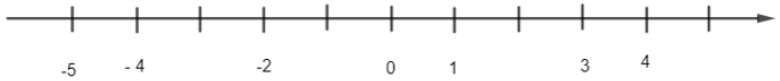	0,25 x 3
Bài 7 (0,75 điểm)	$136.(-23)+17.(-23)-(-23).53$ $=(-23).(136+17-53)$ $=(-23).100$ $=-2300$	0,25 x 3
Bài 8 (0,5 điểm)	Diện tích mảnh đất hình chữ nhật là: $15.4 = 60(m^2)$	0,25 x 2
Bài 9 (0,5 điểm)	Diện tích hình chữ nhật ABCD là: $20.8 = 160(m^2)$ Diện tích lối đi là: $2.8 = 16(m^2)$ Diện tích phần trồng rau là: $160 - 16 = 144(m^2)$	0,25 x 2
Bài 10 (0,75 điểm)	a) Bảng thống kê điều tra về số lượng tin nhắn một người nhận được vào các ngày làm việc trong tuần.	0,25
	b) Thu thập được dữ liệu về thứ trong tuần: hai, ba, tư, năm, sáu, bảy và số tin nhắn: 20, 30, 15, 40, 35,10.	0,25 x 2
Bài 11 (0,5 điểm)	a) Bạn Tú ăn bữa trưa trong 20 phút.	0,25 x 2

	b) 1 giờ = 60 phút, thời gian các bạn ăn đều nhỏ hơn 60 phút nên không có bạn nào ăn bữa trưa lâu hơn 1 giờ.	

----- HẾT -----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS TRƯỜNG THỌ

BỘ SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA HỌC KÌ I
Năm học: 2024 – 2025
Môn: Toán 6
Thời gian làm bài: 90 phút
(Không kể thời gian phát đề)

A. TRẮC NGHIỆM: (3 điểm). Hãy chọn câu trả lời đúng nhất

Câu 1. Cho M là tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn 5. Cách viết tập hợp M đúng là:

A. $M=\{1;2;3;4\}$ B. $M=\{1;2;3;4;5\}$

C. $M=\{0;1;2;3;4\}$ D. $M=\{0;1;2;3;4;5\}$

Câu 2. Trong các số sau, số nào là số nguyên tố ?

A. 10 B. 29 C. 1 D. 15

Câu 3. Ông Ác si mét sinh năm – 287 và mất năm – 212. Hỏi ông có tuổi thọ là:

A. 75. B. – 75. C. – 74. D. 74.

Câu 4. Tìm x, biết: 4.x = (-120), ta có x bằng:

A. – 480 B. – 30 C. 480 D. 30

Câu 5. Quan sát các biển báo giao thông dưới đây:

Biển báo 1

Biển báo 2

Biển báo 3

Biển báo có dạng chữ nhật là

A. Biển báo 3 B. Biển báo 2 C. Biển báo 1 D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 6. Số chia hết cho 5 thì:

A. Số đó có chữ số tận cùng là: 0

B. Số đó có chữ số tận cùng là: 0; 5.

C. Số đó có tổng các chữ số chia hết cho 0; 5.

D. Số đó có chữ số tận cùng khác 0; 5.

Câu 7. Thân nhiệt của bệnh nhân A trong 10 tiếng theo dõi được ghi lại trong bảng sau:

37,5	39	40	35
38	37	0	36,5

Hãy cho biết dữ liệu nào không hợp lí?

A. 37,5. B. 40. C. 0. D. 36,5.

Câu 8. Bảng thống kê xếp loại hạnh kiểm lớp 6A như sau:

Xếp loại hạnh kiểm	Tốt	Khá	Trung bình
Số học sinh	25	3	2

Số học sinh có hạnh kiểm từ khá trở lên là bao nhiêu?

A. 25 B. 3 C. 28 D. 30

Câu 9. Cô giáo có một túi kẹo. Nếu cô cho mỗi bạn 10 cái kẹo thì sẽ thừa 8 cái, nếu cô giáo cho mỗi bạn 12 cái thì sẽ thiếu 8 cái kẹo. Số học sinh được cô giáo cho kẹo là.

A. 8 A B. 16 C. 20 D. 24

Câu 10. Kết quả của phép tính $(-12)-(-13)$ là

A. 25 B. -25 C. -1 D. 1

Câu 11. Biểu đồ tranh dưới đây cho biết số lượng sách học sinh đọc sách tại thư viện trong một ngày như sau:

Truyện tranh	
Thơ	
Trinh thám	
Sách tham khảo	
Khoa học	

(Mỗi *ứng với 2 quyển sách)*

Tổng số sách đọc được trong ngày là bao nhiêu quyển?

A. 27 B. 54 C. 81 D. 104

Câu 12. Hình nào dưới đây là hình tam giác đều?

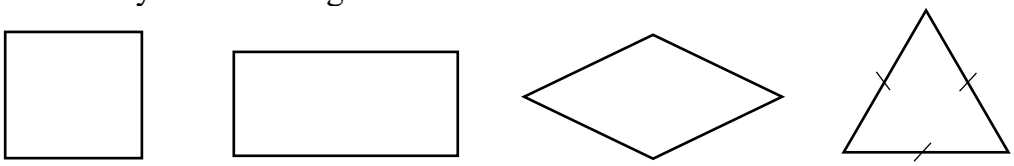

A. B. C. D.

A. Hình A B. Hình B C. Hình C D. Hình D

B. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài 1. (1 điểm) Thực hiện phép tính: $50-\left[\left(20-2^3\right):2+34\right]$

Bài 2. (2,75 điểm)

a) Liệt kê các số nguyên tố có hai chữ số lớn hơn 10 và nhỏ hơn 20.

b) Hãy sử dụng số nguyên để diễn tả ý nghĩa của các nội dung in nghiêng sau:
* Tài khoản ngân hàng của ba bạn An được báo *bị trừ 3 000 000 đồng*;
* Archimedes là nhà toán học, vật lý, kỹ sư, nhà phát minh, thiên văn học nổi tiếng của Hy Lạp cổ đại. Ông *sinh năm 287 trước công nguyên*.

c) Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần: – 24; 2; – 5; 12.

d) Buổi trưa tại Paris có nhiệt độ là -3°C. Buổi chiều, nhiệt độ giảm thêm 7°C. Hỏi nhiệt độ buổi chiều tại Paris là bao nhiêu độ C?

Bài 3. (0,75 điểm) Mỗi ngày Mai được mẹ cho 20 000đ. Mai ăn sáng hết 10 000Đ và mua nước ngọt hết 5 000đ phần tiền còn lại Mai để vào tủ tiết kiệm. Hỏi sau 15 ngày, Mai có bao nhiêu tiền tiết kiệm?

Bài 4. (1,0 điểm)

Một khoảng sân có dạng hình chữ nhật với chiều dài 12m và chiều rộng 7m. Người ta để một phần của sân để trồng hoa (phần kẻ sọc), phần còn lại lát gạch (phần trắng).

a) Tính chu vi của khoảng sân và diện tích phần còn lại để lát gạch?

b) Nếu lát phần sân còn lại bằng những viên gạch hình vuông cạnh 50cm thì cần bao nhiêu viên gạch? Số tiền lát gạch là bao nhiêu biết 1 viên gạch giá 55 000 đồng.

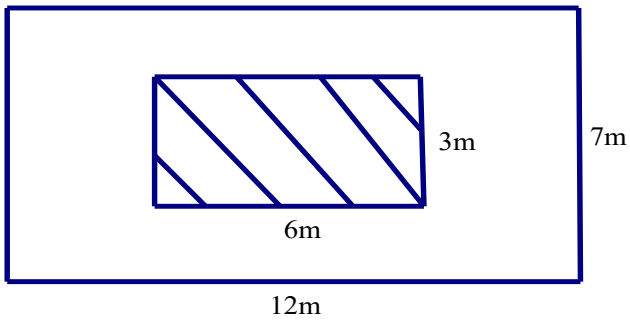

Bài 5. (0,75 điểm) Biểu đồ tranh dưới đây biểu diễn số lượng đôi giày bán được của một cửa hàng trong 4 năm gần đây:

a) Năm 2021 cửa hàng bán được bao nhiêu đôi giày?

b) Trong năm 2023 bán nhiều hơn năm 2021 bao nhiêu đôi giày?

2020	
2021	
2022	
2023	

(Mỗi ứng với 100 đôi)

Bài 6. (0,75 điểm) Chiếc ô tô đầu tiên ra đời được chế tạo bởi **Karl Benz** kỹ sư người Đức và vợ ông **Bertha Benz**. Biết rằng năm ra đời của chiếc ô tô là $\overline{abbc}$. Trong đó $\overline{abbc}$ là số chia hết cho 5 và các số a, b, c thuộc $\{1;5;8\}$ và a, b, c khác nhau. Hỏi $\overline{abbc}$ là năm nào ?

---HẾT---

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS TRƯỜNG THỌ

ĐỀ THAM KHẢO

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 6
Năm học: 2024 – 2025

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) (0,25x12)

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10	Câu 11	Câu 12
C	B	A	B	A	B	C	C	A	D	B	D

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Câu 1 (1,0đ)	$= 50 - \left[(20 - 8) : 2 + 34 \right]$ $= 50 - \left[12 : 2 + 34 \right]$ $= 50 - \left[6 + 34 \right]$ $= 50 - 40 = 10$	0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 2 a)	Các số nguyên tố lớn hơn 10 và nhỏ hơn 20 là: 11, 13, 17, 19	0,25x2
b)	- 3 000 000, – 287	0,5x2
c)	– 24; – 5; 2; 12	0,25x3
d)	Nhiệt độ dự báo của ngày hôm sau là: – 3 – 7 = – 10 ^oC	0,5
Câu 3 (0,75đ)	Số tiền mẹ Lan mua đồ là: 10 000 + 5 000 = 15 000(đồng) Số tiền Mai để tiết kiệm là: 20 000 – 15 000 = 5 000 (đồng) Số tiền Mai tiết kiệm được sau 15 ngày là 5 000 . 5 = 75 000 (đồng)	0,25 0,25 0,25
Câu 4 (1,0đ)	a) Chu vi khoảng sân là: (12 + 7).2 = 38 (m) Diện tích phần lát gạch là: 12.7 – 6.3 = 66 (m^2) b) Diện tích 1 viên gạch là: 0,5 . 0,5 = 0,25 (m^2) Số viên gạch cần lát là 66 : 0,25 = 264 (viên) Số tiền lát gạch là 264 . 55 000 = 14 520 000 (đồng)	0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 5 (0,75 đ)	a) Năm 2021 cửa hàng bán được: 600 đôi giày b) Số đôi giày năm 2023 bán nhiều hơn năm 2021: 700 – 600 = 100 đôi giày	0,5 0,25
Câu 6 (0,75 đ)	$\overline{abbc}$ chia hết cho 5 và c thuộc {1; 5; 8} nên c = 5 $\overline{abbc}$ là năm ra đời của ô tô nên không thể bằng 8 do đó a = 1 a, b, c là ba số khác nhau và thuộc {1; 5; 8} nên b = 8 vậy năm ra đời của ô tô là 1885	0,25 0,25 0,25

----- HẾT -----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS ĐẶNG TẤN TÀI

BỘ SGK Chân trời sáng tạo.
(Đề gồm 02 trang)

ĐỀ THAM KHẢO HỌC KỲ 1
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian phát đề)*

A. TRẮC NGHIỆM: (3,0đ)

Câu 1. Có bao nhiêu số nguyên âm trong các số sau: -1; 0; 3; -12; -15?

A. 2. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 5.

Câu 2. Trong các số tự nhiên sau: 4; 2; 30; 27. Số nào là số nguyên tố?

A. 4. **B.** 27. **C.** 2. **D.** 30.

Câu 3. Số đối của số -2025 là?

A. -2025. **B.** 2025. **C.** 5202. **D.** -5202.

Câu 4. Hãy chọn khẳng định đúng trong các khẳng định sau?

A. $-4 \in N$. **B.** $0 \notin Z$. **C.** $5 \in Z$. **D.** $12 \notin N$.

Câu 5. Trong các hình sau, hình nào là hình tam giác đều?

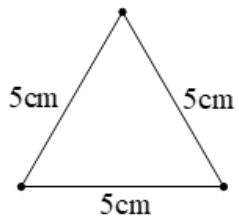

Hình 1

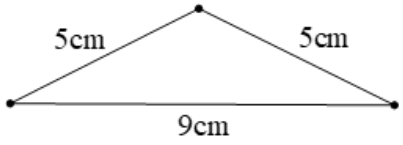

Hình 2

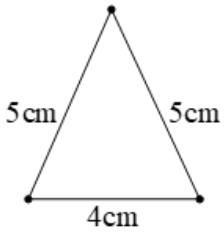

Hình 3

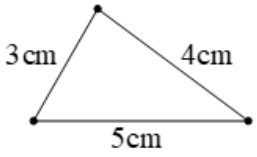

Hình 4

A. Hình 1. **B.** Hình 3. **C.** Hình 2. **D.** Hình 4.

Câu 6. Khẳng định nào sau đây là đúng về hình chữ nhật?

A. Có hai đường chéo vuông góc với nhau.
B. Có 4 cạnh bằng nhau.
C. Có 4 góc bằng nhau và bằng góc vuông.
D. Có 6 đỉnh.

Câu 7. Trong các dữ liệu dưới đây, dữ liệu nào **không phải** là số liệu?

A. Số lớp 6 của trường THCS Đặng Tấn Tài trong năm học 2024-2025.
B. Số cây xanh lớp 6A2 trồng được trong vườn trường.
C. Loại nước uống mà các học sinh lớp 6A1 yêu thích.
D. Số điểm 10 mà mỗi lớp đạt được trong cuộc thi "Hoa Điểm 10" để chào mừng kỉ niệm 20/11.

Câu 8. Biểu đồ tranh dưới đây cho biết số tivi (TV) bán được trong mỗi năm của siêu thị điện máy B. Hỏi năm nào siêu thị điện máy B bán được nhiều tivi nhất?

Số tivi (TV) bán được qua các năm của siêu thị điện máy B		
Năm	Số ti vi bán được	Số ti vi bán được
2017		150
2018		110
2019		260
2020		300
2021		210
: 50 TV	: 10 TV	

A. 2019. **B.** 2020. **C.** 2021. **D.** 2017.

Câu 9. Điểm A trong hình vẽ sau biểu diễn số nguyên nào?

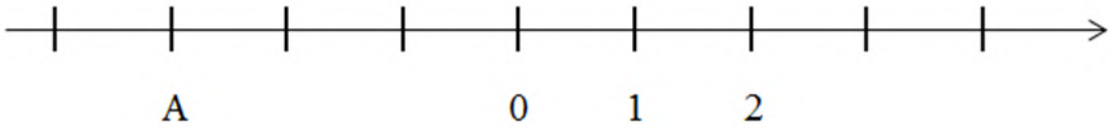

A. 3. **B.** -2. **C.** -3. **D.** -1.

Câu 10. Vào một ngày mùa đông tại Cao Bằng, nhiệt độ buổi sáng là 10^0C và buổi tối hôm đó nhiệt độ giảm 13^0C. Tính nhiệt độ buổi tối hôm đó tại Cao Bằng?

A. 23^0C **B.** -23^0C. **C.** 3^0C. **D.** -3^0C.

Câu 11. Kết quả điểm kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A4 được cho trong bảng sau. Tính số học sinh lớp 6A4 đạt điểm 5 trở lên?

Điểm	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Học sinh	0	0	0	1	1	3	7	4	8	5	5

A. 33. **B.** 32. **C.** 30. **D.** 34.

Câu 12. Cho biểu thức: $E = 7^{2025} : 7^{2023} + 2024^0$. Giá trị của biểu thức E là:

A. 2 **B.** 7 **C.** 49 **D.** 50

B. TỰ LUẬN (7 điểm).

Bài 1. Thực hiện phép tính. (1,5 điểm).

a) 3 – 9 + (-4) **b)** (-5) . 4 + (-6)

Bài 2. Tìm x, biết. (1 điểm).

a) x – 3 = -9 **b)** 13 ⋮ x

Bài 3. (1 điểm).

Bác Lan đem theo 1000 000 đồng vào siêu thị dự định mua một số đồ dùng cần thiết cho gia đình. Bác Lan cần mua một bộ chén ăn cơm có giá 200 000 đồng, 1 cái nồi cơm điện có giá 600 000 đồng và 1 thùng sữa Vinamilk có giá 320 000 đồng. Hỏi bác Lan có đủ tiền mua các món đồ dự định không?

Bài 4. (1, 5 điểm).

Nhà bạn Mai có một khu vườn hình chữ nhật với chiều dài là 12m và chiều rộng là 8m.

a) Tính diện tích khu vườn nhà bạn Mai?
b) Giữa khu vườn, ba bạn Mai đào một cái ao hình thoi có độ dài hai đường chéo là 8m và 6m

để thả cá. Phần còn lại mẹ bạn Mai trồng rau. Tính diện tích trồng rau trong khu vườn nhà bạn Mai?

Bài 5. (1 điểm).

Biểu đồ cột sau cho biết thông tin về kết quả học lực của học sinh khối 6 một trường THCS trong Thành phố Thủ Đức.

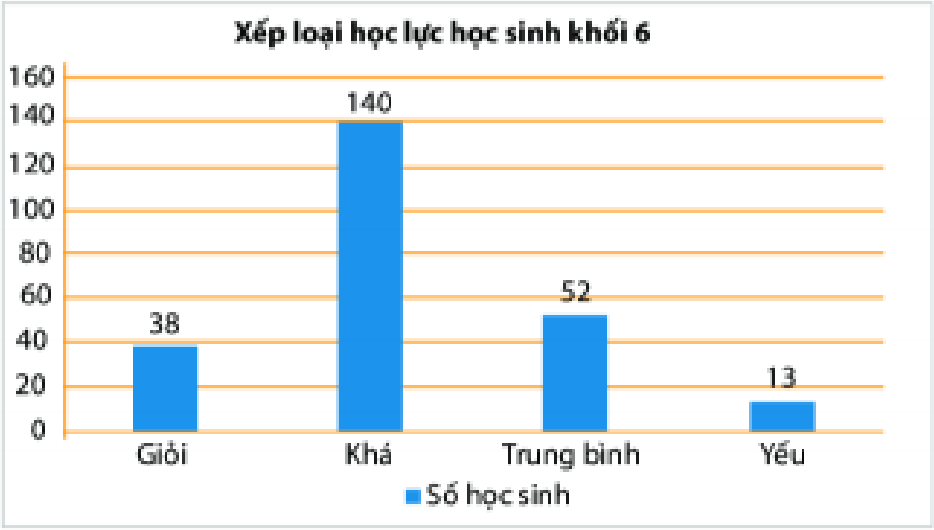

Hình 4

a) Học sinh khối 6 của trường THCS trên xếp loại học lực nào nhiều nhất?

b) Khối 6 của trường THCS trên có bao nhiêu học sinh đạt điểm trung bình trở lên?

Bài 6. (1 điểm).

Bạn Minh có một số cuốn sách cần xếp lên kệ sách. Nếu bạn Minh xếp lên kệ 10 cuốn, kệ 12 cuốn hay kệ 16 cuốn đều vừa đủ. Hỏi bạn Minh có ít nhất bao nhiêu cuốn sách?

----------**HẾT**----------

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS ĐẶNG TẤN TÀI

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN TOÁN 6
Năm học: 2024- 2025

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1.	**B**	**4.**	**C**	**7.**	**C**	**10.**	**D**
2.	**C**	**5.**	**A**	**8.**	**B**	**11.**	**B**
3.	**B**	**6.**	**C**	**9.**	**C**	**12.**	**D**

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (1,5 điểm)	3 – 9 + (-4) = (-6) + (-4) = -10	0,25 0,5
	(-5) . 4 + (-6) = (-20) + (-6) = -26	0,25 0,5
Bài 2 (1 điểm)	x – 3 = -9 x = -9 + 3 x = -6 Vậy x = -6	0,25 0,25
	Vì 13 ⋮ x nên x ϵ Ư(13). Mà Ư(11) = {−13; −1; 1; 13}. Vậy x ϵ {−13; −1; 1; 13}.	0,25 0,25
Bài 3 (1 điểm)	Tổng số tiền 3 món hàng bác Lan dự định mua là: 200 000 + 600 000 + 320 000 = 1 120 000 (đồng) Vì 1 120 000 > 1000 000 nên bác Lan không đủ tiền mua các món hàng đã dự định.	0,5 0,5
Bài 4 (1,5 điểm)	Diện tích khu vườn nhà bạn Mai là: S = a . b = 12 . 8 = 96 (m^2). Vậy khu vườn nhà bạn Mai có diện tích 96 m^2.	0,75

	Diện tích cái ao nhà bạn Mai là: S = $\frac{m.n}{2} = \frac{6.8}{2}$ = 24 (m^2). Diện tích trồng rau trong khu vườn nhà bạn Mai là: 96 – 24 = 72 (m^2). Vậy diện tích trồng rau trong khu vườn nhà bạn Mai là 48 m^2.	0,5 0,25
Bài 5 (1 điểm)	Khối 6 trường THCS trên có số học sinh xếp loại học lực Khá là nhiều nhất.	0,5
	Số học sinh đạt học lực từ Trung Bình trở lên là: 38 + 140 + 52 = 230 (học sinh). Vậy khối 6 trường THCS trên có 230 học sinh xếp loại học lực từ Trung Bình trở lên.	0,5
Bài 6 (1 điểm)	Gọi x (cuốn sách) là số sách bạn Minh có (x ϵ N^*). Vì bạn Mai xếp số sách lên kệ 12 cuốn, 14 cuốn hay 15 cuốn đều vừa đủ nên ta có: x ⋮ 12; x ⋮ 14; x ⋮ 15. Suy ra: x ϵ BC(12, 14, 15). Mà x là ít nhất nên x = BCNN(12, 14, 15). Phân tích ra thừa số nguyên tố: 12 = 2^2. 3 14 = 2 . 7 15 = 3 . 5 Suy ra: BCNN(12, 14, 15) = 2^2. 3. 5 . 7 = 420. Suy ra: x = 420. Vậy số sách ít nhất bạn Minh có là 420 cuốn.	0,25 0,25 0,25 0,25

Học sinh làm bài trình bày cách khác, giáo viên vận dụng thang điểm để chấm.

----------HẾT----------

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS HƯNG BÌNH

BỘ SGK Chân trời sáng tạo

(Đề gồm 03 trang)

ĐỀ THAM KHẢO HỌC KỲ 1
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian phát đề)*

A. TRẮC NGHIỆM: (3,0đ) Chọn đáp án đúng

Câu 1. Cho tập hợp Q = $\{x|x \in N$ và $10 \leq x \leq 15\}$. Hãy viết tập hợp Q bằng cách liệt kê các phần tử

A. $Q = \{10; 11; 12; 13; 14; 15\}$ B. $Q = \{10,11,12,13,14,15\}$

C. $Q = [10; 11; 12; 13; 14; 15]$ D. $Q = \{11; 12; 13; 14\}$

Câu 2. Trong các số sau: 23; 27; 29; 31. Số nào không phải là số nguyên tố

A. 23 B. 27 C. 29 D. 31

Câu 3. Tập hợp số nguyên được kí hiệu là

A. $\mathbb{N}$ B. $\mathbb{N}^*$ C. $\mathbb{Z}$ D. $\mathbb{R}$

Câu 4. Sắp xếp các số nguyên: 2 ; -29 ; 5 ; 1 ; -2 ; 0 theo thứ tự giảm dần là

A. 5; 2; 1; 0; -2; -29 B. -29; -2; 0; 1; 2; 5 C. -29; -2; 2; 5; 1; 0 D. 5; 2; 1; 0; -29; -2

Câu 5. Tập hợp các số nguyên là ước của 5 là:

A. $\{5\}$ B. $\{1;5\}$ C. $\{-1;-5\}$ D. $\{1;5;-1;-5\}$

Câu 6. Một máy thăm dò đáy biển ngày hôm trước hoạt động ở độ cao -947 mét (so với mực nước biển). Ngày hôm sau người ta cho máy nổi lên 55 m so với ngày hôm trước. Hỏi ngày hôm sau máy thăm dò đáy biển hoạt động ở độ cao nào (so với mực nước biển)?

A. 892m B. – 892m C. – 1 002m D. 1 002m

Câu 7. Trong các hình dưới đây, hình nào là hình thoi?

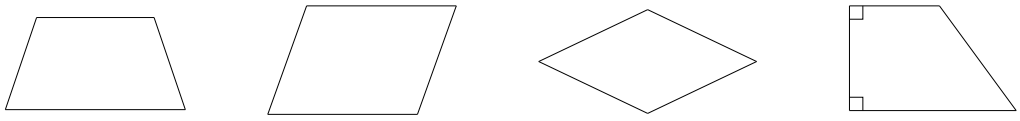

Hình 1 *Hình 2* *Hình 3* *Hình 4*

A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

Câu 8. Khẳng định nào sau đây **sai**?

A. Hai đường chéo của hình vuông bằng nhau.

B. Hai đường chéo của hình bình hành bằng nhau.

C. Hai đường chéo của hình thoi vuông góc.

D. Hai cạnh bên của hình thang cân bằng nhau.

Câu 9. Một mảnh đất hình vuông cạnh 10 m. Chu vi của mảnh đất đó là:

A. 40cm
B. $10m^2$
C. 100cm
D. 40m

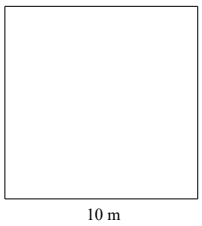

Câu 10. Hãy đọc bảng thống kê xếp loại hạnh kiểm lớp 6A sau:

Xếp loại hạnh kiểm	Tốt	Khá	Trung bình
Số học sinh	25	3	2

Em hãy cho biết lớp 6A có tất cả bao nhiêu học sinh?

A. 30 B. 25 C. 3 D. 2

Câu 11. Em hãy chỉ ra các điểm không hợp lí trong bảng dữ liệu sau:

STT	HỌ VÀ TÊN
1	Phạm Văn Biển
2	Đào Tân Nguyên
3	Phạm Văn Điệp
4	Số 12 đường Trường Trinh
5	Nguyễn Văn Kiên

A. Phạm Văn Biển. B. Đào Tân Nguyên.

C. Số 12 đường Trường Trinh. D. Phạm Văn Điệp.

Câu 12. Biểu đồ tranh sau biểu diễn số học sinh đạt điểm 10 môn Toán trong 5 tuần.

Tuần 1	
Tuần 2	
Tuần 3	
Tuần 4	
Tuần 5	
Mỗi **ứng với 1 học sinh**	

Tuần nào có nhiều học sinh đạt điểm 10 nhất?

A. Tuần 2 B. Tuần 3 C. Tuần 4 D. Tuần 5

B. TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1(1,5 điểm). Thực hiện phép tính

a) $45 : 3^2 - 55$ b) $160 - (4.5^2 - 3.2^3)$ c) $3.(-17) + 3.(120 - 17)$

Bài 2 (1,5 điểm). Tìm x

a) $x + 23 = -7$ b) $(4.x - 4):2 = -8$ c) $(x + 1)^3 = -8$

Bài 3 (2 điểm) a) Để chuẩn bị cho dịp " Hội xuân 2023", lớp 6A dự kiến sẽ bán 3 loại mặt hàng (như bảng thống kê dưới). Tính tổng số tiền lớp 6A phải trả cho những mặt hàng này:

STT	Tên mặt hàng	Số lượng nhập	Giá nhập
1	Trà sữa	70 li	18 500 đồng/li
2	Dừa	50 quả	10 200 đồng/quả
3	Xúc xích	8 gói	63 000 đồng/gói

b) Để khen thưởng học sinh của lớp có thành tích trong học kì I, cô giáo đã chuẩn bị 120 quyển vở và 48 chiếc bút. Số vở và số bút được chia đều cho các phần thưởng. Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu phần thưởng?

Bài 4 (1 điểm).

Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài là $24m$, chiều rộng là $20m$. Người ta chia mảnh đất thành hai khu, một khu trồng hoa và một khu trồng cỏ. Hoa sẽ trồng trong khu vực hình bình hành và cỏ trồng ở phần đất còn lại *(như hình vẽ)*

a) Tính diện tích mảnh đất hình chữ nhật?

b) Tính số tiền cần phải trả để trồng cỏ, biết giá mỗi mét vuông trồng cỏ là 30 000 đồng?

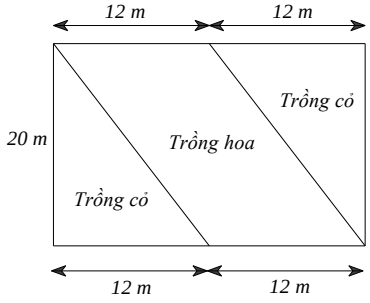

Bài 5 (1 điểm). Một cửa hàng bán ô tô thống kê số lượng ô tô bán được trong bốn quý năm 2021 được kết quả như sau:

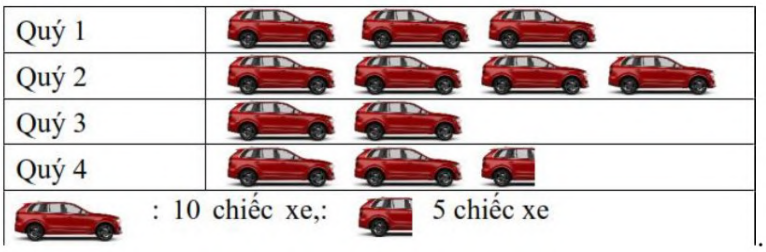

a) Tổng số xe bán được trong quý 4 là bao nhiêu?

b) Số xe bán được trong quý 2 nhiều hơn quý 4 là bao nhiêu chiếc?

--------HẾT--------

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS HƯNG BÌNH

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN TOÁN 6
Năm học: 2024 - 2025

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1.	A	4.	A	7.	C	10.	A
2.	B	5.	D	8.	B	11.	C
3.	C	6.	B	9.	D	12.	C

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Câu 1: (1,5 điểm)	a) $45 : 3^2 - 55 = 45 : 9 - 55 = 5 - 55 = -50$	0,25-0,25
	b) $160 - (4.5^2 - 3.2^3) = 160 - (4.25 - 3.8)$ $= 160 - (100 - 24)$ $= 160 - 76 = 84$	0,25 0,25
	c) $3.(-17) + 3.(120 - 17) = -51 + 3.103$ $= -51 + 309 = 258$	0,25 0,25
Câu 2: (1,5 điểm)	a) $x + 23 = -7$ $x = -7 - 23 = -30$	0,25-0,25
	b) $(4.x - 4) : 2 = -8$ $4x - 4 = -8.2 = -16$ $4x = -16 + 4 = -12$ $x = -12 : 4 = -3$	0,25 0,25
	c) $(x + 1)^3 = -8$ $(x + 1)^3 = (-2)^3$ $x + 1 = -2$ $x = -3$	0,25 0,25
Câu 3: (2,0 điểm)	a) Tổng số tiền là 70 . 18500 + 50.10200 + 8. 63000 = 2 309 000 (đồng)	0,5 0,5
	b) Số phần thưởng là ƯCLN của 120, 48 Ta có: $120 = 2^3.3.5; 48 = 2^4.3$ ƯCLN(120,48) = $2^3.3 = 24$ Vậy có thể chia nhiều nhất 24 phần thưởng	0,25 0,25 0,25 0,25

Câu 4: (1,0 điểm)	a) Diện tích mảnh đất là: 24.20 = 480 (m^2)	0,25 – 0,25
	b) Số tiền phải trả là: $2.\frac{1}{2}.20.12.30000 = 7\ 200\ 000$ (đồng)	0,25 0,25
Câu 5: (1 điểm)	a) Số xe bán trong quý 4 là 25 chiếc xe	0,5
	b) Số xe quý 2 bán nhiều hơn quý 4 là: 40 – 25 = 15 (chiếc)	0,25-0,25

----- HẾT -----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS LINH ĐÔNG

BỘ SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

(Đề gồm 3 trang)

ĐỀ THAM KHẢO CUỐI HỌC KỲ 1
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian phát đề)*

A. TRẮC NGHIỆM *(3,0 ĐIỂM)*

Câu 1. Số liền sau của số 2022 là:

A. 2020 **B.** 2021 **C.** 2022 **D.** 2023

Câu 2. Trong các số sau, số nào chia hết cho 2?

A. 340 **B.** 123 **C.** 143 **D.** 327

Câu 3. Số đối của số - 19 là :

A. 91 **B.** +91 **C.** +19 **D.** - 19

Câu 4 . Hãy nêu kết quả tìm x đúng, biết 200 + x = 150.

A. x = 50 **B.** x = - 50 **C.** x = - 350 **D.** x = 350

Câu 5. Mặt đồng hồ nào sau đây có dạng hình tam giác đều?

A.

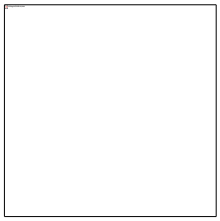

B.

C.

D.

Câu 6. Trong các khẳng định sau, khẳng định nào sai?

A. Hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau.

B. Hình thoi có hai đường chéo vuông góc với nhau.

C. Hình thang cân có hai góc kề một đáy bằng nhau.

D. Hình chữ nhật có bốn góc bằng nhau.

Câu 7. Bảng dữ liệu ghi số xe ô tô bán được của cửa hàng A.

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Số xe bán	40	30	50	85	75	90

Năm nào bán **được ít xe** ô tô nhất ?

A. 2017 **B.** 2019 **C.** 2020 **D.** 2016

Câu 8. Kết quả kiểm tra môn Toán của 34 học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số HS	0	1	0	3	5	7	8	5	4	1

Số học sinh đạt điểm trung bình (từ điểm 5 trở lên) là:

A. 26 **B.**30 **C.**8 **D.**31

Câu 9. Tập hợp tất cả các ước của 6 là

A. Ư(6) = {1; 2; 3; 6}. **B.** Ư(6) = {0 ; 1; 2; 3; 6}

C. Ư(6) = {1; 3; 6}. **D.** Ư(6) = {1; 2; 6}.

Câu 10. Các điểm M và N ở hình sau đây trên trục số lần lượt biểu diễn cho các số nguyên nào?

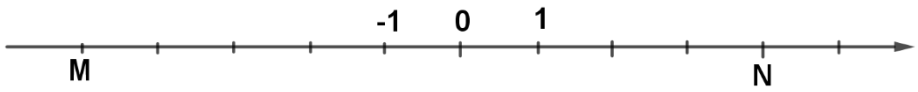

A. -5 và -4 **B.** -4 và $+4$ **C.** -5 và 4 **D.** -4 và 3

Câu 11. Chọn kết quả của biểu thức sau: $(21-39):2+1$

A. 10 **B.** – 6 **C.** 6 **D.** –8

Câu 12. Trong các phép tính lũy thừa dưới đây, phép tính nào là sai?

A. $7^{100}:7^{100}=7^0$ **B.** $2023^0=1$ **C.** $4^3.4^7=4^{10}$ **D.** $3^9:3^7=3$

B. TỰ LUẬN *(7,0 ĐIỂM)*

Bài 1(1,0 điểm).

a) Liệt kê các số nguyên tố nhỏ hơn 25.

b) Sắp xếp các số -2024; 2023; -26; 25; -9; 0; 8 theo thứ tự tăng dần

Bài 2(1,0 điểm). Thực hiện phép tính

a) $12.(-13)+12.10+70$

b) $4^1.5^2-7^{52}:7^{50}+2024^0$

Bài 3(1,0 điểm). Tìm x

a) $(-6).x+7=253$

b) $30-3.(x+1)=3^6:3^4$

Bài 4(1,0 điểm). Lịch cập cảng của ba con tàu như sau :

+ Tàu thứ nhất cứ 10 ngày cập cảng một lần .

+ Tàu thứ hai cứ 12 ngày cập cảng một lần .

+ Tàu thứ ba cứ 15 ngày cập cảng một lần .

Hôm nay ngày thứ hai đầu tuần, ba tàu cùng cập cảng . Hỏi sau ít nhất bao nhiêu ngày thì ba tàu lại cùng cập cảng và hôm đó là thứ mấy ?

Bài 5 (1,0 điểm). Lan đang ngồi trên máy bay và nhìn thấy màn hình thông báo nhiệt độ bên ngoài máy bay là -28^0C. Máy bay đang hạ cánh, nhiệt độ bên ngoài trung bình mỗi phút tăng 4^0C. Hỏi sau 10 phút nữa nhiệt độ bên ngoài máy bay là bao nhiêu ?

Bài 6(1,0 điểm) Một cửa hàng A thống kê số lượng cam bán được trong 4 ngày cuối tuần vừa rồi bằng biểu đồ tranh sau đây:

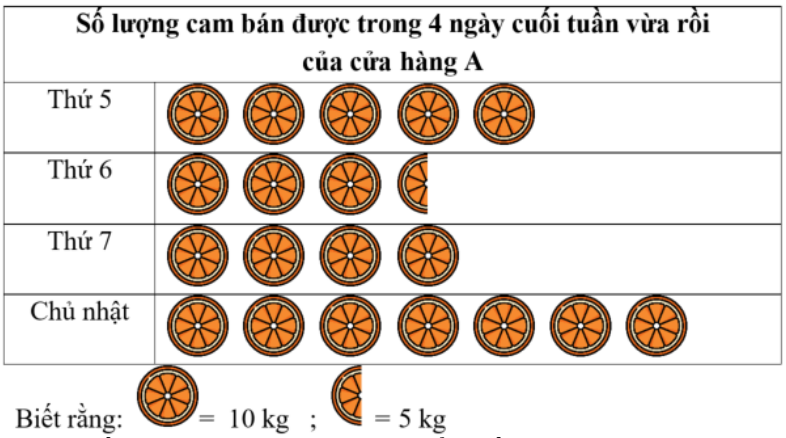

a) Lập bảng thống kê tương ứng với biểu đồ tranh trên.

b) Từ bảng thống kê, em hãy cho biết:

* Thứ mấy cửa hàng đó bán ít nhất?

* Tổng số cam bán được trong 4 ngày cuối tuần vừa rồi là bao nhiêu kg?

Bài 7(1,0 điểm). Một khu đất của ông Tám có dạng như hình vẽ bên dưới:

a) Tính chu vi của khu đất.

b) Ông Tám mua thêm một miếng đất hình vuông liền kề với khu đất của ông có kích thước cạnh bằng 400 cm. Sau đó, ông dùng những viên gạch hình bình hành lát nền toàn bộ đất của ông với chi phí mua gạch là 7 triệu đồng. Em hãy tính diện tích một viên gạch hình bình hành này là bao nhiêu dm^2, biết rằng giá 1 thùng gạch (gồm 12 viên) là 168 000 đồng và khoảng cách giữa các viên gạch là không đáng kể.

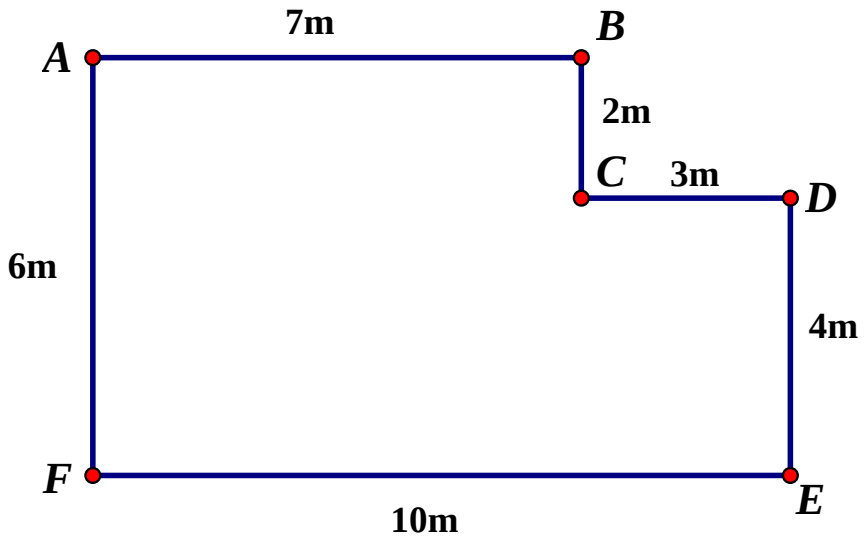

----- HẾT -----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS LINH ĐÔNG

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1
MÔN TOÁN 6
Năm học: 2024-2025

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1.	D	4.	B	7.	D	10.	C
2.	A	5.	B	8.	B	11.	D
3.	C	6.	A	9.	A	12.	D

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

<table>
<tr><th>Câu</th><th>Nội dung đáp án</th><th>Thang điểm</th></tr>
<tr><td rowspan="2">Bài 1
(1,0 điểm)</td><td>a) 2;3;5;7;11;13;17;19;23</td><td>0,25x2</td></tr>
<tr><td>b) Sắp xếp các số -2024; 2023; -26; 25; -9; 0; 8 theo thứ tự tăng dần là :
-2024 < -26 < -9 < 0 < 8 < 25 < 2023</td><td>0,25x2</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Bài 2
(1,0 điểm)</td><td>a) $12.(-13) + 12.10 + 70 = -156 + 120 + 70 = 34$</td><td>0,25x2</td></tr>
<tr><td>b) $4^1.5^2 - 7^{52}:7^{50} + 2024^0 = 4.25 - 7^2 + 1 = 100 - 49 + 1 = 52$</td><td>0,25x2</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Bài 3
(1,0 điểm)</td><td>a)(–6).x + 7 = 253⇒(–6).x = 253-7⇒ ⋯ ⇒x = -41</td><td>0,25x2</td></tr>
<tr><td>b) $30-3.(x+1)=3^6:3^4 \Rightarrow 30-3.(x+1)=9 \Rightarrow 3.(x+1)=30-9 \Rightarrow ... \Rightarrow x=6$</td><td>0,25x2</td></tr>
<tr><td>Bài 4
(1,0 điểm)</td><td>Gọi x là số ngày ít nhất mà ba tàu lại cập cảng cùng nhau (x∈ N^*)
Vì ba con tàu cứ cập cảng 10 ngày, 12 ngày ,15 ngày một lần nên x là bội chung của 10;12 và 15.
Mà x là ít nhất nên x = BCNN(10,12,15)
10 = 2.5; 12 = 2^2.3; 15 = 3.5
BCNN (10,12,15) = 2^2.3.5 = 60 hay x = 60
Vậy sau ít nhất 60 ngày thì ba tàu lại cùng cập cảng và hôm đó là thứ sáu.</td><td>0,25
0,25
0,25
0,25</td></tr>
<tr><td>Bài 5 (1,0 điểm)</td><td>Sau 10 phút nhiệt độ tăng thêm 4.10 = 40^0C
Nhiệt độ bên ngoài máy bay là -28 + 40 = 12^0C</td><td>0,5
0,5</td></tr>
<tr><td>Bài 6 (1,0 điểm)</td><td><table><tr><th colspan="2">Số lượng cam bán được trong 4 ngày cuối tuần vừa rồi của cửa hàng A</th></tr><tr><td>Thứ 5</td><td>50</td></tr><tr><td>Thứ 6</td><td>35</td></tr><tr><td>Thứ 7</td><td>40</td></tr><tr><td>Chủ nhật</td><td>70</td></tr></table></td><td>0,5</td></tr>
</table>

	a)	
	b) Thứ 6 bán ít nhất vì bán 35 kg. Tổng số cam bán được là: 50 + 35 + 40 + 70 = 195 (kg)	**0,25** **0,25**
Bài 7 (1,0 điểm)	**a)** Chu vi khu đất: 7 + 2+ 3 + 4 + 10 + 6 = 32 (m)	**0,5**
	b) Đổi: 400 cm = 4 m. Diện tích cả khu đất lát nền là: $(7.6)+(4.3)+(4.4)=70\left(m^2\right)$ Giá một viên gạch hình bình hành là: 168 000 : 12 = 14 000 (đồng). Số viên gạch cần mua là: 7 000 000 : 14 000 = 500 (viên) Diện tích một viên gạch hình bình hành là: 70 : 500 = 0,14 m^2 = 14 dm^2.	**0,25** **0,25**

----- HẾT -----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS LƯƠNG ĐỊNH CỦA

BỘ SGK CTST.
(Đề gồm …. trang)

ĐỀ THAM KHẢO HỌC KỲ 1
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian phát đề)*

I.TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu 1. Trong các số sau, số nào là số tự nhiên?

A. 2710. B. -7,5. C. $\frac{4}{9}$. D. 0,6.

Câu 2. Cho các số 123; 541; 677; 440. Số chia hết cho 3 là

A. 123. B. 541. C. 677 D. 440

Câu 3.Số đối của số - 5 là

A. -5 B. $\frac{1}{5}$ C. 5 D. $\frac{-1}{5}$

Câu 4. Tổng của hai số đối nhau bằng:

A. 1. B. 0. C. 1 số nguyên âm. D. 1 số nguyên dương.

Câu 5. Trong các tập hợp sau, tập hợp nào có các phần tử được xếp theo thứ tự tăng dần:

A. {-10, -9, 0, 8, -1, 6} B. {0, -1, 8, 6, -10, -9}

C. {-10, -9, 8, 0, -1, 6} D. {-10, -9, -1, 0, 6, 8}

Câu 6. Thực hiện phép tính 20 – 2. (-3) + 10

A. -20 B. 20 C. 36 D. 24

Câu 7. Điểm A trong hình dưới đây biểu diễn số nguyên nào?

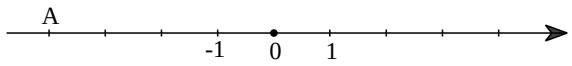

A. –3. B. 3. C. –4. D. -5.

Câu 8. Nhiệt độ của tủ đông lúc chưa khởi động là 30^{o}C, sau khi khởi động một thời gian, nhiệt độ tủ đông là -10^{o}C. Hỏi tủ đông đã giảm bao nhiêu độ ?

A. 40^{o}C B. 20^{o}C C. -20^{o}C D. -30^{o}C

Câu 9. Trong các hình dưới đây, hình nào là hình vuông?

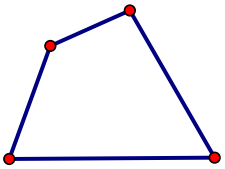
(1)

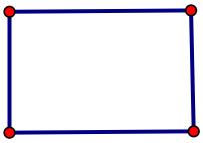
(2)

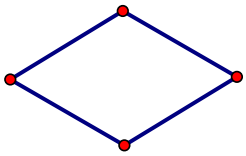
(3)

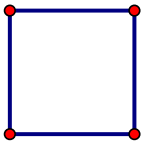
(4)

A. Hình (1). B. Hình (2). C. Hình (3). D. Hình (4).

Câu 10. Hình nào dưới đây có 4 góc bằng nhau?

A. Hình thang cân. B. Hình bình hành.

C. Hinh thoi. D. Hình chữ nhật.

Câu 11. Cho tam giác đều ABC với AB = 17 cm. Độ dài cạnh BC là:

A. 17 cm. B. 7,5 cm. C. 30 cm. D. 5 cm.

Câu 12. Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào không phải là số liệu ?

A. Những môn học có điểm tổng kết trên 8,0 của bạn Nam.

B. Cân nặng của trẻ sơ sinh (đơn vị tính là gam).

C. Chiều cao trung bình của một số loại cây thân gỗ (đơn vị tính là mét).

D. Số học sinh thích ăn kem.

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu 1 (1,0 điểm):Tính

a) $390:\left[500-\left(125+35.7\right)\right]$

b) $\left(-18\right)+\left(-24\right)+35$

Câu 2 (1,0 điểm): Tìm x

a) x - 234= -12

b) $(x-3).12=3^2.2^3$

Câu 3 (1,0 điểm): Viết tập hợp theo cách liệt kê

a) $A=\{x\in Z,-2\le x\le 5\}$

b) $B=\{x\in Z,x\in U(4)\}$

Câu 4 (1,0 điểm): Nhà trường tổ chức cho học sinh khối 6 học tập trải nghiệm. Biết số học sinh khối 6 tham gia học tập trải nghiệm trong khoảng từ 270 đến 390 học sinh và xếp thành 12, 15, 18 hàng thì vừa đủ. Hỏi số học sinh khối 6 tham gia học tập trải nghiệm là bao nhiêu?

Câu 5 (1,0 điểm):Có một gian phòng nền hình chữ nhật. Biết chiều rộng gian phòng là 5m và chiều dài 10m.

a)Tính diện tích căn phòng.

b) Chủ nhà muốn lát gạch hình vuông có cạnh là 50cm cho căn phòng, với giá 50000đ/ viên. Tính giá tiền cần để lát gạch trong phòng?

Câu 6 (1,0 điểm): Dữ liệu số xe bán được của các năm từ năm 2016 đến năm 2020 được cho ở bảng sau đây:

Năm	Số xe bán được
2016	
2017	
2018	
2019	
2020	

10 xe; 5 xe

a) Năm nào bán được nhiều xe nhất?

b) Năm 2017 bán được nhiều hơn 2016 bao nhiêu chiếc xe?

c) Lập bảng thống kê số xe bán được của các năm từ 2016-2020.

Câu 7 (1,0 điểm): Một của hàng, một ngày nhập về 50 ly trà sữa giá vốn 1 ly là 12 000đ (đã bao gồm nguyên vật liệu và ly nhựa), chi phí phục vụ 1 người 1 ngày là 150 000đ. Biết rằng, trong hôm nay của hàng đã bán được 32 ly trà sữa với giá bán là 25 000đ/ly và cần 2 phục vụ. Hỏi hôm nay, cửa hàng lời hay lỗ bao nhiêu tiền?

---Hết---

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS LƯƠNG ĐỊNH CỦA

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN TOÁN 6
Năm học: 2024- 2025

I.TRẮC NGHIỆM: (3,0 ĐIỂM)

Mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm

CÂU HỎI	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
ĐÁP ÁN	A	A	C	B	D	C	C	A	D	D	A	A

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (…. điểm)	**a)** $390:[500-(125+35.7)]$ $=390:[500-(125+245)]$ $=390:[500-370]$ $=390:130=3$	**0,5**
	b) $(-18)+(-24)+35$ $=(-42)+35$ $=-7$	0,5
Bài 2 (… điểm)	a) x-234= -12 x=-12+234 x= 222 (0,25x2đ)	0,5
	b. $(x-3).12=3^2.2^3$ $(x-3).12=72$ $x-3=6$ $x=9$	0,5
Bài 3 (… điểm)	A=$\{x\in Z,-2\le x\le 15\}$ A={-2,-1,……,4,5} (0,5đ)	1,0

	B=$\{ x \in Z, x \in U(4) \}$ B=$\{ 1,2,4,-1,-2,-4 \}$ (0,5đ)	
Bài 4 (… điểm)	gọi số học sinh cần tìm là BC(12,15,18) $12=2^2.3$ $15=3.5$ $18=2.3^2$ $BCNN(12,15,18)=2^2.3^2.5=180$. $BC(12,15,18)=B(180)=\{0;180;360;540;\ldots\}$ Vì số học sinh học tập trải nghiệm trong khoảng từ 270 đến 390 Vậy số học sinh khối 6 tham gia học tập trải nghiệm là 360 học sinh.	1,0
Bài 5 (… điểm)	Diện tích căn phòng: (0,5đ) $5.10=50m^2$ Diện tích viên gạch: $50.50=2500cm^2=0,25m^2$ Số viên gạch : 50: 0,25=200 viên (0,25đ) Tổng tiền: 200. 50000=10000000đ (0,25đ)	1,0
Bài 6 (… điểm)	a) Năm nào bán được nhiều xe nhất? Năm 2019 (95 chiếc) (0,25đ) b) Năm 2017 bán được nhiều hơn 2016 bao nhiêu chiếc xe? 45-30=15(0,25đ) c) Lập bảng thống kê số xe bán được của các năm từ 2016-2020. Sai 1-2 dữ liệu -0,25đ (0,5đ)	1,0
Câu 7 (0,5 điểm)	Tổng tiền vốn hôm đó: 12000.50+300 000=900 000đ Tổng tiền thu về: 25 000.32= 800 000đ Vậy CH lỗ: 900 000-800 000=100 000đ Vì tiền vốn nhiều hơn tiền lãi	1,0

----- HẾT -----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS BÌNH THỌ

BỘ SGK CTST
(Đề gồm 03 trang)

ĐỀ THAM KHẢO HỌC KỲ I
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian phát đề)*

A. TRẮC NGHIỆM (3,0đ)

Câu 1. Cho $A=\{x\in\mathbb{N}\,|\,11<x\le 15\}$. Khẳng định nào sau đây là **đúng**?

A. $11\in A$ **B.** $15\notin A$ **C.** $13\in A$ **D.** $7\in A$

Câu 2. Số La Mã biểu diễn cho số 24 là:

A. XIV **B.** XXIIV **C.** XXV **D.** XXIV

Câu 3. Trong các số sau, số nào là số nguyên tố?

A. 21 **B.** 49 **C.** 1 **D.** 17

Câu 4. Tính $(-26+5^2)\cdot(-3)+7$:

A. 10 **B.** 17 **C.** 23 **D.** 55

Câu 5. Tìm x, biết $(x-3):5=-9$:

A. $x=-6$ **B.** $x=-42$ **C.** $x=-19$ **D.** $x=-54$

Câu 6. Gọi số đối của 20 là a. Kết quả của phép tính $a:(-4)$ là:

A. -20 **B.** 1 **C.** 5 **D.** 20

Câu 7. Một kho lạnh có nhiệt độ ban đầu là $-15°C$. Lần thứ nhất, người ta tăng nhiệt độ trong kho thêm $7°C$. Lần thứ hai, người ta giảm nhiệt độ trong kho đi $11°C$. Hỏi sau hai lần thay đổi thì nhiệt độ trong kho lạnh đó là bao nhiêu?

A. $-18°C$ **B.** $-19°C$ **C.** $-20°C$ **D.** $-21°C$

Câu 8. Chu vi của một hình tam giác đều có cạnh $18\,cm$ là:

A. $54\,cm$ **B.** $72\,cm$ **C.** $324\,cm$ **D.** $18\,cm$

Câu 9. Hình nào sau đây không phải là hình lục giác đều:

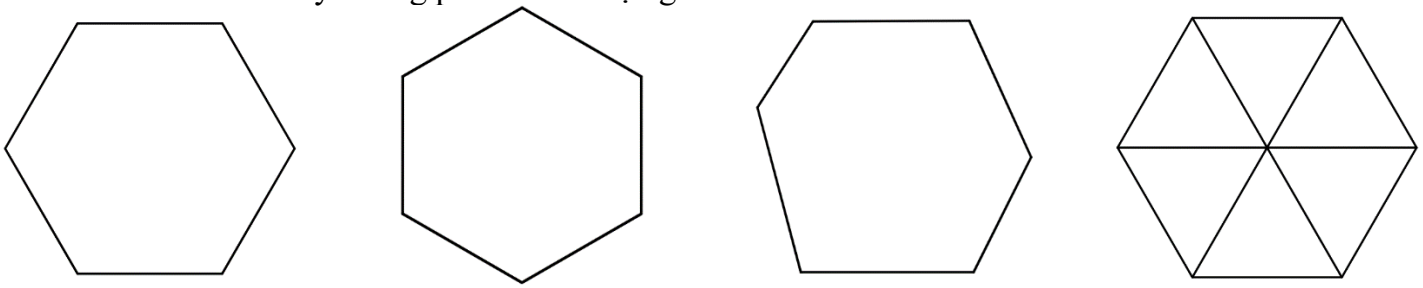

A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

A. Hình 1 **B.** Hình 2 **C.** Hình 3 **D.** Hình 4

Câu 10. Diện tích của hình bên là:

A. $122\,cm^2$ **B.** $357\,cm^2$

C. $428\,cm^2$ **D.** $580\,cm^2$

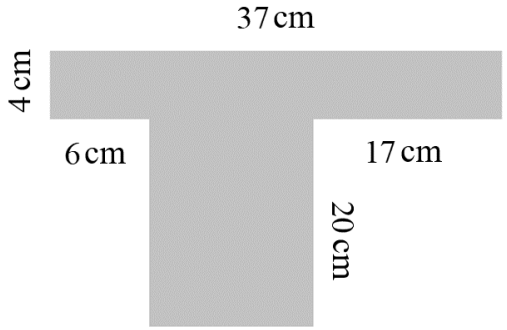

Câu 11. Có bao nhiêu điểm không hợp lí trong cột "Địa chỉ" của bảng dữ liệu sau:

STT	**Họ và tên**	**Địa chỉ**
1	Nguyễn Phương Anh	425, đường Phạm Thế Hiển, phường 3, quận 8
2	Nguyễn Minh Đạt	Google.com
3	Hồ Quang Khải	22, đường Lê Lợi, phường Bến Nghé, quận 1
5	Lê Minh Châu	−37 Nguyễn Văn B
6	Đặng Văn Bình	0903289155

A. 0 **B.** 1 **C.** 2 **D.** 3

Câu 12. Biểu đồ tranh dưới đây cho biết số máy cày của 5 xã:

Xã	Số máy cày
Xã A	
Xã B	
Xã C	
Xã D	
Xã E	

(= 10 máy cày; = 5 máy cày)

Khẳng định nào sau đây là **đúng**?

A. Xã E ít hơn xã C 5 máy cày.

B. Xã C và xã D có tổng cộng 55 máy cày.

C. Xã D có nhiều máy cày hơn xã B.

D. Xã A có 60 máy cày.

B. TỰ LUẬN (7,0đ)

Bài 1 (2,5đ). Tính (tính hợp lý nếu có thể):

a) $3^2+140:(-20)$ b) $109-25-(-91+75)$ c) $139\cdot 2^4+139\cdot(-116)$

Bài 2 (1,5đ). Tìm x, biết:

a) $x+14=3^2$ b) $26-\left(x+2025^0\right)=-5$

Bài 3 (1,0đ). Bác Bình có một mảnh đất hình thang cân. Biết số đo của đáy lớn là 40m, số đo đáy nhỏ là 30m, khoảng cách giữa hai cạnh đáy bằng 20 m.

a) Tính diện tích mảnh đất của bác Bình.

b) Trên mảnh đất đó của bác Bình, bác cho xây 2 khu trồng hoa có dạng hình thoi giống nhau với đường chéo mỗi khu lần lượt là 3 m và 4 m. Tính diện tích của phần mảnh đất không trồng hoa.

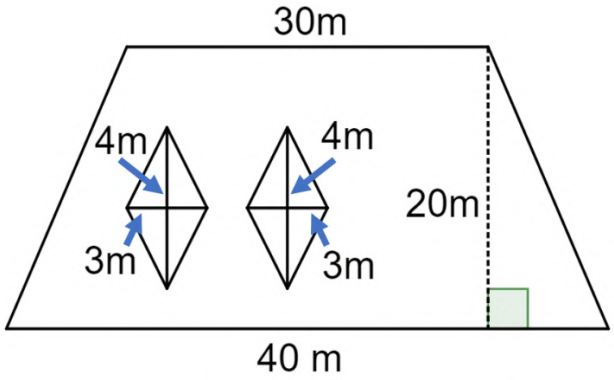

Bài 4 (1,0đ). Biểu đồ dưới đây nói về sản lượng cá ngừ đánh bắt được ở 4 tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa trong năm 2020.

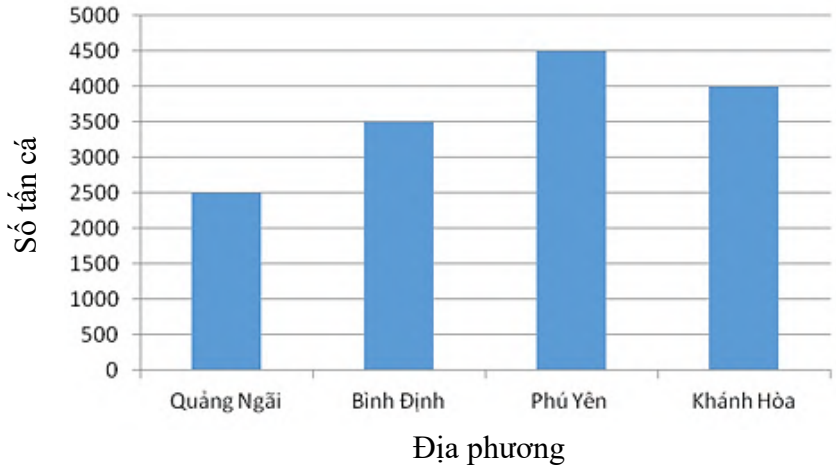

Quan sát biểu đồ và trả lời câu hỏi:

a) Tỉnh nào đánh bắt được nhiều cá ngừ nhất? Sản lượng cá là bao nhiêu?

b) Sản lượng cá tỉnh Khánh Hòa đánh bắt nhiều hơn hay ít hơn tỉnh Quảng Ngãi? Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu tấn cá?

Bài 5 (1,0đ). Ba con tàu cập bến theo các lịch trình như sau: tàu thứ nhất cứ 18 ngày cập bến một lần, tàu thứ 2 cứ 20 ngày cập bến một lần, tàu thứ 3 cứ 12 ngày cập bến một lần. Hỏi nếu cả ba tàu cùng cập bến hôm nay thì sau ít nhất bao nhiêu ngày cả ba tàu lại cập bến cùng nhau?

---HẾT---

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS BÌNH THỌ

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ THAM KHẢO HỌC KÌ I
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 6

A. TRẮC NGHIỆM (3,0đ)

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6
C	D	D	A	B	C

Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10	Câu 11	Câu 12
B	A	C	C	D	B

B. TỰ LUẬN (7,0đ)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (2,5đ)		
a)	$3^2+140:(-20)=9-7$	$0,5$
	$=2$	$0,25$
b)	$109-25-(-91+75)=109-25+91-75$	$0,25$
	$=109+91-25-75$	$0,25$
	$=200-100$	$0,25$
	$=100$	$0,25$
c)	$139\cdot 2^4+139\cdot(-116)=139\cdot 16+139\cdot(-116)$	$0,25$
	$=139\cdot[16+(-116)]$	$0,25$
	$=-13900$	$0,25$
Bài 2 (1,5đ)		
a)	$x+14=3^2$	
	$x+14=9$	$0,25$
	$x=9-14$	$0,25$
	$x=-5$	$0,25$
b)	$26-(x+2025^0)=-5$	
	$26-(x+1)=-5$	$0,25$
	$x+1=26-(-5)$	
	$x+1=31$	$0,25$
	$x=31-1$	
	$x=30$	$0,25$

Bài 3 (1,0đ)		
a)	Diện tích mảnh đất của bác Bình là: $\frac{(40+30)\cdot 20}{2}=700\,\text{m}^2$	0,5
b)	Diện tích hai khu trồng hoa là: $2\cdot\frac{4\cdot 3}{2}=12\,\text{m}^2$ Diện tích phần mảnh đất không trồng hoa là: $700-12=688\,\text{m}^2$	0,25 0,25
Bài 4 (1,0đ)		
a)	Tỉnh Phú Yên đánh bắt nhiều cá ngừ nhất. Sản lượng cá đánh bắt được là 4500 tấn.	0,5
b)	Sản lượng cá tỉnh Khánh Hòa đánh bắt nhiều hơn tỉnh Quảng Ngãi và nhiều hơn: $4000-2500=1500$ tấn.	0,5
Bài 5 (1,0đ)		
	Gọi x là số ngày cả ba tàu lại cập bến cùng nhau. Vì $x\vdots 18$, $x\vdots 20$, $x\vdots 12$ và x là ít nhất nên x là $\text{BCNN}(18;20;12)$. $18=2\cdot 3^2;\ 20=2^2\cdot 5;\ 12=2^2\cdot 3$ $\text{BCNN}(18;20;12)=2^2\cdot 3^2\cdot 5=180$ Vậy sau ít nhất 180 ngày thì cả ba tàu lại cập bến cùng nhau.	0,25 0,25 0,25 0,25

Lưu ý:
- Tổ thống nhất hướng dẫn chấm, chấm thử 3 đến 5 bài trước khi chấm.
- Học sinh làm bài trình bày cách khác, giáo viên vận dụng thang điểm để chấm.

---HẾT---

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS LÊ VĂN VIỆT

BỘ SGK CTST
(Đề gồm 02 trang)

ĐỀ THAM KHẢO CUỐI KỲ I
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian phát đề)*

Bài 1. (2,5 điểm) Thực hiện phép tính

a) $5^2.2 + 3^{10} : 3^7 – 2024^0$

b) 14.38 + 14.78 – 14.16

c) $107 – 7. [(16 – 6)^2 – 75] : 5$

Bài 2. (2,0 điểm) Tìm *x*, biết

a) x + 10 = -7

b) $30 – 3(x + 1) = 3^6 : 3^4$

Bài 3. (1,0 điểm) Trong tiết chào cờ đầu tuần Cô chủ nhiệm yêu cầu học sinh lớp 6A xếp hàng. Nếu xếp hàng 8 hoặc hàng 10 thì vừa đủ. Biết số học sinh lớp 6A trong khoảng từ 35 đến 48 học sinh. Hỏi lớp 6A có bao nhiêu học sinh?

Bài 4. (1,5 điểm) Bạn Hà mỗi ngày được mẹ cho 60 000 đồng để tiêu vặt. Bạn thường ăn sáng hết 25 000 đồng, uống nước hết 15 000 đồng, số tiền còn lại bạn bỏ ống tiết kiệm.

a) Mỗi ngày bạn Hà tiết kiệm được bao nhiêu tiền?

b) Bạn Hà muốn tặng mẹ một cây son màu hồng san hô giá 450 000 đồng nhân dịp sinh nhật mẹ. Hỏi bạn phải để dành đến ngày thứ bao nhiêu mới mua được cây son đó?

Bài 5. (1,5 điểm) Người ta cần sơn một bức tường như hình vẽ. Biết AB = AF = 5m; CD = 3m, DE = 4m.

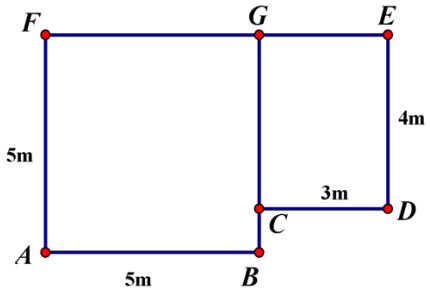

a) Tính diện tích của bức tường cần sơn.
b) Biết chi phí sơn tường là 90 000 đồng cho $2m^2$. Hỏi để sơn toàn bộ bức tường đó cần hết bao nhiêu tiền?

Bài 6. (1,5 điểm) Số xe ô tô cho thuê trong một tuần của cửa hàng A được biểu diễn trong biểu đồ sau:

a) Ngày thứ hai cửa hàng đã cho thuê bao nhiêu xe?

Ngày	Số xe cho thuê
Thứ hai	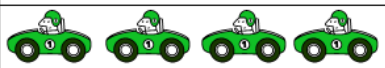
Thứ ba	
Thứ tư	
Thứ năm	
Thứ sáu	
Thứ bảy	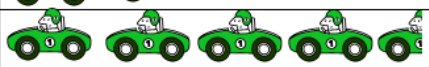

(= 4 xe ô tô; 2 xe ô tô)

b) Em hãy cho biết tổng số xe cho thuê trong ngày thứ sáu và thứ bảy của cửa hàng A là bao nhiêu?

----HẾT----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS TÂN PHÚ

BỘ SGK CTST

(Đề gồm 4 trang)

ĐỀ THAM KHẢO HỌC KỲ I
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian phát đề)*

A. TRẮC NGHIỆM: (3,0đ) Hãy khoanh tròn vào phương án đúng.

Câu 1. Cho $X = \{x \in N^* | 16 \le x < 21\}$. Khẳng định nào đúng?

A. $16 \in X$ **B.** $18 \notin X$ **C.** $20 \notin X$ **D.** $21 \in X$

Câu 2. Xét số $\overline{5*}$. Thay dấu * bởi chữ số nào sau đây thì số trên vừa chia hết cho 2, vừa chia hết cho 5?

A. 5 **B.** 2 **C.** 0 **D.** 4

Câu 3. Tập hợp các số nguyên $\mathbb{Z}$ bao gồm:

A. Số 0 và các số nguyên âm.

B. Các số nguyên âm và các số nguyên dương.

C. Số 0, các số nguyên âm và các số nguyên dương.

D. Số 0 và các số nguyên dương.

Câu 4. Kết quả của phép tính: (-91) + (-25) = ?

A. 116 **B.** -116 **C.** 66 **D.** -66

Câu 5. Biển báo nào sau đây là hình tam giác đều.

Hình 1

Hình 2

Hình 3

Hình 4

A. Hình 3 **B.** Hình 1 **C.** Hình 4 **D.** Hình 2

Câu 6. Trong các khẳng định dưới đây, khẳng định nào **sai?**

A. Hai đường chéo hình chữ nhật bằng nhau.

B. Hai đường chéo hình thoi vuông góc với nhau.

C. Hai đường chéo hình bình hành cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

D. Hai đường chéo hình thang cân cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

Câu 7. Cho bảng thu thập nhiệt độ của các học sinh lớp 6A như sau. Học sinh nào có nhiệt độ cơ thể không hợp lý trong bảng dữ liệu.

Tên HS	My	Nhân	Lam	Huy	Nguyên	Phương	Như	Thảo	Tâm
Nhiệt độ (^{0}C)	37	36	36,7	37,5	- 37	37,1	36,5	36,7	37,3

A. Nhân **B.** Lam **C.** Nguyên **D.** Tâm.

Câu 8. Kết quả kiểm tra thường xuyên môn Toán của học sinh lớp 6A9 được cho trong bảng sau:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số HS	0	1	0	3	8	8	9	4	6	4

Số học sinh đạt điểm trung bình trở lên (từ điểm 5 trở lên) là:

A. 8 **B.** 43 **C.** 39 **D.** 4

Câu 9. Điểm E ở hình sau đây biểu diễn các số nguyên nào?

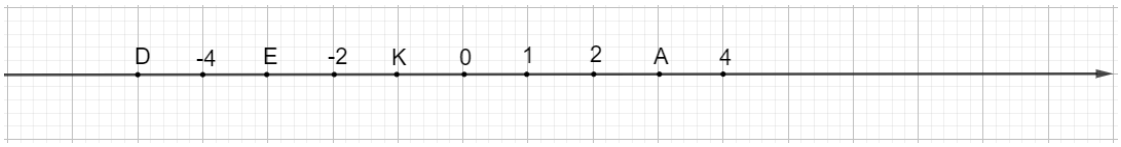

A. −5 **B.** −1 **C.** – 3 **D.** 3

Câu 10. Thực hiện phép tính $(-123).53+47.(-123)$

A. –100 **B.** 12300 **C.** -12300 **D.** –123.

Câu 11. Biểu đồ tranh sau đây biểu diễn số lượng học sinh Tổ 3 lớp 6B sử dụng các phương tiện khác nhau để đi đến trường. Số học sinh đến trường bằng xe máy (ba mẹ chở) nhiều hơn số học sinh đến trường bằng xe đạp là:

A. 0 học sinh **B.** 1 học sinh
C. 2 học sinh **D.** 3 học sinh

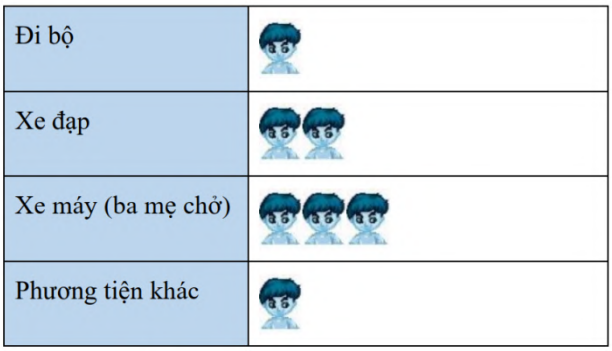

(Mỗi ứng với 2 học sinh)

Câu 12. Mẹ Lan đi chợ mua 2 kg táo, 3 kg xoài. Biết giá một kg táo là 22 000 đồng, một kg xoài là 20 000 đồng. Mẹ đưa cho người bán hàng một tờ tiền mệnh giá 200 000 đồng. Hỏi người bán trả lại cho mẹ Lan bao nhiêu tiền?

A. 96 000 đồng **B.** 156 000 đồng **C.** 100 000 đồng **D.** 104 000 đồng

B. TỰ LUẬN: (7,0đ)

Bài 1. (0,5 đ) Thực hiện phép tính: $\left\{100:\left[45-45:(-9)\right]-32\right\}.5+2.5^2$

Bài 2. (1,0 đ) Tìm x, biết:

a) $7x - 15 = 27$ b) $3.(5 + x) - 36 = 0$

Bài 3. (2,0đ) Bảng sau cho biết sự thay đổi về cân nặng của bạn Bình trong 4 tháng:

Tháng	**Tháng 1**	**Tháng 2**	**Tháng 3**	**Tháng 4**
Cân nặng thay đổi	Tăng 1kg	Giảm 3kg	Giảm 2kg	Tăng 2kg

a) Dùng các số nguyên biểu diễn sự thay đổi về cân nặng của bạn Bình trong mỗi tháng.

b) Ban đầu bạn Bình nặng 55kg, hỏi sau 4 tháng Bình nặng bao nhiêu kg?

Bài 4. (0,5đ) Mô tả đỉnh, cạnh, góc của tam giác đều ABC

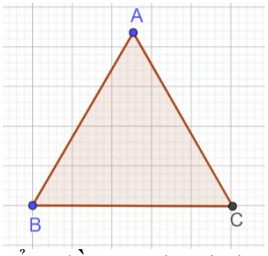

Bài 5. (0,75 điểm) Biểu đồ cột dưới đây cho biết thông tin về số con vật nuôi của học sinh lớp 6A1.

Nhìn biểu đồ, em hãy cho biết:

a) Con vật nào được nuôi nhiều nhất?

b) Tổng số con vật được nuôi của lớp 6A1 là bao nhiêu con?

Bài 6. (0,5 điểm) Bác Hai có một mảnh vườn hình chữ nhật với chiều dài 20 mét và chiều rộng là 12 mét. Giữa mảnh vườn bác đào một cái ao hình vuông để nuôi cá cạnh 8 mét, phần còn lại của mảnh vườn bác dùng để trồng rau.

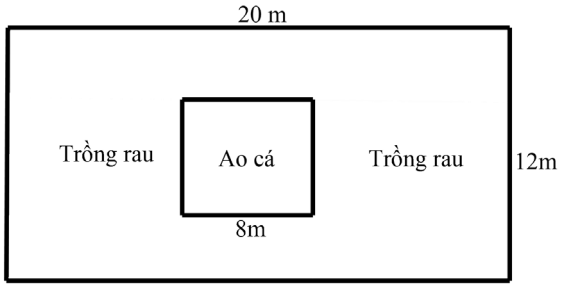

Tính diện tích trồng rau của mảnh vườn hình chữ nhật nhà bác Hai.

Bài 7. (0,75 đ) Mẹ cho Lan 150 000 đồng đi nhà sách. Lan mua 8 quyển tập với giá 7000 đồng một quyển, mua 3 cây bút với giá 5 000 đồng một cây và mua 1 quyển truyện giá 45 000 đồng. Hỏi Lan còn bao nhiêu tiền?

Bài 8. (1,0 đ) Có 60 quyển vở và 48 bút bi và 24 cây thước được chia đều thành từng phần thưởng. Hỏi có thể chia nhiều nhất được bao nhiêu phần thưởng để số vở, số bút bi và số cây thước được chia đều vào mỗi phần? Khi ấy mỗi phần thưởng có bao nhiêu vở, bao nhiêu bút bi và bao nhiêu cây thước?

--- HẾT ----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS TÂN PHÚ

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN TOÁN 6
Năm học: 2024-2025

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1.	A	**4.**	B	**7.**	C	**10.**	C
2.	C	**5.**	B	**8.**	C	**11.**	C
3.	C	**6.**	D	**9.**	C	**12.**	A

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (0,5 điểm)	$\left\{100:\left[45-45:(-9)\right]-32\right\}.5+2.5^2$	
	$=\left\{100:\left[45-(-5)\right]-32\right\}.5+2.25$ $=\left\{100:50-32\right\}.5+2.25$	**0,25**
	$=\left\{2-32\right\}.5+2.25$ $=-30.5+2.25$ $=-150+50$ $=-100$	**0,25**
Bài 2 (1,0 điểm)		
	a) $7x - 15 = 27$	
	$7x = 27+15$ $7x = 42$	**0,25**
	$x = 42:7$ $x = 6$	**0,25**
	b) $3.(5 + x) - 36 = 0$	
	$3.(5 + x) = 36$	**0,25**

<table>
<tr><td></td><td>5 + x = 36:3
5 + x =12
x = 12 – 5 = 7</td><td>0,25</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Bài 3 (2,0 điểm)</td><td>a)
<table><tr><th>Tháng</th><th>Tháng 1</th><th>Tháng 2</th><th>Tháng 3</th><th>Tháng 4</th></tr><tr><td>Cân nặng thay đổi</td><td>+1kg</td><td>-3kg</td><td>-2kg</td><td>+2kg</td></tr></table></td><td>0,25x4</td></tr>
<tr><td>b) Cân nặng của Bình sau 4 tháng là 55 + 1 – 3 – 2 + 2 = 53 kg</td><td>1,0</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Bài 4 (0,5 điểm)</td><td>Tam giác đều ABC có</td><td></td></tr>
<tr><td>3 đỉnh A,B,C
3 cạnh bằng nhau: AB = AC = BC</td><td>0,25</td></tr>
<tr><td>3 góc đỉnh A,B,C bằng nhau và bằng 60^0</td><td>0,25</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Bài 5 (0,75 điểm)</td><td>a) Con mèo được nuôi nhiều nhất</td><td>0,25</td></tr>
<tr><td>b) Tổng số con vật được nuôi của lớp 6A1 là
5 + 10 + 7 + 4 = 26 con</td><td>0,5</td></tr>
<tr><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Bài 6 (0,5 điểm)</td><td>Diện tích trồng rau của mảnh vườn nhà Bác Hai là
20.12 – 8.8 = 176 m^2</td><td>0,5</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Bài 7 (0,5 điểm)</td><td>Số tiền Lan phải trả cho nhà sách là
8.7000 + 3.5000 + 45000 = 116 000 đồng</td><td>0,5</td></tr>
<tr><td>Số tiền còn lại của Lan là 150000 – 116000 = 34 000 đồng</td><td>0,25</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Bài 8 (1,0 điểm)</td><td>Số phần thưởng nhiều nhất được chia là ƯCLN(60,48,24)</td><td>0,25</td></tr>
<tr><td>$60 = 2^2.3.5$
$48 = 2^4.3$
$24 = 2^3.3$
ƯCLN(60,48,24) = $2^2.3 = 12$</td><td>0,25</td></tr>
</table>

	Vậy có thể chia nhiều nhất được 12 phần thưởng	
	Số quyển vở trong mỗi phần thưởng là 60 :12 = 5 quyển vở Số bút bi trong mỗi phần thưởng là 48 : 12 = 4 cây bút bi Số cây thước trong mỗi phần thưởng là 24 : 12 = 2 cây thước	**0,5**

----- HẾT -----

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC TRƯỜNG THCS CÁT LÁI BỘ SGK: CTST *(Đề gồm 2 trang)*	**ĐỀ THAM KHẢO HỌC KỲ I** **NĂM HỌC: 2024 – 2025** *MÔN: TOÁN 6* *Thời gian: 90 phút* *(không kể thời gian phát đề)*

A. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các đáp án sau:

Câu 1. Cho tập hợp A = {x ∈ N | $x \le 8$ }.Trong các cách viết sau, cách viết nào đúng?

A. $A=\{1;2;3;4;5;6;7\}$ **B.** $A=\{0;1;2;3;4;5;6;7;8\}$

C. $A=\{0;1;2;3;4;5;6;7\}$ **D.** $A=\{1;2;3;4;5;6\}$

Câu 2. Điền số thích hợp vào dấu * để số $\overline{711*}$ chia hết cho cả 2, 3, 5, 9?

A. 5 **B.** 0 **C.** 3 **D.** 9.

Câu 3. Sắp xếp các số nguyên $4;-2;0;2$ theo thứ tự tăng dần, ta được kết quả là

A. $2;0;-2;4$. **B.** $0;-2;2;4$. **C.** $-2;0;2;4$. **D.** $4;2;0;-2$.

Câu 4. Kết quả của phép tính $35+(-47)$ là

A. 82. **B.** 12. **C.** -12. **D.** -82.

Câu 5. Tập hợp tất cả các ước số nguyên của 5 là

A. $\{-5;-1;1;5\}$. **B.** $\{-1;1;5\}$. **C.** $\{1;5\}$. **D.** $\{-1;-5;5\}$.

Câu 6. Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp $6A$ được cho trong bảng sau:

Điểm	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**
Số học sinh	**0**	**0**	**2**	**1**	**8**	**8**	**9**	**5**	**6**	**1**

Số học sinh đạt từ điểm 9 trở lên là

A. 1. **B.** 6. **C.** 12. **D.** 7.

Câu 7. Một viên gạch hình vuông có diện tích là $144cm^2$. Cạnh viên gạch đó là:

A. $12\ cm^2$ **B.** $13cm^2$ **C.** $12cm$ **D.** $13cm$

Câu 8. Cặp số nào sau đây là số nguyên tố?

A. 1; 5. **B.** 2; 5. **C.** 5; 9. **D.** 7; 9.

Câu 9. Số đối của -21 là:

A. -21 **B.** $\frac{1}{21}$ **C.** $-\frac{1}{21}$ **D.** 21

Câu 10. Ước chung lớn nhất của các số 40 và 48 là:

A. 8 **B.** 40 **C.** 48 **D.** 120

Câu 11. Trong hình chữ nhật

A. Hai đường chéo bằng nhau.

B. Hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.

C. Hai đường chéo song song.

D. Hai đường chéo song song và cắt nhau tại trung điểm mỗi đường

Câu 12. Trong các hình sau, hình nào là tam giác đều

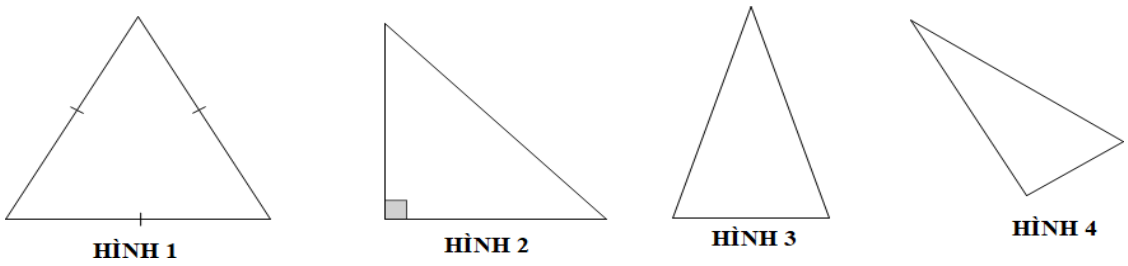

Hình 1 **B.** Hình 2 **C.** Hình 3 **D.** Hình 4

B. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính:

a) 90.75+90.25 b) $3^3 - 5^3 : 5^2$ c) $280 : [165 - (25 - 20)^2]$

Bài 2. (2,0 điểm) Tìm x, biết:

a) $x + 15 = 105$ b) $2x - 29 = 3^2$ **c)** x ∈ B(3) và x ≤ 21

Bài 3. (1,0 điểm)

Số liệu điểm kiểm tra Toán giữa học kỳ I của lớp $6B$ được ghi bằng bảng dữ liệu như sau:

8	**9**	**7**	**6**	**5**	**4**	**8**	**7**	**9**	**6**
10	**9**	**8**	**7**	**8**	**9**	**6**	**8**	**9**	**7**
9	**10**	**9**	**7**	**9**	**6**	**9**	**10**	**8**	**9**

a) Có bao nhiêu học sinh đạt điểm 8?

b) Lớp $6B$ có bao nhiêu học sinh làm bài kiểm tra Toán?

Bài 4. (1,5 điểm) Bác Ba có một mảnh vườn hình chữ nhật với chiều dài $20m$ và chiều rộng $12m$ như hình vẽ bên dưới.

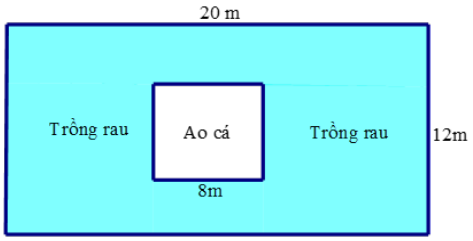

a) Tính diện tích mảnh vườn.

b) Giữa mảnh vườn bác Ba đào một cái ao hình vuông có độ dài cạnh là $8m$ để nuôi cá, phần còn lại của mảnh vườn bác Ba dùng để trồng rau. Tính diện tích phần đất trồng rau.

Bài 5. (1,0 điểm) Từ hai tấm gỗ có độ dài là 56dm, 48dm bác thợ mộc muốn cắt thành các thanh gỗ có độ dài như nhau mà không để thừa mẩu gỗ nào. Em hãy giúp bác thợ mộc tính độ dài lớn nhất có thể của mỗi thanh gỗ ngắn được cắt ra (độ dài mỗi thanh gỗ ngắn là một số tự nhiên với đơn vị dm)? Khi đó bác thợ mộc có được bao nhiêu thanh gỗ ngắn?

----- HẾT -----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS CÁT LÁI

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 6
Năm học: 2024- 2025

I: TRẮC NGHIỆM (3,0đ)

Mỗi phương án đúng ghi 0,25đ.

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10	Câu 11	Câu 12
B	B	C	C	A	D	C	B	D	A	B	A

II: TỰ LUẬN (7,0đ)

	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 *(1,5 điểm)*	a) $90.75 + 90.25 = 90.(75+25) = 90.100 = 900$	*0,5*
	b) $3^3 - 5^3 : 5^2 = 27 - 5 = 22$	*0,5*
	$c) 280 : [165 - (25-20)^2]$ $= 280 : [165 - 5^2]$ $= 280 : [165 - 25]$ $= 280 : 140$ $= 2$	*0,5*
Bài 2 *(2,0 điểm)*	$a) x + 15 = 105$ $x = 105 - 15$ $x = 90$	*0,75*
	$b) 2x - 29 = 3^2$ $2x - 29 = 9$ $2x = 9 + 29$ $2x = 38$ $x = 38 : 2 = 19$	*0,75*
	c)Vì $x \in B(3)$ và $x \le 21$. Nên $x \in \{0;3;6;9;12;15;18;21\}$	*0,5*
Bài 3 *(1,0 điểm)*	a) Có 6 học sinh đạt điểm 8	*0,5*
	a) Lớp $6B$ có 30 học sinh làm bài kiểm tra Toán	*0,5*
Bài 4 *(1,5 điểm)*	a) Diện tích mảnh vườn hình chữ nhật đã cho là $20 . 12 = 240$ m^2	*0,5*
	b) Diện tích ao cá là $8^2 = 64$ m^2	*0,5*
	Diện tích phần đất trồng rau là $240 - 64 = 136$ m^2	*0,5*
Bài5 *(1,0 điểm)*	Độ dài lớn nhất của thanh gỗ ngắn được cắt ra là ƯCLL(48,56) =8 Vậy độ dài lớn nhất của thanh gỗ được cắt ra là 8dm	*0,5*
	Số thanh gỗ ngắn bác thợ mộc có là: (48+56): 8= 13(đoạn)	*0,5*

----- HẾT -----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS THÁI VĂN LUNG

BỘ SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO
(Đề gồm 02 trang)

ĐỀ THAM KHẢO HỌC KỲ 1
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian phát đề)*

A. TRẮC NGHIỆM:(3,0 điểm) Hãy khoanh tròn vào phương án đúng.

Câu 1. Cho M là tập hợp các số tự nhiên chẵn nhỏ hơn 12. Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. $3 \in M$ **B**. $12 \in M$ **C**. $4 \notin M$ **D.** $6 \in M$

Câu 2. Cho các số 571; 6716; 435; 440. Số chia hết cho cả 3 và 5 là:

A. 571. **B**. 6716. **C**. 435 **D**. 440.

Câu 3. Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. $20 \in BC(4, 10)$ **B**. $36 \in BC(9, 15)$ **C**. $12 \in BC(6, 8)$ **D**. $48 \notin BC(16, 24)$.

Câu 4. Số đối của số 15 là:

A. $-(-15)$ **B**. 0 **C**. -15 **D**. 15

Câu 5. Khẳng định nào sau đây là đúng ?

A. $-4 < -7$ **B**. $0 > -50$ **C**. $3 < -5$ **D**. $-1 > 0$

Câu 6. Nhiệt độ trong phòng ướp lạnh đang là -1^0 C, bác Vinh vặn nút điều chỉnh giảm 6^0 C. Em hãy tính xem nhiệt độ sau khi giảm là bao nhiêu độ C.

A.-7^0 C **B**. -5^0 C **C**. 5^0 C **D**. 7^0 C

Câu 7. Trong các hình sau, hình nào là hình vuông?. Biết rằng các cạnh trong mỗi hình bằng nhau.

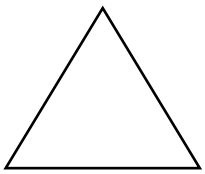

Hình 1

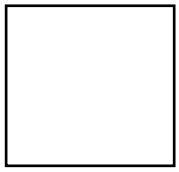

Hình 2

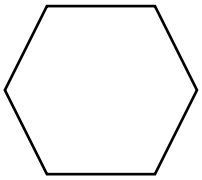

Hình 3

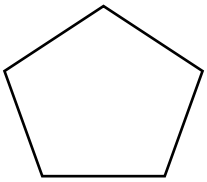

Hình 4

A. Hình 1. **B**. Hình 2. **C**. Hình 3. **D**. Hình 4

Câu 8. Khẳng định nào sau đây sai?

A. Hình thoi có bốn cạnh bằng nhau.
B. Hình chữ nhật có hai đường chéo vuông góc.
C. Hình chữ nhật có hai đường chéo bằng nhau.
D. Hình thoi có hai đường chéo vuông góc

Câu 9. Một hình chữ nhật có chiều dài là 5 dm và chiều rộng là 30 cm. Diện tích hình chữ nhật bằng?

A. 150 cm^2 **B**. 15 dm^2 **C**. 70 cm **D**. 150 dm^2

Câu 10. Cho bảng thống kê xếp loại học lực học kì I của lớp 6A1 như sau:

Xếp loại học lực	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Số học sinh	15	30	5	1	-1

Hãy tìm thông tin chưa hợp lí của bảng trên ?

A. 1 **B**. 5 **C**. -1 **D**. 30

Câu 11. Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số HS	0	0	2	1	8	8	9	5	6	1

Số học sinh đạt từ điểm 8 trở lên là:

A. 12. **B.** 6. **C.** 7 **D.**5

Câu 12. Biểu đồ tranh dưới đây cho ta thông tin về các môn thể thao yêu thích của học sinh lớp 6A1:

Cho biết có bao nhiêu học sinh yêu thích môn bóng đá ?

A. 4 **B**. 6

C. 12 **D**. 18

Môn thể thao yêu thích	Số học sinh chọn
Bóng đá	☺ ☺ ☺ ☺ ☺ ☺
Cầu lông	☺ ☺ ☺
Bóng bàn	☺
Đá cầu	☺ ☺ ☺ ☺
Bóng rổ	☺ ☺

Trong đó ☺ = 3 học sinh

B. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài 1. (1,5 đ)

a) Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần: –5 ; 0; –100; 1.

b) Liệt kê 4 số nguyên tố có hai chữ số nhỏ hơn 19.

c) Tìm hai bội của – 4.

Bài 2. (1 đ)

a) Tính nhanh: $4^2 . 18 + 4^2 . 82 – 100$

b) Thực hiện phép tính: $-150 + [45 – 5.(-4)]$

Bài 3. (1 đ) Tìm x biết:

a) 75 + x = –13

b) $5^{30} . (x – 12) = 5^{32}$

Bài 4. (1,75 đ)

a) Tại một bến xe, cứ 15 phút lại có một chuyến taxi rời bến, cứ 12 phút lại có một chuyến xe buýt rời bến. Lúc 7 giờ, một xe taxi và một xe buýt cùng rời bến một lúc. Hỏi sau ít nhất bao nhiêu phút thì một xe taxi và một xe buýt cùng rời bến lần tiếp theo? Lúc đó là mấy giờ?

b) Nhân dịp khai trương, một cửa hàng trà sữa thực hiện chương trình khuyến mãi mua 5 ly được tặng 1 ly cùng loại. Biết giá tiền 1 ly trà sữa là 25 000 đồng. Hỏi Hà mua đúng 20 ly trà sữa phải trả bao nhiêu tiền?

Bài 5. (1 đ) Một khu vườn hình chữ nhật có chiều rộng là 24 m và chiều dài là 35 m

a)Tính chu vi và diện tích của khu vườn đó.

b) Người ta muốn làm hàng rào xung quanh vườn bằng hai tầng dây thép gai. Biết rằng giá 1 mét dây thép gai là 13 000 đồng, tiền công thợ làm hàng rào là 1 000 000 đồng và cửa vào khu vườn rộng 4m. Hỏi người ta phải tốn bao nhiêu tiền để làm hàng rào trên?

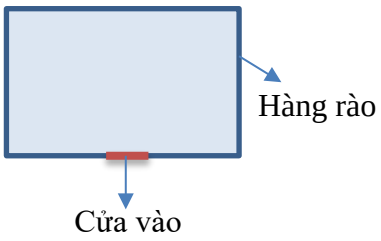

Bài 6. (0,75 đ). Biểu đồ cột dưới đây biểu diễn số máy cày có trong năm xã:

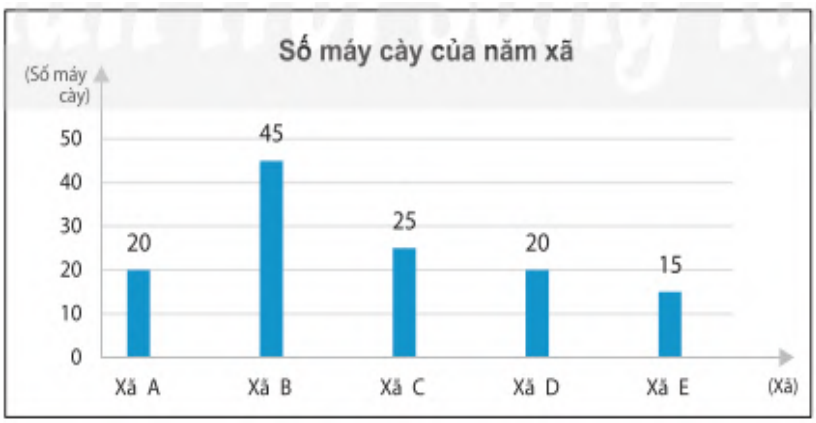

Quan sát biểu đồ em hãy trả lời các câu hỏi sau:

a) Xã nào có nhiều máy cày nhất? Xã nào có ít máy cày nhất?

b) Xã B nhiều hơn xã A bao nhiêu máy cày?

--- HẾT ----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS PHÚ HỮU

BỘ SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO
(Đề gồm 03 trang)

ĐỀ THAM KHẢO CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian phát đề)*

A. TRẮC NGHIỆM: (3,0đ) *(Hãy chọn câu trả lời đúng trong mỗi câu dưới đây và ghi chữ cái đứng trước phương án đó vào bài làm)*

Câu 1. Tập hợp A gồm các số tự nhiên nhỏ hơn 6.

A. $A=\{0;1;2;3;4;5\}$ **B.** $A=\{0;1;2;3;4;5;6\}$

C. $A=\{1;2;3;4;5;6\}$ **D.** $A=\{1;2;3;4;5\}$

Câu 2. Chữ số thích hợp ở dấu * để số $\overline{3*5}$ chia hết cho 9 là:

A. 10 **B.** 4 **C.** 1 **D.** 5

Câu 3. Trong các số tự nhiên sau số nào là số nguyên tố?

A. 1 **B.** 6 **C.** 9 **D.** 7

Câu 4. Số đối của số -10 là:

A. -10 **B.** 10 **C.** 0 **D.** 1

Câu 5. Kết quả của phép tính: (– 10) + 13 là:

A. -23 **B.** 3 **C.** -3 **D.** 23

Câu 6. Trong các hình sau, hình nào là hình vuông?

Hình 1 Hình 2 Hình 3 Hình 4

A. Hình 1 **B.** Hình 2 **C.** Hình 3 **D.** Hình 4

Câu 7. Chọn phát biểu **sai** trong các phát biểu sau:

A. Hình thoi có bốn đỉnh.

B. Hình thoi có hai cặp cạnh đối bằng nhau.

C. Hình thoi có hai cặp cạnh đối song song.

D. Hình thoi có hai đường chéo bằng nhau.

Câu 8. Số nguyên nào thích hợp điền vào ô trống sau?

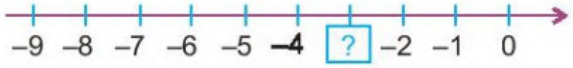

A. 3 **B.** -5 **C.** -3 **D.** 5

Câu 9. Cho $P=5^4.5^6:5^{10}$. Kết quả của biểu thức P là:

A. 1 **B.** 0 **C.** 5 **D.** 5^{10}

Câu 10. Dữ liệu thống kê từ biểu đồ tranh sau đây ghi lại số tivi (TV) bán được qua các năm của siêu thị máy tính B

Năm	**Số TV bán được**
2016	
2017	
2018	
2019	
2020	

(= 100 TV; = 50 TV)

Số tivi bán được năm 2018 là

A. 55 **B.** 550 **C.** 250 **D.** 350

Câu 11. Trong các phát biểu sau, phát biểu nào **sai**?

A. $3 > -4$. **B.** $-5 > -9$ **C.** $-1 < 0$ **D.** $-9 > -8$.

Câu 12. Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào không phải là số liệu?

A. Số học sinh tham quan chuyến đi thực tế của các lớp khối 6.

B. Số trường trung học cơ sở trong Thành phố Thủ Đức.

C. Thân nhiệt (độ C) của bạn An trong cùng khung giờ 7h sáng của các ngày trong tuần.

D. Phương tiện đến trường của các bạn trong lớp 6A.

B. TỰ LUẬN: (7,0đ)

Bài 1. (1,5đ) Thực hiện phép tính (tính hợp lí nếu có thể):

$a)\ 205+(-25)+(-175)-5$ $b) 17.85 + 15.17 - 120$ $c) 12+3.\left[39-(5-2)^2\right]$

Bài 2.(1,0đ) Tìm x.

$a)\ x+25=-10$ $b)\ 9(x-3)-27=189$

Bài 3. **(1,0 đ)** Có một số bánh trong khoảng từ 500 đến 600 cái. Người ta muốn xếp vào các hộp để làm quà tặng. Nếu xếp vào từng loại hộp 15; 18 hay 20 cái thì đều vừa đủ. Tính số cái bánh nói trên.

Bài 4. **(1,5 đ)** Một khoảng sân có dạng hình chữ nhật với chiều dài 12m và chiều rộng 7m. Người ta để một phần của sân để trồng hoa (phần kẻ sọc), phần còn lại lát gạch (phần trắng).

a) Tính chu vi của khoảng sân và diện tích phần còn lại để lát gạch?

b) Nếu lát phần sân còn lại bằng những viên gạch hình vuông cạnh 50cm thì cần bao nhiêu viên gạch? Số tiền lát gạch là bao nhiêu biết 1 viên gạch giá 55 000 đồng.

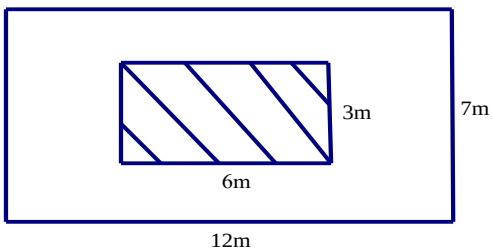

Bài 5. **(1,0 đ)** Biểu đồ tranh dưới đây cho biết thông tin về các loại trái cây yêu thích của các bạn khối 6.

a) Loại quả nào được học sinh khối 6 thích nhiều nhất?
b) Có bao nhiêu học sinh yêu thích quả cam?
c) Tính tổng số học sinh khối 6

Loại quả	Số học sinh yêu thích
Cam	
Bưởi	
Chuối	
Táo	
Nho	

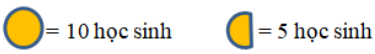

Bài 6. (1,0 đ) An vào nhà sách mua 5 quyển tập và 1 quyển Truyện. Biết mỗi quyển tập có giá là 8 000 đồng và quyển truyện có giá 24 000 đồng? An đưa cho nhân viên bán hàng 100 000 đồng. Hỏi An nhận lại số tiền thừa là bao nhiêu?

--- HẾT ----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS PHÚ HỮU

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: TOÁN 6
Năm học: 2024 – 2025

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1.	**A**	**4.**	**B**	**7.**	**D**	**10.**	**B**
2.	**C**	**5.**	**B**	**8.**	**C**	**11.**	**D**
3.	**D**	**6.**	**D**	**9.**	**A**	**12.**	**D**

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (1,5 điểm)	*a)* $205+(-25)+(-175)-5$ $=(205-5)+[(-25)+(-175)]$ $=200+(-200)$ $=0$	**0,25** **0,25**
	b) $17.85 + 15.17 - 120$ $=17.(85+15)-120$ $=17.100-120$ $=1700-120$ $=1580$	**0,25** **0,25**
	c) $12+3.\left[39-(5-2)^2\right]$ $=12+3.(39-3^2)$ $=12+3.(39-9)$ $=12+3.30$ $=12+90=102$	**0,25** **0,25**
	a) $x+25=-10$ $x=-10-25$ $x=-35$	**0,25** **0,25**

Bài 2 (1,0 điểm)	$b)\ 9(x-3)-27=189$ $9(x-3)=189+27$ $9(x-3)=216$ $x-3=216:9=24$ $x\quad=24+3$ $x\quad=27$	**0,25** **0,25**
Bài 3 (1,0 điểm)	Số cái bánh là bội chung của 15; 18; 20. Ta có BCNN(15;18;20) = 180 nên $BC(15;18;20)=\{0;180;360;540;720;...\}$ Vì số cái bánh khoảng từ 500 đến 600 cái nên số bánh có là 540 cái bánh.	**0,25** **0,25** **0,25** **0,25**
Bài 4 (1,5 điểm)	a) Chu vi của sân là: $(12+7).2=38(m)$ Diện tích của phần trồng hoa là: $12.7-6.3=66(m^2)$	**0,5** **0,5**
	b) Diện tích một viên gạch là: $50.50=2500(cm^2)=0,25(m^2)$ Số viên gạch cần để lát là: $66:0,25=264$ (viên gạch) Số tiền để mua gạch lát là: $264.55000=14520000$ (đồng)	**0,25** **0,25**
Bài 5 (1,0 điểm)	a) Loại quả được học sinh yêu thích nhất là táo	**0,25**
	b) Có 30 học sinh yêu thích quả cam	**0,25**
	c) Tổng số học sinh khối 6 là: $30+25+15+30+10=110$ (học sinh)	**0,5**
Bài 6 (1,0 điểm)	Số tiền An phải trả là: $5.8000+24000=64000$ (đồng) Số tiền An được nhận lại là: $100000-64000=36000$ (đồng)	**0,25** **0,25**

Lưu ý: Học sinh làm cách khác nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.

----- HẾT -----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS NGÔ CHÍ QUỐC

BỘ SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO
(Đề gồm 02 trang)

ĐỀ THAM KHẢO CUỐI HỌC KỲ 1
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian phát đề)*

A. TRẮC NGHIỆM *(3 điểm)*

Chọn chữ cái trước câu trả lời đúng và ghi kết quả vào giấy bài làm. Ví dụ: 1-A, 2-B, …

Câu 1. Tập hợp M các số tự nhiên lớn hơn hoặc bằng 5 và nhỏ hơn 11 là:

A. M = {5; 6; 7; 8; 9; 10; 11} **B.** M = {6; 7; 8; 9; 10; 11}

C. M = {6; 7; 8; 9; 10} **D.** M = {5; 6; 7; 8; 9; 10}

Câu 2. Trong các số sau, số nào chia hết cho 3?

A. 135 **B.** 730 **C.** 418 **D.** 980

Câu 3. Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. Số 2 là số nguyên tố chẵn duy nhất **B.** Số 0 là số nguyên tố

C. Các số nguyên tố nhỏ hơn 10 là: 2; 3; 5; 7; 9 **D.** Các số nguyên tố đều là số lẻ

Câu 4. Số đối của số -16 là:

A. -16 **B.** 16 **C.** -61 **D.** 61

Câu 5. Kết quả của phép tính $(-28) : 2$ là:

A. -26 **B.** -30 **C.** 14 **D.** -14

Câu 6. Trong các hình sau, hình nào là hình thang cân?

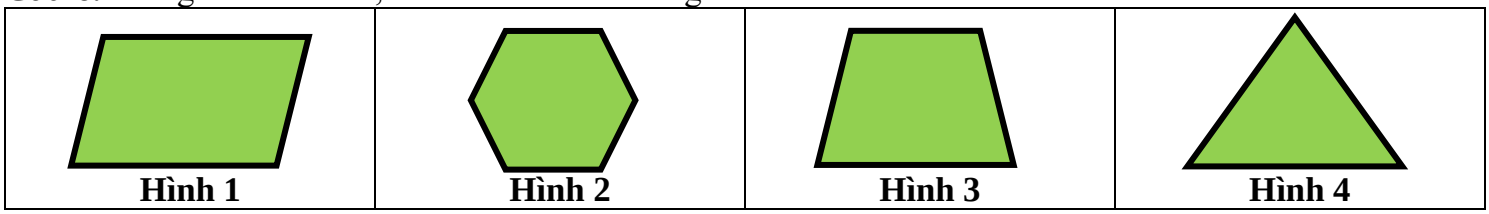

Hình 1 **Hình 2** **Hình 3** **Hình 4**

A. Hình 1 **B.** Hình 2 **C.** Hình 3 **D.** Hình 4

Câu 7. Trong các phát biểu sau, phát biểu nào đúng?

A. Hình chữ nhật có hai đường chéo vuông góc

B. Hình bình hành có bốn cạnh bằng nhau

C. Hình thoi có hai đường chéo bằng nhau

D. Hình bình hành có các cặp cạnh đối song song và bằng nhau

Câu 8. Hãy chỉ ra điểm không hợp lí trong bảng dữ liệu sau:

A. Nguyễn Văn Hải

B. Đỗ Thu Vân

C. 0985151603

D. Ngô Xuân Hải

Danh sách học sinh giỏi lớp 6A

STT	Họ và tên
1	Nguyễn Văn Hải
2	Đỗ Thu Vân
3	0985151603
4	Ngô Xuân Hải

Câu 9. Trong các phép tính dưới đây, phép tính nào cho kết quả đúng?

A. $3^{16} : 3^{11} = 3^{27}$ **B.** $3^{16} : 3^{11} = 3^{17}$ **C.** $3^{16} : 3^{11} = 3^{5}$ **D.** $3^{16} : 3^{11} = 3^{0}$

Câu 10. Điểm B trong hình dưới đây biểu diễn số nguyên nào?

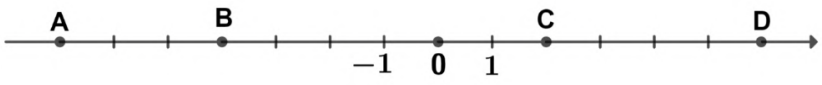

A. -3 **B.** 3 **C.** -4 **D.** -5

Câu 11. Nhiệt độ của Thủ đô Ôt-ta-oa, Canada (Ottawa, Canada) lúc 5 giờ sáng là -8^oC, đến 12 giờ trưa thì tăng thêm 6^oC. Nhiệt độ lúc 12 giờ là bao nhiêu ^oC?

A. -2^oC **B.** -14^oC **C.** 2^oC **D.** 14^oC

Câu 12. Biểu đồ tranh sau đây, biểu diễn số lượng học sinh tổ 1 của lớp 6A sử dụng các phương tiện khác nhau để đi đến trường.

Đi bộ	
Xe đạp	
Xe máy (ba mẹ chở)	
Phương tiện khác	

(Mỗi ứng với 2 học sinh)

Tổ 1 của lớp 6A có tất cả bao nhiêu học sinh?

A. 7 học sinh **B**. 14 học sinh

C. 12 học sinh **D**. 10 học sinh

B. TỰ LUẬN *(7 điểm)*

Bài 1. *(1,0 điểm)*

a) Thực hiện phép tính: $4.3^2 - 30:5+8;$

b) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự giảm dần: $37;\ -42;\ 16;\ -9;\ 15;\ 0.$

Bài 2. *(1,0 điểm)* Tìm số nguyên x?

a) $5x-18=2.21$ **b)** $35+x=-16$

Bài 3. *(1,0 điểm)* Archimedes (Ác-si-mét) là nhà bác học người Hi Lạp, ông sinh năm 287 TCN và mất năm 212 TCN.

a) Em hãy dùng số nguyên âm để ghi năm sinh và năm mất của Archimedes;

b) Em hãy cho biết Archimedes mất năm bao nhiêu tuổi.

Bài 4. *(1,0 điểm)* Bác Minh cần lát một nền nhà hình chữ nhật có chiều rộng là 5 m, chiều dài là 10 m. Bác chọn lát nền nhà bằng những viên gạch hình vuông có cạnh 50 cm, mỗi viên gạch lát nền trên có giá 16 000 đồng.

a) Tính diện tích nền nhà;

b) Em hãy giúp bác Minh tính tổng số tiền mua gạch để lát toàn bộ nền nhà (xem khoảng cách do vữa ghép các viên gạch không đáng kể).

Bài 5. *(1,0 điểm)* Cho biểu đồ cột thể hiện các hoạt động giờ ra chơi của các bạn học sinh trong lớp 6B.

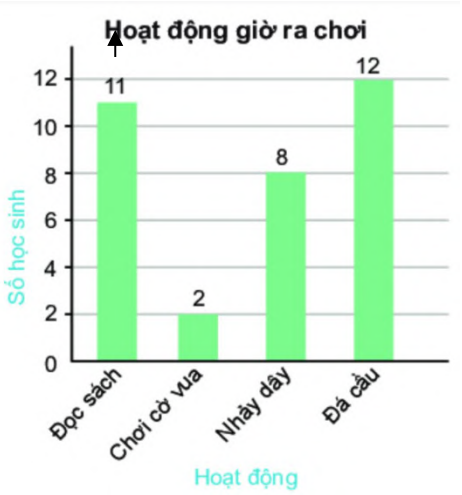

a) Lập bảng thống kê tương ứng với biểu đồ trên?

b) Hoạt động có trên 10 bạn tham gia vào giờ ra chơi là những hoạt động nào?

Bài 6. *(1,0 điểm)* Cô Lan đến cửa hàng A mua 60 quyển vở và 36 cây bút để làm quà cho các bạn học sinh giỏi. Cô chia số vở và số bút trên thành các phần quà sao cho số vở và số bút trong mỗi phần quà đều như nhau. Tính số phần quà nhiều nhất mà cô có thể chia được?

Bài 7. *(1,0 điểm)* Một cửa hàng thức ăn nhanh có giá bán niêm yết như hình bên.

BẢNG GIÁ NIÊM YẾT

Bánh Mì	**Nước Cam**	**Cà Phê**
25 000 đồng/ ổ	15 000 đồng/ ly	20 000 đồng/ly

Nhân dịp Lễ Giáng Sinh cửa hàng có chương trình khuyến mãi như sau:

Combo 1: mua cùng lúc 1 ly cà phê và 1 ổ bánh mì thì được giảm 7 000 đồng trên tổng số tiền của 1 ly cà phê và 1 ổ bánh mì.

Combo 2: mua cùng lúc 1 ly nước cam và 1 ổ bánh mì thì được giảm 5 000 đồng trên tổng số tiền của 1 ly nước cam và 1 ổ bánh mì.

a) Bạn Linh đến cửa hàng mua 2 ly cà phê và 3 ly nước cam thì phải trả bao nhiêu tiền?

b) Bạn Long được mẹ giao nhiệm vụ đến cửa hàng trên mua 3 ly cà phê, 4 ly nước cam và 5 ổ bánh mì. Với chương trình khuyến mãi trên thì ban Long sẽ chọn cách mua như thế nào để tiết kiệm cho mình nhất và số tiền phải trả là bao nhiêu?

---HẾT---

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS NGÔ CHÍ QUỐC

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ THAM KHẢO CUỐI HỌC KÌ I
MÔN TOÁN 6
Năm học: 2024 – 2025

A. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1.	**D**	**4.**	**B**	**7.**	**D**	**10.**	**C**
2.	**A**	**5.**	**D**	**8.**	**C**	**11.**	**A**
3.	**A**	**6.**	**C**	**9.**	**C**	**12.**	**B**

B. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

<table>
<tr><th>Câu</th><th>Nội dung đáp án</th><th>Thang điểm</th></tr>
<tr><td rowspan="2">Bài 1 (1,0 điểm)</td><td>a) $4.3^2 - 30:5+8$
$= 4.9 - 30:5+8$
$= 36-6+8$
$= 30+8$
$= 38$</td><td>0,25

0,25</td></tr>
<tr><td>b) Thứ tự giảm dần:
$37;\ 16;\ 15;\ 0;\ -9;-42$</td><td>0,25
0,25</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Bài 2 (1,0 điểm)</td><td>a) $5x-18=2.21$
$5x-18=42$
$5x=42+18$
$5x=60$
$x=12$</td><td>0,25

0,25</td></tr>
<tr><td>b) $35+x=-16$
$x=-16-35$
$x=-51$</td><td>0,25

0,25</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Bài 3 (1,0 điểm)</td><td>a) Năm sinh: -287
Năm mất: -212</td><td>0,25*2</td></tr>
<tr><td>b) Số tuổi Archimedes mất
$-212-(-287)=75$ (tuổi)</td><td>0,5</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Bài 4 (1,0 điểm)</td><td>a) Diện tích mảnh vườn là: $S=5.10=50m^2$</td><td>0,5</td></tr>
<tr><td>b) Diện tích hồ viên gạch là: $S=50^2=2500cm^2$
$50m^2=250000cm^2$
Số viên gạch cần lát là
$250000:2500=100$ (viên gạch)
Số tiền mua gạch là
$100.1600=1600000$ (đồng)</td><td>0,25

0,25</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Bài 5 (1,0 điểm)</td><td>a)
<table>
<tr><td>Các hoạt động</td><td>Đọc sách</td><td>Chơi cờ vua</td><td>Nhảy dây</td><td>Đá cầu</td></tr>
<tr><td>Số học sinh</td><td>11</td><td>2</td><td>8</td><td>12</td></tr>
</table></td><td>0,25

0,25</td></tr>
<tr><td>b) Những hoạt động có trên 10 bạn tham gia vào giờ ra chơi là: Đọc sách, đá cầu</td><td>0,25*2</td></tr>
</table>

Bài 6. (1,0 điểm)	Vì số vở và số bút trong mỗi phần quà là như nhau nên số phần quà nhiều nhất Cô có thể chia được là UCLN của 60 và 36 $60 = 2^2.3.5$ $36 = 2^2.3^2$ $UCLN(60,36) = 2^2.3 = 12$ Vậy số phần quà nhiều nhất Cô có thể chia được là 12 phần quà	0,25 0,25 0,25 0,25
Bài 7. (1,0 điểm)	**a)** số tiền Linh mua là $2.20000 + 3.15000 = 85000$ (đồng)	0,5
	b) giá khi mua combo1 là: $20000 + 25000 - 7000 = 38000$ đồng giá khi mua combo1 là: $15000 + 25000 - 5000 = 35000$ đồng - mua 3 combo1; 2 combo 2 và 2 ly nước cam là $3.38000 + 2.35000 + 2.15000 = 214000$ đồng - mua 2 combo1; 3 combo 2 và 1 ly nước cam, 1 ly ca phê là $2.38000 + 3.35000 + 15000 + 20000 = 216000$ đồng - mua 1 combo1; 4 combo 2 và 2 ly cà phê là $1.38000 + 4.35000 + 2.20000 = 218000$ đồng Vì $214000 < 216000 < 218000$ Vậy bạn Long sẽ chọn mua 3 combo1; 2 combo2 và 2 ly nước cam sẽ tiết kiệm nhất và số tiền phải trả là 214 000 đồng	0,25 0,25

----- HẾT -----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS TRƯƠNG VĂN NGƯ

BỘ SGK CTST
(Đề gồm 02 trang)

ĐỀ THAM KHẢO CUỐI HỌC KỲ 1
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian phát đề)*

A. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Câu 1. Tập hợp số nguyên kí hiệu là:

A. N B. N^* C. Q D. Z

Câu 2. Chọn câu **sai** ?

A. ƯCLN(11, 17) = 1 B. BCNN (3, 7) = 21

C. Cả A và B đều đúng D. Cả A và B đều sai

Câu 3. Số nguyên âm có hai chữ số nhỏ nhất là:

A. -11 B. 11 C. -99 D. 99

Câu 4. Có bao nhiêu số tự nhiên khác nhau có ba chữ số được ghép từ các chữ số 0; 2; 7 chia hết cho 5

A. 2 B. 1 C. 4 D. 3

Câu 5. Cho phát biểu sau: "..... là hình có 3 cạnh bằng nhau và ba góc bằng nhau". Điền từ thích hợp vào chỗ trống.

A. Hình vuông B. Hình tam giác đều

C. Hình lục giác đều D. Hình chữ nhật

Câu 6. Điểm B được biểu diễn cho số nguyên nào trên trục số ?

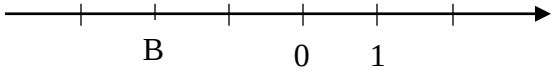

A. -3 B. -2 C. -1 D. 3

Câu 7. Bạn An đã liệt kê ngày sinh của một số bạn trong nhóm để làm bài tập môn toán và được dãy dữ liệu sau:

10	28	13	35

Em hãy tìm dữ liệu không chính xác.

A. 10 B. 28 C. 13 D. 35

Câu 8. Bạn Hoa đã phân tích số 1092 ra thừa số nguyên tố như sau : 1092 = 3.4.7.13. Theo em, bạn Hoa đã sai ở thừa số nào ?

A. 3 B. 4 C. 7 D. 13

Câu 9. Điều tra về môn thể thao yêu thích của lớp 6A. Bạn An đã thu thập được các thông tin sau:

Môn thể thao	Kiểm đếm	Số bạn ưa thích
Cầu lông	𝍸 𝍸 ||	22
Đá cầu	𝍸 |	6
Bóng đá	𝍸 𝍸	10
Bóng rổ	|||	3

Các môn thể thao được yêu thích của lớp 6A là:

A. Cầu lông, bóng rổ, đá cầu, bóng đá B. Cầu lông, bóng rổ, đá cầu, bóng bàn

C. Bóng rổ, bóng đá, đá cầu D. Cầu lông, nhảy dây, bóng đá, đá cầu

Câu 10. Một tàu ngầm đang ở độ sâu 15m, tàu tiếp tục lặn thêm 10m. Hỏi khi đó tàu ngầm đang ở độ sâu bao nhiêu m ?

A. -5m B. 5m C. 35m D. -35m

Câu 11. Chọn câu **sai** ?

A. Số đối của số âm là số dương
B. Số đối của 0 là 0
C. Số đối của số dương là số âm
D. Cả A, B và C đều sai

Câu 12. Phát biểu nào sau đây là **đúng** ?

A. Hình bình hành là hình thang cân
B. Hình chữ nhật là hình thang cân
C. Hình thoi là hình thang cân
D. Cả A, B và C đều sai

B. TỰ LUẬN (7,0 điểm):

Bài 1. (2,0 điểm)

a) Tính giá trị biểu thức: $12^{23} : 12^{21} - 2.\left[43 - \left(35 : 7 - 2^2\right) - 20\right]$

b) Tính giá trị biểu thức: (–24) + 15 + (–31)

c) Tìm x biết: x + (-21) = –35

Bài 2. (1,0 điểm) Dùng số nguyên thích hợp để mô tả mỗi tình huống sau:

Cô Hoa lỗ 150 nghìn đồng	Thưởng 3 điểm trong cuộc thi đấu	Đỉnh núi Tả Liên Sơn cao 2996m	Nhiệt độ giảm thêm 5^0C

Bài 3. (1,0 điểm) Khi sắp xếp lại toàn bộ số quyển sách vừa nhập về của cửa hàng thành từng bó 20 quyển, 24 quyển, 14 quyển thì đều vừa đủ không dư quyển nào. Tính số sách mà cửa hàng vừa nhập về ? biết rằng số quyển sách đó trong khoảng từ 800 đến 900 quyển.

Bài 4. (1,5 điểm) Một miếng đất có dạng hình chữ nhật có chiều dài 9m, chiều rộng 7m. Ở giữa miếng đất bác Ba làm một lối đi hình bình hành có kích thước như hình vẽ.

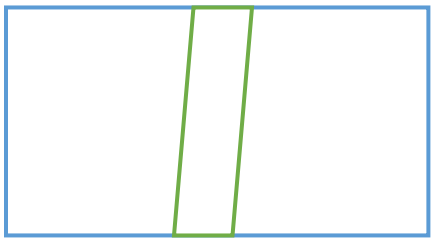

a) Tính diện tích miếng đất hình chữ nhật ?

b) Bác Ba đã dùng tấm thảm cỏ để lót toàn bộ lối đi. Tính chi phí bác phải bỏ ra mua thảm cỏ để lót hết lối đi ? Biết tấm thảm cỏ có giá 150 000 đồng/m^2

Bài 5. (1,5 điểm) Dữ liệu số lượng táo bán được trong bốn tháng đầu năm 2023 được cho ở bảng bên cạnh. Từ biểu đồ bên em hãy cho biết:

a) Số lượng táo bán được của tháng nào cao nhất ? Tháng nào thấp nhất ? Số lượng táo bán được của tháng 3 so với số lượng táo bán được của tháng 4 ?

b) Tổng số táo bán được trong bốn tháng đầu năm 2023 là bao nhiêu tấn ?

-----HẾT-----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG TRƯƠNG VĂN NGƯ

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN TOÁN 6
Năm học: 2024 - 2025

Phần1. Trắc nghiệm

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
D	C	C	A	B	B	D	B	A	C	D	B

Phần 2. Tự luận

Bài	Câu	Nội dung	Điểm
1 (2,0đ)	**1a (1,0đ)**	$12^{23} : 12^{21} - 2.\left[43 - \left(35 : 7 - 2^2\right) - 20\right]$ $= 12^2 - 2.\left[43 + (5 - 4) - 20\right]$ $= 144 - 2.\left[43 - 1 - 20\right]$ $= 144 - 2.\left[42 - 20\right]$ $= 144 - 2.2$ $= 144 - 4 = 140$	0,25 0,25 0,25 x2
	1b (0,5đ)	$(-24) + 15 + (-31)$ $= (-9) + (-31)$ $= -40$	0,25 x 2
	1c (0,5đ)	$x + (-21) = -35$ $x = -35 - (-21)$ $x = 14$	0,25 x 2
2 (1,0đ)		Cô Hoa lỗ 150 nghìn đồng là: -150 nghìn đồng Thưởng 3 điểm trong cuộc thi đấu là: +3điểm Đỉnh núi Tả Liên Sơn cao 2996m là: +2996m Nhiệt độ giảm thêm 5^0C là: -5^0C	0,25 x 4
3 (1,0đ)		Vì số quyển sách nhập về khi xếp thành từng bó 24 quyển, 20 quyển, 14 quyển đều vừa đủ nên số quyển sách nhập về thuộc bội chung của 24; 20; 14 Ta có: $24 = 2^3.3$ $20 = 2^2.5$ $14 = 2.7$ BCNN(24, 20, 14) = ...= 840 BC(24, 20, 14) = {0; 840; 1680; ....} Do số quyển sách nhập về nằm trong khoảng từ 800 đến 900 quyển. Vậy số quyển sách nhập về là 840 quyển	0,25 0,25 0,25

			0,25
4 **(1,5đ)**	**4a** **(0,5đ)**	Diện tích miếng đất hình chữ nhật là: 9 . 7 = 63 (m^2)	0,25 x 2
	4b **(1,0đ)**	Diện tích lối đi là: 1 . 7 = 7 (m^2) Số tiền mua gỗ là: 150 000 . 7 = 1 050 000 (đồng)	0,25 x 2 0,25 x 2
5 **(1,5đ)**	**5a** **(0,75đ)**	Số lượng táo bán được của tháng 2 là cao nhất. Số lượng táo bán được của tháng 1 là thấp nhất. Số lượng táo của tháng 3 nhiều hơn số lượng táo tháng 4	0,25 x 3
	5b **(0,75đ)**	Tổng số táo bán được trong bốn tháng đầu năm 2023 là: 10 + 40 + 25 + 20 = 95 (tấn)	 0,5 + 0,25

-----Hết-----

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS THẠNH MỸ LỢI

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC: 2023 – 2024
MÔN: TOÁN 6
Thời gian làm bài: 90 phút

A. TỰ LUẬN (3,0 điểm):

Câu 1. Thực hiện phép tính $(-99).(-2022).5.(-55).(-203)$ ta được kết quả là

A. Số nguyên âm. B. Số nguyên dương. C. Không xác định. D. 0.

Câu 2. Xem hình bên dưới. Hãy cho biết điểm A biểu diễn số nguyên nào?

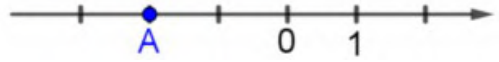

A. 2 B. –1 C. –2 D. –3

Câu 3. Số 30 **không phải** là bội của số tự nhiên nào dưới đây?

A. 5. B. 10. C. 15. D. 20 .

Câu 4. Tìm x biết $8 \cdot x = -24$.

A. 3. B. –3. C. -243 . D. 12.

Câu 5. Cho tam giác đều MNP với MN = 12cm. Độ dài cạnh NP là:

A. 6cm B. 12cm C. 24cm D. 4cm

Câu 6. Các số tự nhiên là bội của 3 và nhỏ hơn 18 là:

A. $0;3;6;9;12;15;18$ **B.** $3;6;9;12;15;18$ **C.** $0;3;6;9;12;15$ **D.** $3;6;9;12;15$

Câu 7. Biểu đồ tranh dưới đây cho ta thông tin về số hoa trồng được của các bạn học sinh khối lớp 6. Số hoa **đồng tiền** các bạn học sinh khối 6 trồng được là bao nhiêu hoa?

Loại hoa	Số học sinh yêu thích
Hoa hồng	❀❀✿
Hoa mười giờ	❀❀❀❀❀
Hoa đồng tiền	❀❀❀❀❀✿
Hoa cúc	❀❀❀❀✿
Hoa ly	❀❀❀❀❀❀

❀ = 10 hoa; ✿ = 5 hoa

A. 45 hoa. B. 55 hoa.

C. 50 hoa. D. 60 hoa.

Câu 8. Hình bình hành ABCD có chu vi là 20 cm, biết độ dài cạnh AB là 4cm. Độ dài cạnh BC của hình bình hành bằng:

A. 6cm **B.**10cm **C.** 5cm **D.**10cm.

Câu 9. Mẹ Lan đi chợ mua 2 kg táo, 3 kg xoài. Biết giá một kg táo là 22 000 đồng, một kg xoài là 20 000 đồng. Mẹ đưa cho người bán hàng một tờ tiền mệnh giá 200 000 đồng. Hỏi người bán trả lại cho mẹ Lan bao nhiêu tiền?

A. 96 000 đồng B. 156 000 đồng C. 100 000 đồng D. 104 000 đồng

Câu 10. Tập hợp các số nguyên $\mathbb{Z}$ bao gồm:

A. Số 0 và các số nguyên âm.

B. Các số nguyên âm và các số nguyên dương.

C. Số 0, các số nguyên âm và các số nguyên dương.

D. Số 0 và các số nguyên dương.

Câu 11. Bảng thống kê xếp loại học lực của các bạn lớp 6A như dưới đây, Lớp 6A có tất cả bao nhiêu học sinh?

Xếp loại học lực	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
Số học sinh	19	3	2	6

A. 30. B. 31. C. 32. D. 33.

Câu 12. Diện tích hình thoi *MKGL* là:

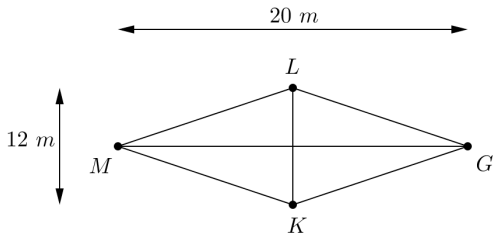

A. 240 m^2.

B. 150 m^2.

C. 180 m^2.

D. 120 m^2.

B. TỰ LUẬN (7,0 điểm):

Bài 1. (2,0 điểm) Thực hiện phép tính:

a) (–26) + 16 + (–34) + 26

b) $35.(-28)+35.(-70)+35.(-2)$

c) $900 : [50 + (7^2 – 8 . 3) . 2] + 2022^0$

Bài 2. (1,5 điểm) Tìm x: a) $x - 55 = 200$ b) $2.(x + 5) - 17 = 37$

Bài 3. (1,0 điểm) Một trường tổ chức cho học sinh đi tham quan bằng ô tô. Nếu xếp 27 học sinh hay 36 học sinh lên một ô tô thì đều vừa đủ. Tính số học sinh đi tham quan, biết rằng số học sinh đó có khoảng từ 400 đến 450 em.

Bài 4. (0,5 điểm) Bài kiểm tra năng lực tổng hợp có 50 câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Với mỗi câu trả lời đúng học sinh sẽ được 5 điểm và mỗi câu trả lời sai sẽ bị trừ đi 2điểm, câu nào không trả lời sẽ được 0 điểm. Một học sinh trả lời đúng được 32 câu, không trả lời 4 câu và còn lại là trả lời sai. Hỏi bài kiểm tra của học sinh đó có số điểm là bao nhiêu?

Bài 5. (1,0 điểm) Biểu đồ tranh dưới đây cho ta thông tin về loại quả yêu thích nhất của các bạn học sinh khối 6.

a) Loại quả nào được các bạn học sinh khối 6 yêu thích nhiều nhất? Loại quả nào được yêu thích ít nhất?

b) Có bao nhiêu bạn yêu thích quả táo?

c) Có bao nhiêu loại quả?

Loại quả	Số học sinh yêu thích
Táo	★★◭
Chuối	★★★★★
Dưa hấu	★★★★★★★
Cam	★★★★◭
Bưởi	★★★★★★

(★ = 10 học sinh; ◭ = 5 học sinh)

Bài 6. (1,0 điểm) Một bức tường trang trí phòng khách có dạng hình chữ nhật có chiều dài 5m, chiều rộng 3m .

a) Tính diện tích của bức tường.

b) Người ta muốn dán giấy trang trí có dạng hình vuông có cạnh bằng chiều rộng của bức tường. Tính số tiền giấy dán tường? Biết rằng giá giấy dán tường là 100 000 đồng/ m^2.

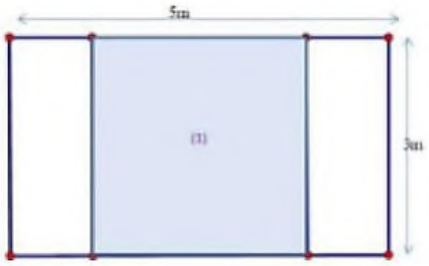

HẾT

MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I

TT	Nội dung kiến thức		Số câu hỏi theo mức độ nhận thức								Tổng		
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số câu hỏi		Điểm
			TN	*TL*	*TN*	*TL*	*TN*	*TL*	*TN*	*TL*	*TN*	*TL*	
1	Tập hợp. Phần tử tập hợp + Tập hợp số tự nhiên. Ghi số tự nhiên + Số nguyên và tập hợp các số nguyên	Số câu	2								2		0,5
		Điểm	0,5								0,5		
2	Lũy thừa với số mũ tự nhiên + Thứ tự thực hiện phép tính trong tập hợp số nguyên	Số câu	1			3	2	2		1	3	6	4,75
		Điểm	0,25			1,5	0,5	2,0		0,5	0,75	4,0	
3	Chia hết và chia có dư. Tính chất chia hết của một tổng + Dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5, cho 3, cho 9 + Ước bội + Số nguyên tố. Hợp số. Phân tích một số ra thừa số nguyên tố	Số câu			2			1			2	1	1,5
		Điểm			0,5			1,0			0,5	1,0	
4	Một số yếu tố thống kê	Số câu		1	2						2	1	1,5
		Điểm		1,0	0,5						0,5	1,0	
5	Hình vuông - Tam giác đều - Lục giác đều - Hình chữ nhật - Hình thoi - Hình bình hành - Hình thang cân	Số câu	1								1		0,25
		Điểm	0,25								0,25		
6	Chi vi và diện tích của một số hình trong thực tiễn	Số câu			2			1		1	2	2	1,5
		Điểm			0,5			0,5		0,5	0,5	1,0	
Câu hỏi			4	1	6	3	2	4		2	12	10	22
Điểm			1,0	1,0	1,5	1, 5	0,5	3,5		1,0	3,0	7,0	10
Tỉ lệ %			20%		30%		40%		10%		30%	70%	100%

UỶ BAN NHÂN DÂN TP. THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS LONG TRƯỜNG

Đề kiểm tra có 02 trang

ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA HỌC KỲ I
NĂM HỌC: 2024 – 2025
Môn: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút
(Không kể thời gian phát đề)

A. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu 1. Trong các số sau, số nào là số tự nhiên?

A. 4,3 B. 76 C. $\frac{2}{5}$ D. -17

Câu 2. Chữ số thích hợp ở dấu * để số $\overline{1*4}$ chia hết cho 9 là:

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 3. Số đối của số 18 là:

A. 0 B. 18 C. -18 D. 9.

Câu 4. Tập hợp Ư(10) là:

A. Ư(10) = {0; 2; 5; 10} B. Ư(10)= {1; 2; 3; 5; 10}
C. Ư(10) = {1; 2; 5; 10} D. Ư(10)= {0; 1; 2; 5; 10}

Câu 5. Hình dưới đây có bao nhiêu hình thang cân, bao nhiêu hình lục giác đều?

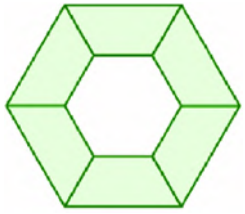

A. 6 hình thang cân; 2 hình lục giác đều.
B. 3 hình thang cân; 2 hình lục giác đều.
C. 6 hình thang cân; 1 hình lục giác đều.
D. 3 hình thang cân; 1 hình lục giác đều.

Câu 6. Điểm A trong hình dưới đây biểu diễn số nguyên nào?

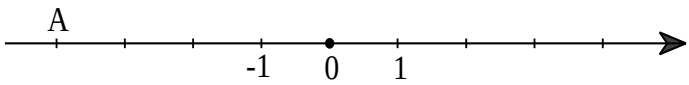

A. 4 B. −4 C. −5 D. −3

Câu 7: Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào **không phải** là số liệu?

A. Những môn học có điểm tổng kết trên 8,0 của bạn An
B. Số học sinh của các trường Trung học cơ sở trong Thành phố Thủ Đức.
C. Số học sinh đi học bằng xe đạp của 23 lớp trong trường THCS Long Trường
D. Chiều cao của các học sinh tổ 1 lớp 6A (đơn vị cm)

Câu 8: Điểm kiểm tra môn Toán cuối học kì 1 của lớp 6A được ghi lại trong bảng dữ liệu sau:

8	9	10	5	6	8	9	7	10	5
10	9	8	6	5	7	8	10	6	7
6	10	9	8	9	10	7	5	9	7

Em hãy cho biết có bao nhiêu bạn được điểm 10?

A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

Câu 9. Phân tích số 45 ra thừa số nguyên tố ta được kết quả đúng là

A. 9.5 B. $3^2.5$ C. 45.1 D. 15.3

Câu 10: Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự giảm dần: -3; 15 ; 0; -2023

A. 15; 0; -3; -2023 B. 0; -3; 15; -2023

C. -2023; -3; 0; 15 D. -2023; -3; 15; 0

Câu 11. Kết quả của phép tính 12 + (-13) là:

A. 25 B. -25 C. 1 D. -1

Câu 12. Một người muốn cắt một miếng bìa hình chữ nhật có chiều dài 84cm, chiều rộng 72cm thành những mảnh hình vuông nhỏ bằng nhau sao cho tấm bìa được cắt hết không thừa mảnh nào. Tìm độ dài lớn nhất của cạnh hình vuông?

A. 6dm B. 6cm C. 12cm D. 12dm

B. TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Thực hiện phép tính:

a) 18 + 12 : 6

b) $3 . 4^2 – 5. 2^3 + 2 . 11$

c) $60:[7.(9^{100}:9^{98}-20.4)+5]$

d) (-115) + 32 + 15 + 68

Bài 2. (1,5 điểm) Tìm x biết:

a) 56 : (x + 5) = 8 b) 25x – 14 = 86 c) x + 5 = –11

Bài 3. (1 điểm) Một tòa nhà có 12 tầng và 3 tầng hầm (tầng G được đánh số là tầng 0). Một thang máy đang ở tầng 3, nó đi lên 9 tầng và sau đó đi xuống 14 tầng. Hỏi sau cùng thang máy dừng lại ở tầng mấy?

Bài 4. (1,5 điểm) Một sân bóng đá hình chữ nhật có chiều rộng 45m và chiều dài gấp đôi chiều rộng.

a) Tính diện tích của sân bóng đá?

b) Người ta dự định phủ đều lên mặt sân bóng này một lớp cỏ nhân tạo có giá 125 000 đồng/m^2. Hỏi cần bao nhiêu tiền để mua cỏ nhân tạo?

Bài 5: (1 điểm) Cho biểu đồ cột kép biểu diễn các môn thể thao yêu thích của học sinh lớp 6A. Từ biểu đồ bên em hãy cho biết:

a) Học sinh nữ thích môn thể thao nào nhất?

b) Môn thể thao nào học sinh nữ thích nhiều hơn học sinh nam và nhiều hơn bao nhiêu học sinh?

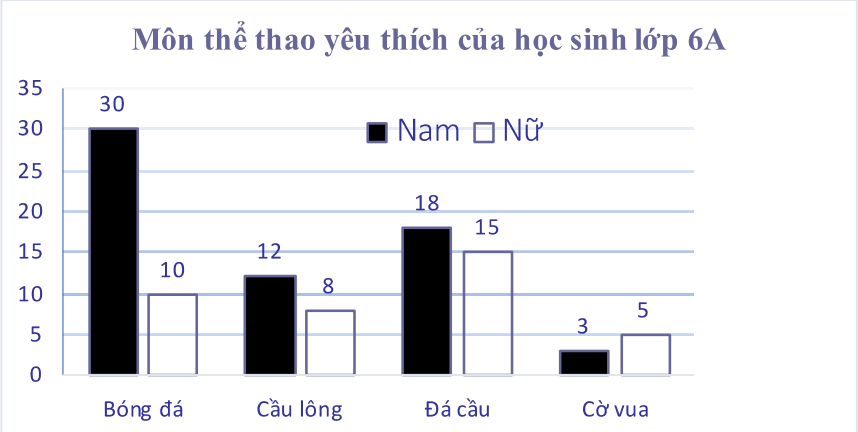

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	D	C	C	C	B	A	B	B	A	D	C

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài	Nội dung đáp án	Điểm
1 (2đ)	a) $18 + 12 : 6 = 18 + 2 = 20$	0,25 + 0,25
	b) $3 . 4^2 – 5. 2^3 + 2 . 11$ $= 3.16 – 5.8 + 2.11$ $= …$ $= 30$	0,25 0,25
	c) $60: [7. (9^{100}: 9^{98} – 20.4) + 5]$ $= 60: [7. (9^2 – 20.4) + 5]$ $= …$ $= 5$	0,25 0,25
	d) $(-115) + 32 + 15 + 68$ $= (-115 + 15) + (32 + 68)$ $= …$ $= 0$	0,25 0,25
2 (1,5đ)	a) $56 : (x + 5) = 8$ $x + 5 = 7$ $x = 2$	0,25 0,25
	b) $25x – 14 = 86$ $25x = 100$ $x = 4$	0,25 0,25
	c) $x + 5 = –11$ $x = (-11) – 5$ $x = -16$	0,25 0,25
3 (1đ)	Ta có: $3 + 9 – 14 = - 2$ Vậy sau cùng thang máy dừng lại ở tầng hầm thứ hai	0,5 0,5
4 (1,5đ)	a) Chiều dài của sân bóng đá: $45.2 = 90$ (m) Diện tích của sân bóng đá: $45.90 = 4050$ (m^2) b) Cần số tiền để mua cỏ nhân tạo: $4050 . 125\,000 = 506\,250\,000$ (đồng)	0,5 0,5 0,5
5 (1đ)	a) Học sinh nữ thích môn bóng đá cầu nhất. b) Môn cờ vua học sinh nữ thích nhiều hơn học sinh nam và nhiều hơn số học sinh là: $5 – 3 = 2$ (học sinh)	0,5 0,25 + 0,25

Học sinh có cách giải khác chính xác giáo viên cho trọn điểm

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS HOA SEN

BỘ SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO
(Đề gồm 02 trang)

ĐỀ THAM KHẢO CUỐI HỌC KỲ 1
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian phát đề)*

A. TRẮC NGHIỆM: (3,0đ)

Hãy viết chữ cái in hoa đứng trước phương án đúng duy nhất trong mỗi câu sau vào bài làm.

Câu 1. Cho tập hợp $M = \{x \in \mathbb{N}^* | x < 9\}$. Khẳng định **sai** là:

A. $0 \in M$. **B.** $1 \in M$. **C.** $5 \in M$. **D.** $8 \in M$.

Câu 2. Trong các số sau, số nào chia hết cho 5?

A. 233. **B.** 753. **C.** 320. **D.** 557.

Câu 3. Thứ tự thực hiện các phép tính đối với biểu thức không có dấu ngoặc là:

A. Nhân và chia $\rightarrow$ Lũy thừa $\rightarrow$ Cộng và trừ.

B. Lũy thừa $\rightarrow$ Nhân và chia $\rightarrow$ Cộng và trừ.

C. Lũy thừa $\rightarrow$ Cộng và trừ $\rightarrow$ Nhân và chia.

D. Nhân và chia $\rightarrow$ Cộng và trừ $\rightarrow$ Lũy thừa.

Câu 4. Số đối của số 23 là:

A. 23. **B.** -23. **C.** 0. **D.** $\frac{1}{23}$.

Câu 5. Điểm A trong hình dưới đây biểu diễn số nguyên nào?

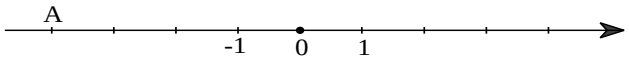

A. 0. **B.** 3. **C.** -3. **D.** -4.

Câu 6. Trong các khẳng định dưới đây, khẳng định nào sau đây là **sai ?**

A. Hình chữ nhật là hình có bốn góc bằng nhau.

B. Hình chữ nhật có các cạnh đối bằng nhau.

C. Hình chữ nhật có các cạnh đối song song.

D. Hình chữ nhật có bốn cạnh bằng nhau.

Câu 7. Kết quả của phép tính $(-11) + (-89)$ là:

A. 28. **B.** -28. **C.** 100. **D.** -100.

Câu 8. Hãy tìm $BCNN(40;\ 28;\ 140)$. Đáp án **đúng** là:

A. 140. **B.** 280. **C.** 420. **D.** 560.

Câu 9. Quan sát bảng điều tra về sở thích nuôi thú cưng của các học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

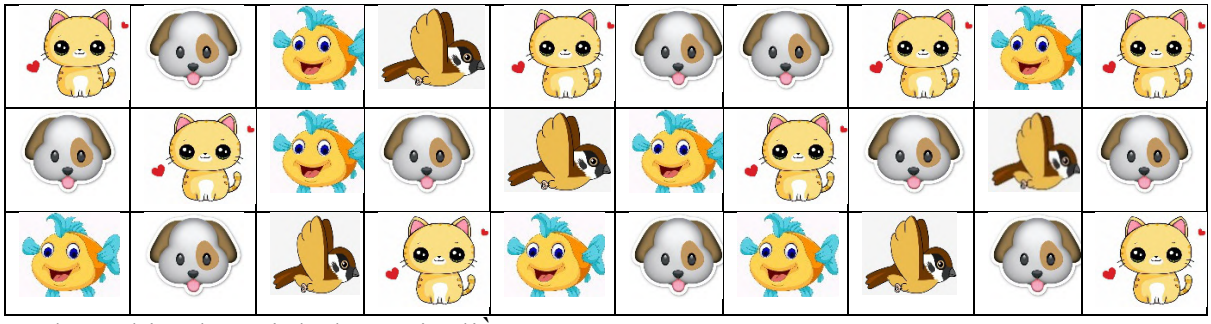

Có bao nhiêu học sinh tham gia điều tra?

A. 27 học sinh. **B.** 28 học sinh.

C. 29 học sinh. **D.** 30 học sinh.

Câu 10. Một con cá chuồn đang ở vị trí $-2m$, so với mực nước biển, nó bay cao lên $5m$ nữa. Hỏi độ cao của cá chuồn sau khi bay lên là bao nhiêu?

A. $3m$. **B.** $4m$. **C.** $4m$. **D.** $5m$.

Câu 11. Một khung ảnh hình thoi có độ dài hai đường chéo lần lượt là 24 cm và 10 cm. Diện tích của khung ảnh đó là:

A. $240\ m^2$. **B.** $34\ m^2$. **C.** $120\ m^2$. **D.** $68m^2$.

Câu 12. Học lực cuối HK1 của lớp 6A1 được thống kê trong bảng sau:

Học lực	Xuất sắc	Tốt	Khá	Đạt
Số học sinh	5	10	15	3

Em hãy cho biết lớp 6A1 có bao nhiêu học sinh có học lực trên mức Đạt?

A. 33. **B.** 15. **C.** 30. **D.** 25.

B. TỰ LUẬN: (7,0đ)

Bài 1. (2,0đ) Thực hiện phép tính:

a) $55+77+(-55)$. b) $52.73+52.(-23)+52.50$. c) $2^3.5+4^{22}:4^{20}-2022^0$

Bài 2. (1,5đ) Tìm x, biết:

a) $x+15=35$. b) $15+5x=-40$. c) $219-7(x+1)=100$.

Bài 3. (1,5đ) An có 100 000 đồng để mua đồ dùng học tập. An đã mua 5 quyển vở, 6 cái bút bi và 2 cái bút chì. Biết rằng mỗi quyển vở có giá 9 000 đồng, mỗi cái bút bi hoặc bút chì có giá 5 000 đồng. Hỏi An còn lại bao nhiêu tiền?

Bài 4. (1,5đ) Một nền nhà hình chữ nhật có chiều dài $10m$, chiều rộng $5m$ được lát kín bởi các viên gạch hình vuông có cạnh $5dm$ (biết rằng kích thước mối nối các viên gạch không đáng kể).

a) Hỏi cần dùng bao nhiêu viên gạch để lát hết nền nhà?

b) Giá một viên gạch là 12 000 đồng, chi phí tiền công để thuê thợ là 1200000 đồng. Hỏi tổng chi phí là bao nhiêu tiền để lát gạch hết nền nhà ?

Bài 3. (0,5đ) Một đoàn khách gồm 70 người muốn qua sông, nhưng mỗi thuyền chỉ chở được 9 người kể cả người lái thuyền. Hỏi cần ít nhất bao nhiêu thuyền để chở hết số khách đó?

--- HẾT ----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS HOA SEN

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN TOÁN 6
Năm học: 2024 - 2025

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1.	**A**	**4.**	**B**	**7.**	**D**	**10.**	**A**
2.	**C**	**5.**	**D**	**8.**	**B**	**11.**	**C**
3.	**B**	**6.**	**D**	**9.**	**D**	**12.**	**C**

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (2,0 điểm)	**a)** $55+77+(-55)=[55+(-55)]+77=77$	**0,5**
	b) $52.73+52.(-23)+52.50=52.[73+(-23)+55]=52.100=5200$	**0,75**
	c) $2^3.5+4^{22}:4^{20}-2022^0$ $=8.5+16-1$ $=40+16-1$ $=55$	**0,75**
Bài 2 (1,5 điểm)	**a)** $x+15=35$ $x=20$	**0,5**
	b) $15+5x=-40$ $5x=-40-15$ $x=-55:5$ $x=-11$	**0,5**
	c) $219-7(x+1)=100$ $7(x+1)=219-100$ $x+1=119:7$ $x+1=17$ $x=16$	**0,5**

Bài 3 (1,5 điểm)	Số tiền An mua 5 quyển vở là: $5.9000 = 45000$ (đồng) Số tiền An mua 6 cây bút bi là: $6.5000 = 30000$ (đồng) Số tiền An mua 2 cây bút chì là: $2.5000 = 10000$ (đồng) Số tiền An còn lại là: $100000 - 45000 - 30000 - 10000 = 15000$ (đồng) Vậy An còn lại số tiền là 15000 đồng	**0,25** **0,75** **0,5**
Bài 4 (1,5 điểm)	Diện tích nền nhà là: $10.5 = 50m^2$ Đổi $5dm = 0,5m$ Diện tích viên gạch là: $0,5.0,5 = 0,25m^2$ Số viên gạch cần dùng là: $50 : 0,25 = 200$ (viên)	**1,0**
	Số tiền mua gạch là $200.12000 = 2400000$ (đồng) Tổng chi phí lát nền nhà là: $2400000 + 1200000 = 3600000$ (đồng) Vậy số viên gạch cần dung là 200 viên và chi phí lát nền nhà là 3600000 đồng	**0,5**
Bài 5 (0,5 điểm)	Số thuyền cần phải chở đoàn khách là: $70 : (9 - 1) = 8$ (dư 6) Vì dư 6 người nên cần thêm 1 thuyền để chở Suy ra cần 9 thuyền để chở hết đoàn khách 70 người	**0,25** **0,25**

----- HẾT -----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS HIỆP BÌNH

BỘ SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO
(Đề gồm 3 trang)

ĐỀ THAM KHẢO HỌC KỲ 1
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian phát đề)*

A. TRẮC NGHIỆM: (3,0đ)

Câu 1. Cho tập hợp $M = \{a \in Z \mid -2 < a \le 3\}$. Tập hợp M được viết đúng dưới dạng liệt kê là:

A. $M = \{-1;\ 0;\ 1;\ 2;\ 3\}$ **B.** $M = \{-1;\ 0;\ 1;\ 2;\ 3\}$

B. $M = \{-2;\ -1;\ 0;\ 1;\ 2\}$ **D.** $M = \{-2;\ -1;\ 0;\ 1;\ 2;\ 3\}$

Câu 2. Số đối của 2025 là:

A. –2024 **B.** 2024 **C.** – (–2025) **D.** –2025

Câu 3. Số nào sau đây là ước của 22

A. 48 **B.** -11 **C.** 0 **D.** -3

Câu 4. Kết quả của phép tính $76 - 2.\left[3^2 + 4.(2020 - 2024)\right]$ là:

A. -90 **B.** 100 **C.** 90 **D.** -100

Câu 5. Trong các số sau số nào là hợp số:

A. 23 **B.** 33 **C.** 53 **D.** 73

Câu 6. Tại một cửa hàng bán trà sữa, anh nhân viên ghi nhận lại các ngày bán được số ly trà sữa như sau:

Ngày	3/11	4/11	5/11	6/11	7/11	9/11
Số ly trà sữa	25	32	27,5	40	40	42

Thông tin không hợp lý từ bảng dữ liệu trên là:

A. 27,5 **B.** 25 **C.** 32 **D.** 40

Câu 7. Cá chuồn là loài cá có thể bơi dưới nước và bay lên khỏi mặt nước. Một con cá chuồn đang ở độ sâu 2 m dưới mực nước biển. Nếu nó bơi và bay cao lên thêm 3 m nữa thì sẽ bay đến độ cao là bao nhiêu so với mực nước biển?

A. -5 m **B.** 5 m **C.** 1 m **D.** -1 m

Câu 8. Chọn câu đúng trong các phát biểu sau:

A. Hình thoi có hai đường chéo song song với nhau.

B. Hình bình hành có hai đường chéo vuông góc với nhau.

C. Hình thang cân có hai đường chéo song song và bằng nhau.

D. Hình vuông có hai đường chéo bằng nhau.

Câu 9. Cho $B = \overline{a4b0}$ là số gồm bốn chữ số. Để B chia hết cho 2; 3; 5; và 9 thì:

A. a = 1; b = 1 **B.** a = 2; b = 2 **C.** a = 5; b = 0 **D.** a = 3; b = 1

Câu 10. Biểu đồ tranh bên dưới cho biết về số bóng đèn bán được trong tuần của cửa hàng A.

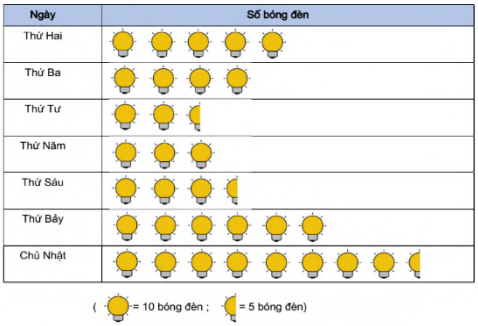

Chọn câu đúng

A. Thứ bảy cửa hàng bán được nhiều hơn thứ hai là 1 bóng đèn.

B. Tổng số bóng đèn cửa hàng bán được của thứ hai và thứ ba nhiều hơn tổng số bóng đèn bán được của thứ sáu và thứ bảy là 5 bóng đèn.

C. Thứ ba cửa hàng bán được số bóng đèn bằng với thứ năm.

D. Chủ nhật cửa hàng bán được 85 bóng đèn.

Câu 11. Chọn câu đúng trong các câu dưới đây:

A. $-18 \in Z$ **B.** $-5 \notin Z$ **C.** $0 \notin N$ **D.** $-56 \in N$

Câu 12. Hình dưới đây bao gồm những hình nào?

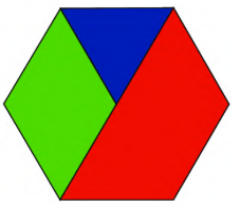

A. Hình lục giác đều, hình vuông.

B. Hình thang cân, hình thoi, hình tam giác.

C. Hình lục giác đều, hình thang cân, hình thoi, hình tam giác đều.

D. Hình thoi, hình thang cân, hình chữ nhật.

B. TỰ LUẬN: (7,0đ)

Bài 1. (1,25đ)

a) Thực hiện phép tính sau $(-2025):5+3.(-34)-(-7)$

b) Sắp xếp các số sau tăng dần -23 ; 0 ; -32 ; -132 ; 7

Bài 2. (1,5đ) Tìm x, biết:

a) $4x + 567 = 2167$ b) $(23 - x) - 1677 = -1754$

Bài 3. (1đ) Mỗi ngày bạn Hân được mẹ cho 40 000 đồng. Biết bạn Hân dùng 25 000 đồng để ăn sáng và dùng 10 000 đồng để mua nước và bánh, số tiền còn lại bạn Hân bỏ heo tiết kiệm để mua một con gấu bông có giá là 85 000 đồng. Hỏi sau bao nhiêu ngày thì bạn Hân đủ tiền mua con gấu bông?

Bài 4. (1đ) Để giúp đỡ các bạn học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khối 6 tại một trường THCS đã đóng góp được một số quyển sách. Biết rằng khi giáo viên xếp thành từng bó 10 quyển, 12 quyển, 18 quyển thì vừa đủ. Tìm số quyển sách của khối 6 đã góp, biết số quyển sách có trong khoảng từ 500 đến 650 quyển.

Bài 5. (1đ) Một miếng đất có dạng hình vuông có độ dài cạnh là 15 mét, người ta dùng một phần đất nhỏ để trồng rau (như hình vẽ). Phần đất còn lại người ta đùng để nuôi cá và trồng hoa.

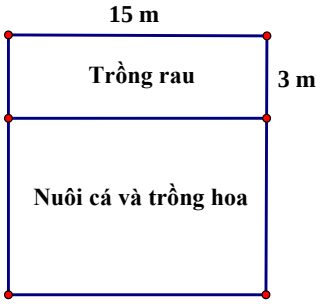

a) Tính diện tích đất trồng rau?

b) Tính diện tích đất nuôi cá và trồng hoa?

Bài 6. (0,75đ) Điểm kiểm tra thường xuyên môn Toán của các học sinh lớp 6B được thống kê dưới bảng sau:

Điểm	10	9	8	7	6	5	4	3	2	1
Số học sinh	7	11	5	6	1	4	0	1	0	0

a) Lớp 6B có bao nhiêu học sinh?

b) Lớp 6B có bao nhiêu học sinh dưới trung bình (dưới 5 điểm)?

c) Lớp 6B có bao nhiêu học sinh từ 9 điểm trở lên?

Bài 7. (0,5đ) Tìm x, biết

$\left(625.5^{2021 + 2017x} + 250.5^{2022 + 2017x} - 25.5^{2023 + 2017x}\right) : 50 = 15625$

--- HẾT ----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS HIỆP BÌNH

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA HKI
MÔN TOÁN 6
Năm học: 2024-2025

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1.	**A**	**4.**	**C**	**7.**	**C**	**10.**	**D**
2.	**D**	**5.**	**B**	**8.**	**D**	**11.**	**A**
3.	**B**	**6.**	**A**	**9.**	**B**	**12.**	**C**

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (1,25 điểm)	a) $(-2025):5+3.(-34)-(-7)$ $=(-405)+(-102)-(-7)$ $=(-507)-(-7)$ $=-500$	0,75
	b) Các số tăng dần $-132;\ -32;\ -23;\ 0;\ 7$	0,5
Bài 2 (1,5 điểm)	a) $4x+567=2167$ $4x=2167-567$ $4x=1600$ $x=1600:4$ $x=400$	0,75
	b) $(23-x)-1677=-1754$ $23-x=-1754+1677$ $23-x=-77$ $x=23-(-77)$ $x=100$	0,75
Bài 3 (1 điểm)	Số tiền mỗi ngày Hân tiết kiệm được là: 40 000 – 25 000 – 10 000 = 5 000 (đồng) Số ngày Hân đủ tiền mua được con gấu bông 85 000 : 5 000 = 17 (ngày)	1

Bài 4 (1 điểm)	Số quyển sách cần tìm là bội chung của 10; 12; 18 10 = 2.5 12 = 2^2.3 18 = 2.3^2 BCNN(10; 12; 18) = $2^2.3^2.5$ = 180 BC(10; 12; 18) = B(180) = {0; 180; 360; 540; 720; …} Vì số quyển sách có trong khoảng từ 500 đến 650 quyển Nên khối 6 đã góp được 540 quyển sách.	1
Bài 5 (1 điểm)	Diện tích đất trồng rau 15. 3 = 45 (m^2) Diện tích của mảnh vườn 15. 15 = 225 (m^2) Diện tích đất nuôi cá và trồng hoa 225 – 45 = 180 (m^2)	1
Bài 6 (0,75 điểm)	a) Lớp 6B có 35 học sinh. b) Lớp 6B có 1 học sinh dưới trung bình. c) Lớp 6B có 18 học sinh đạt từ 9 điểm trở lên.	0,75
Bài 7 (0,5 điểm)	$\left(625.5^{2021+2017x}+250.5^{2022+2017x}-25.5^{2023+2017x}\right):50=15625$	0,5

	$5^4.5^{2021+2017x}+2.5^3.5^{2022+2017x}-5^2.5^{2023+2017x}=15625.50$ $5^{2025+2017x}+2.5^{2025+2017x}-5^{2025+2017x}=781250$ $5^{2025+2017x}.(1+2-1)=781250$ $2.5^{2025+2017x}=781250$ $5^{2025+2017x}=781250:2$ $5^{2025+2017x}=390625$ $5^{2025+2017x}=5^8$ $2025+2017x=8$ $2017x=8-2025$ $2017x=-2017$ $x=-2017:2017$ $x=-1$	

----- HẾT -----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN BÁ

BỘ SGK CÁNH DIỀU
(Đề gồm 01 trang)

ĐỀ THAM KHẢO CUỐI HỌC KỲ 1
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 9
Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian phát đề)*

Bài 1. (1,0đ)

a) Viết tập hợp các ước chung của 12 và 8.

b) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: 26; -99; -12; 0; 5

c) Trong một ngày, nhiệt độ Mát-xcơ-va lúc 5 giờ là -6^{o}C, đến 10 giờ tăng thêm 7^{o}C, và lúc 12 giờ tăng thêm tiếp 3^{o}C. Nhiệt độ Mát-xcơ-va lúc 12 giờ là bao nhiêu?

Bài 2. (2,0đ) Thực hiện phép tính.

a) $(-2)^5:(-2)^3-2^3.2^2$ b) $\{[(49+119):7]-15^8:15^7\}.2022^0$

Bài 3. (1,0đ) Tìm x biết $x \vdots 15$, $x \vdots 24$ và $200 < x < 300$

Bài 4. (2,0đ) Trong đợt tiêm vaccine ngừa Covid-19 cho các trường trung học cơ sở trên địa bàn quận 3, Trung tâm Y tế dự phòng quận 3 đã huy động 42 bác sĩ ,70 y tá và chia thành các tổ tiêm.Việc chia tổ cần đảm bảo sao cho số các bác sĩ được chia đều vào các tổ và số y tá cũng vậy. Hỏi có thể chia số các bác sĩ và y tá đó thành nhiều nhất bao nhiêu tổ tiêm ?

Bài 5. (2,0đ) Một sân bóng rổ hình chữ nhật có chiều rộng 15 m và chiều dài 28 m

a) Tính diện tích của sân bóng này.

b) Người ta dự định trải lên mặt sân bóng rổ này một lớp thảm có giá 340 000 đồng/ m^2. Hỏi cần bao nhiêu tiền để trải thảm hết mặt sân bóng rổ?

Bài 6. (1,0đ)

a) Vẽ trục đối xứng của hình thang cân sau :

b) Vẽ tâm đối xứng I của hình chữ nhật sau:

Bài 7. (1,0đ)

Cho $B = 3 + 3^2 + 3^3 + ... + 3^{120}$. Chứng minh rằng: B chia hết cho 13.

--- HẾT ---

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN BÁ

HƯỚNG DẪN CHẤM

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

MÔN TOÁN – KHỐI 6

Năm học: 2024-2025

Bài	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1. (1,0đ)	**a)** $\text{ƯC}(12;8) = \{1;2;4\}$	0,25
	b) Sắp xếp theo thứ tự tăng dần: -99; -12; 0; 5; 26	0,25
	c) Nhiệt độ Mát-xcơ-va lúc 12 giờ là: $-6 + 7 + 3 = 4$ (℃)	0,5
Bài 2. (2,0đ)	**a)** $(-2)^5 : (-2)^3 - 2^3 . 2^2$ $= (-2)^{5-3} - 2^{3+2}$ $= (-2)^2 - 2^5$ $= 4 - 32$ $= -28$	0,25x4
	b) $\{[(49 + 119) : 7] - 15^8 : 15^7\} . 2022^0$ $= \{[168 : 7] - 15^8 : 15^7\} . 2022^0$ $= \{24 - 15\} . 2022^0$ $= 9.1$ $= 1$	0,25x4
Bài 3. (1,0đ)	Ta có $x \vdots 15$, $x \vdots 24$ và $200 < x < 300$ Nên $x \in \text{BC}(15;24)$ và $200 < x < 300$ $15 = 3.5$ $24 = 2^3 . 3$ $BCLN(15;24) = 2^3 . 3.5 = 120$ $BC(15;24) = B(120) = \{0;120;240;360;\ldots\}$ Mà $200 < x < 300$ Vậy $x = 240$	0,25x4
Bài 4. (2,0đ)	Theo đề bài ta có số tổ cần tìm là ƯCLN(42;70) $42 = 2.3.7$	

	$70 = 2.5.7$ ƯCLN$(42; 70) = 2.7 = 14$ Vậy có thể chia số các bác sỹ và y tá đó thành nhiều nhất 14 tổ	0,25x4
Bài 5. (2,0đ)	**a)** Diện tích sân bóng hình chữ nhật là: $15.28 = 420\ (m^2)$	1,0
	b) Sô tiền để trải thảm hết mặt sân bóng rổ là: $340000.420 = 142800000$ (đồng)	1,0
Bài 6. (1,0 đ)	**a)** 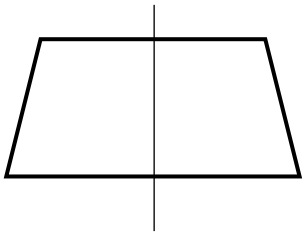	0,5
	b) 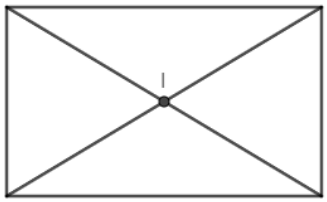	0,5
Bài 7. (1,0đ)	$B = 3 + 3^2 + 3^3 + \cdots + 3^{120}$ $= (3 + 3^2 + 3^3) + (3^4 + 3^5 + 3^6) + \cdots$ $+ (3^{118} + 3^{119} + 3^{120})$ $= 3(1 + 3 + 3^2) + 3^4(1 + 3 + 3^2) + \cdots$ $+ 3^{118}(1 + 3 + 3^2)$ $= 3.13 + 3^4.13 + \cdots + 3^{118}.13$ $= 13.(3 + 3^4 + \cdots + 3^{118})$ Mà $13 \vdots 13$ Vậy B $\vdots$ 13	0,25x4

--- HẾT ---

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG TH-THCS-THPT
NGÔ THỜI NHIỆM

BỘ SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO
(Đề gồm 2 trang)

ĐỀ THAM KHẢO HỌC KỲ 1
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian phát đề)*

A. TRẮC NGHIỆM: (3,0đ)

Hoàn thành phần trắc nghiệm sau bằng cách tô tròn đáp án lựa chọn vào giấy thi.

Câu 1. Chọn khẳng định **đúng**:

A. $2 \notin N$ **B.** $-6 \notin Z$ **C.** $8 \in Z$ **D.** $-5 \in N$

Câu 2. Cặp số nào sau đây là số nguyên tố?

A. 1;5 **B.** 5;9 **C.** 2;5 **D.** 7;9

Câu 3. Tập hợp tất cả các ước của 5 là:

A. $\{-5;-1;1;5\}$ **B.** $\{-1;1;5\}$ **C.** $\{1;5\}$ **D.** $\{-1;-5;5\}$

Câu 4. Kết quả của phép tính $10.2:(-5)$ là:

A. 4 **B.** –4 **C.** 1 **D.** –1

Câu 5. Chọn câu **sai** trong các câu dưới đây:

Trong hình lục giác đều ABCDEG có:

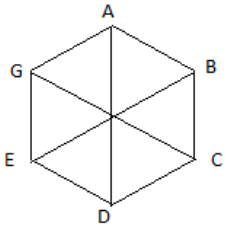

A. Sáu cạnh bằng nhau: AB = BC = CD = DE = EG = GA.
B. Sáu góc đỉnh A, B, C, D, E, G bằng nhau.
C. Ba đường chéo chính là AD, BE, CG bằng nhau.
D. Các đoạn thẳng BG = CG.

Câu 6. Chu vi của hồ bơi có hình dạng sau là:

A. 32m **B.** 28m

C. 26m **D.** 22m

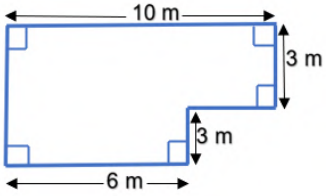

Câu 7. Cho bảng số liệu về số học sinh vắng trong ngày ở các lớp của trường A như sau:

6A1	6A2	7A1	7A2	8A1	8A2	9A1	9A2
1	2	0	3	C	1	0,5	2

Tại các lớp nào thì số liệu không hợp lí?

A. 6A1,8A2 **B.** 7A2,9A2 **C.** 6A2,7A1 **C.** 8A1,9A1

Câu 8. Bạn An lập bảng số liệu về môn thể thao được yêu thích của tất cả các bạn trong lớp mình vào bảng dưới đây. Môn thể thao nào được các bạn trong lớp yêu thích nhiều nhất?

Môn thể thao	Bóng đá	Bóng chuyền	Đá cầu	Cầu lông
Số bạn chọn	16	12	6	9

A. Bóng đá **B.** Bóng chuyền **C.** Đá cầu **D.** Cầu lông

Câu 9. Điểm A trên trục số biểu diễn số nguyên nào sau đây?

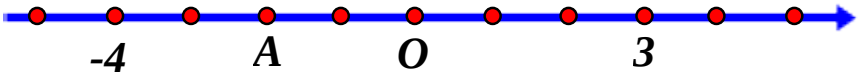

A. –3 **B.** –1 **C.** 2 **D.** –2

Câu 10. Kết quả của phép tính $35+(-47)$ là:

A. 82 **B.** 12 **C.** -12 **D.** -82

Câu 11. Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số HS	0	0	2	1	8	8	9	5	6	1

Số học sinh đạt điểm 9 trở lên là:

A. 1 **B.** 6 **C.** 12 **D.** 7

Câu 12. Có 96 cái bánh và 84 kẹo được chia đều vào mỗi đĩa. Hỏi có thể chia được nhiều nhất thành bao nhiêu đĩa?

A. 48 **B.** 1 **C.** 6 **D.** 12

B. TỰ LUẬN: (7,0đ)

Bài 1. (0,75đ) Tìm số đối của các số nguyên sau: $-2020; 0; -(-48)$.

Bài 2. (1,75đ) Tìm số nguyên x, biết:

a) $x - 85 = 100$ b) $11 + 2.(x - 8) = 15$

Bài 3. (0,75đ) Một tủ cấp đông khi chưa bật tủ thì nhiệt độ là $22^{o}C$. Khi bật tủ đông, nhiệt độ bên trong tủ giảm mỗi phút $2^{o}C$. Hỏi sau 15 phút nữa thì nhiệt độ trong tủ đông là bao nhiêu độ?

Bài 4. (1,5đ) Bác Hai có một mảnh vườn hình chữ nhật với chiều dài 20 m và chiều rộng là 12 m.

a) Tính diện tích mảnh vườn.

b) Giữa mảnh vườn bác đào một cái ao hình vuông để nuôi cá cạnh 8 m, phần còn lại của mảnh vườn bác dùng để trồng rau. Tính diện tích phần đất trồng rau.

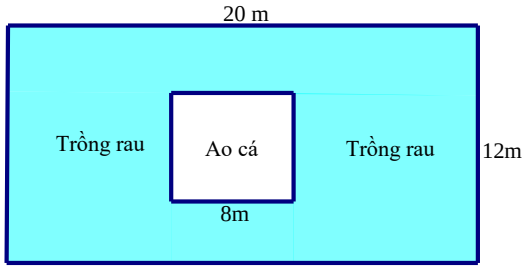

Bài 5. (1,25đ) Số liệu điểm kiểm tra Toán giữa học kỳ I của lớp 6B được ghi bằng bảng dữ liệu sau:

8	9	7	6	5	4	8	7	9	6
10	9	8	7	8	9	6	8	9	7
9	10	9	7	9	6	9	10	8	9

a) Hãy lập bảng thống kê tương ứng.

b) Lớp 6B có bao nhiêu học sinh đạt điểm lớn hơn 8?

Bài 6. (1,0đ) Mẹ An mua trái cây hết tổng cộng 520 000 đồng bao gồm 3 kg xoài, 2 kg táo và 4 kg nhãn. Biết xoài giá 100 000 đồng/1kg, táo giá 50 000 đồng/1kg. Hỏi nhãn giá bao nhiêu tiền 1kg?

___ Hết ___

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS HOA LƯ

BỘ SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO
(Đề gồm 2 trang)

ĐỀ THAM KHẢO HỌC KỲ 1
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian phát đề)*

A. TRẮC NGHIỆM *(2 điểm)*

Câu 1. Trong các dãy số sau, dãy số nào chỉ có số nguyên tố?

A. 1; 2; 3; 5; 7. **B.** 3; 5; 7; 9; 11.
C. 2; 3; 5; 7; 11. **D.** 1; 3; 5; 7; 9 .

Câu 2. Tập hợp A gồm các số tự nhiên không vượt quá 4 là:

A. A = {0 ; 1 ; 2 ; 3}. **B.** A = { 1 ; 2 ; 3}.
C. A = {0 ; 1 ; 2 ; 3 ;4}. **D.** A = { 1 ; 2 ; 3 ; 4}.

Câu 3. Số đối của số -12 là :

A. -12. **B.** 12.
C. $\frac{1}{12}$. **D.** $-\frac{1}{12}$.

Câu 4. Kết quả của phép tính $(-15):(-3)$

A. -5. **B.** 5. **C.** -18. **D.** -12.

Câu 5. Trong các hình sau, hình nào có tất cả các cạnh đều bằng nhau?

A. Hình vuông và hình chữ nhật. **B.** Hình thoi và hình chữ nhật.
C. Hình chữ nhật và hình tam giác đều. **D.** Hình vuông và hình tam giác đều.

Câu 6. Kết quả của biểu thức $(-2)^{2025}:2^{2024}+2$ là

A. -2. **B.** 0. **C.** 4. **D.** -4.

Câu 7. Tập hợp tất cả các số nguyên là ước của 6:

A. Ư(6) = {1; 2; 3; 6} **B.** Ư(6) = {– 6;– 3; –2; –1; 1; 2; 3; 6}
C. Ư(6) = {– 1; –2; –3 ; –6} **D.** Ư(6) = {– 6;– 3; –2; –1; 0; 1; 2; 3; 6}

Câu 8. Điểm kiểm tra cuối học kì 1 môn Toán của 36 học sinh lớp 6A được giáo viên ghi lại như sau :

8	9	9	10	8	7	6	9	8	10	10	8
9	8	10	10	8	9	9	8	9	8	9	8
9	10	8	10	8	8	8	10	8	6	8	9

Có bao nhiêu bạn đạt điểm giỏi (từ 8 điểm trở lên)?

A. 3. **B.** 33. **C.** 18. **D.** 25.

B. TỰ LUẬN *(8 điểm)*

Bài 1. *(2 điểm)* Thực hiện phép tính:

a) $15.(-4)+(-2)^3$

b) $5^2.4^3+5^2.6^2$

c) $125-\left\{2.\left[5\left(3-2^2\right)-2^2.3\right]+3^{2025}:3^{2024}\right\}$

Bài 2. (*1,5 điểm*) Tìm số nguyên x biết:

a) $2x-15=-35$ b) $12-2(x+1)=(-2)^3$

Bài 3. (*1 điểm*) Lớp 6A có 16 nam và 20 nữ. Cô giáo muốn chia lớp thành các nhóm sao cho mỗi nhóm đều có số học sinh nam và số học sinh nữ như nhau. Hỏi cô giáo có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu nhóm? Khi đó, tính số học sinh nam và số học sinh nữ của mỗi nhóm?

Bài 4. (*1 điểm*) Thư viện ở một trường THCS có số sách Toán tham khảo khoảng 350 đến 400 quyển. Biết rằng khi xếp 10 quyển thành một bó, 15 quyển thành một bó hoặc 20 quyển thành một bó thì đều dư 4 quyển. Hỏi thư viện có bao nhiêu quyển sách Toán?

Bài 5. (*1 điểm*) Cô Nhiên có một mảnh vườn để trồng bắp có chiều dài 30m và chiều rộng 20m. Để thuận tiện cho việc tưới nước, cô có đào một hồ nước hình vuông có cạnh là 3m nằm giữa mảnh vườn.

a) Tính diện tích mảnh vườn và diện tích phần đất trồng bắp.

b) Để bảo vệ mảnh vườn, cô Nhiên rào lưới thép gai xung quanh khu vườn và xung quanh hồ nước. Biết thép gai có giá 400 000 đồng cho mỗi cuộn 10m. Hỏi cô Nhiên phải tốn ít nhất bao nhiêu tiền để mua dây thép (biết rằng thép gai bán theo cuộn, không bán lẻ).

Bài 6. (*1 điểm*) Biểu đồ cột kép dưới đây cho biết thông tin về xếp loại học lực của học sinh khối 6 tại một trường THCS. Từ biểu đồ, hãy cho biết:

a) Số học sinh giỏi và học sinh khá của khối 6?

b) Số học giỏi của lớp nào nhiều nhất? Và nhiều hơn bao nhiêu học sinh giỏi so với lớp có ít số học sinh giỏi nhất?

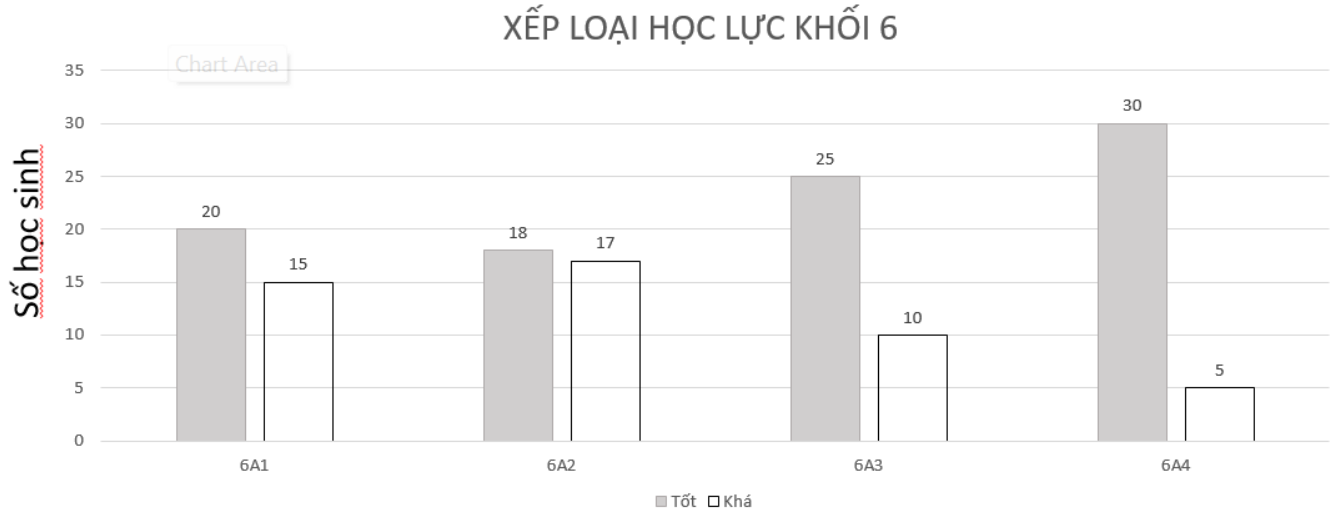

Bài 7. (0,5 điểm) Tìm số tự nhiên x sao cho $(4x+17)\vdots(2x+1)$.

- - - HẾT - - -

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS HOA LƯ

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1
MÔN TOÁN 6
Năm học: 2024-2025

A. TRẮC NGHIỆM

HS trả lời đúng mỗi câu được 0,25 điểm.

1.C	2.C	3.B	4.B	5.D	6.B	7.B	8.B

B. TỰ LUẬN

Bài	Đáp án	Điểm
1a)	$15.(-4)+(-2)^3$ $=-60-8$ $=-68$	**0,25 x 2**
1b)	$5^2.4^3+5^2.6^2$ $=25.64+25.36$ $=25(64+36)$ $=25.100$ $=2500$	**0,25** **0,25** **0,25**
1c)	$125-\left\{2.\left[5\left(3-2^2\right)-2^2.3\right]+3^{2025}:3^{2024}\right\}$ $=125-\left\{2.\left[5(3-4)-4.3\right]+3\right\}$ $=125-\left\{2.\left[5(-1)-12\right]+3\right\}$ $=125-\{2.(-17)+3\}$ $=125-\{-34+3\}$ $=125-(-31)$ $=156$	**0,25** **0,25** **0,25**
2a)	$2x-15=-35$ $2x=-35+15$ $2x=-20$ $x=-20:2$ $x=-10$	**0,25** **0,25** **0,25**

2b)	$12-2(x+1)=(-2)^3$ $2(x+1)=12-(-8)$ $2(x+1)=20$ $x+1=10$ $x=9$	 **0,25** **0,25** **0,25**
3	Gọi x là số nhóm học sinh có thể chia được nhiều nhất ($x \in \mathbb{N}$) Khi đó, x = ƯCLN (16;20)= 4 Vậy, có thể chia được nhiều nhất 4 nhóm. Số học sinh nam của mỗi nhóm: 16 : 4 = 4 (HS) Số học sinh nữ của mỗi nhóm: 20 :4 = 5 (HS)	 **0,25** **0,25** **0,25** **0,25**
4	Gọi x là số quyển sách Toán của thư viện ($x \in \mathbb{N}, 350 \le x \le 400$) Khi đó, $(x-4) \in BC(10;15;20)$ $BCNN(10;15;20)=60$ $BC(10;15;20)=B(60)=\{0;60;120;180;240;300;360;420;...\}$ $\Rightarrow x-4=360$ $x=364$ Vậy thư viện có 364 quyển sách về Toán.	**0,25** **0,25** **0,25** **0,25**
5	a) Diện tích mảnh vườn: $20.30=600(m^2)$ Diện tích hồ nước: $3.3=9(m^2)$ Diện tích trồng bắp: $600-9=591(m^2)$ b)Chiều dài dây thép: $2(20+30)+3.4=104(m)$ Số cuộn dây thép cần mua: 104:10 = 10 (dư 4) Vì số dây thép mua theo cuộn nên cần mua ít nhất 11 cuộn. Số tiền cần trả: 11. 400 000= 4 400 000 (đồng) Vậy, cô Nhiên cần trả ít nhất 4 400 000 đồng.	**0,25** **0,25** **0,25** **0,25**
6	a) Số HS giỏi của khối 6: 20 +18 + 25 +30 = 93 (HS) Số HS khá của khối 6: 15+10+5+17= 47 (HS)	**0,25** **0,25**

	b) Số HS giỏi của 6A4 là 30 hs nhiều nhất và hơn 30 -18 =12	**0,25 x 2**
7	$(4x+17)\vdots(2x+1)$ $4x+17=2(2x+1)+15$ Để $(4x+17)\vdots(2x+1)$ thì $15\vdots(2x+1)$ $(2x+1)\in U(15)=\{1;3;5;15\}$ $\Rightarrow x\in\{0;1;2;7\}$	**0,25** **0,25**

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS NGUYỄN THỊ ĐỊNH

BỘ SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO
(Đề gồm 02 trang)

ĐỀ THAM KHẢO CUỐI HỌC KỲ 1
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian phát đề)*

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM)

Câu 1. Tập hợp M các số tự nhiên nhỏ hơn 6 là:

A. M = {1; 2; 3; 4; 5} **B.** M = {0; 1; 2; 3; 4; 5}

C. M = {0; 1; 2; 3; 4} **D.** M = {1; 2; 3; 4}

Câu 2. Trong các số tự nhiên sau, số nào là số nguyên tố?

A. 25 **B.** 17 **C.** 4 **D.** 32

Câu 3. Số 15 **không phải** là bội của số tự nhiên nào dưới đây?

A. 20 **B.** 5 **C.** 3 **D.** 15

Câu 4. Số đối của số (-45) là:

A. 0 **B.** 45 **C.** –18 **D.** 9

Câu 5. Kết quả của phép tính: $(-14)+(-16)$ là:

A. 30 **B.** 2 **C.** –30 **D.** –2

Câu 6. Điểm A của hình dưới dây biểu diễn số nguyên nào

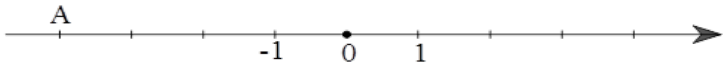

A. - 5 **B.** 4 **C.** 5 **D.** - 4

Câu 7. Trong hình chữ nhật có:

A. Bốn góc bằng nhau. **B.** Bốn góc không bằng nhau.

C. Hai đường chéo không bằng nhau. **D.** Hai đường chéo song song với nhau.

Câu 8. Hình nào sau đây là hình bình hành?

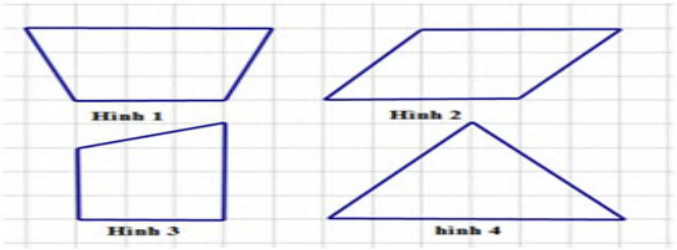

A. Hình 1 **B.** Hình 2 **C.** Hình 3 **D.** Hình 4

Câu 9. Cho tam giác đều MNP với $MN = 12cm$. Độ dài cạnh NP là:

A. 12cm **B.** 6cm **C.** 24cm **D.** 4cm

Câu 10. Cửa hàng bán kem thu thập thông tin số kem bán được trong một ngày bằng bảng dữ liệu sau:

Loại kem	Vani	Socola	Dừa	Dâu	Sầu riêng	Đậu đỏ	Cà phê
Số kem bán được	5	13	43	3	9	-7	0

Thông tin không hợp lí trong bảng dữ liệu trên là:

A. 3 **B.** 0 **C.** 9 **D.** -7

Câu 11. Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào không phải là số liệu?

A. Chiều cao trung bình của học sinh khối 6.

B. Tổng số trường trung học cơ sở trong Thành phố Thủ Đức.

C. Số học sinh biết bơi của lớp 6A.

D. Phương tiện đến trường của các bạn trong lớp 6A.

Câu 12. Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số học sinh	0	1	0	2	5	7	8	8	4	2

Số học sinh đạt từ điểm 8 trở lên là:

A. 6 **B.** 15 **C.** 14 **D.**7

II. TỰ LUẬN (7,0 ĐIỂM)

Bài 1. (2,0 điểm)

a) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: $-55;\ 70;\ -160;\ 0;\ 85$

b) Hãy sử dụng số nguyên để diễn tả ý nghĩa của các nội dung in nghiêng sau:

* Tài khoản ngân hàng của ba bạn An được báo *có thêm 7 000 000 đồng*;

* Thales là nhà toán học, thiên văn học nổi tiếng của Hy Lạp cổ đại. Ông *sinh năm 624 trước công nguyên*.

c) Một ngày tại Paris có nhiệt độ là – 9°C. Theo dự báo thời tiết ngày hôm sau tăng thêm 3°C. Hỏi nhiệt độ dự báo của ngày hôm sau sẽ là bao nhiêu?

d) Tìm x, biết $x-12=-8$

Bài 2. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính

a) $15+7.(-3)$ b) $\left[125-\left(3^{15}:3^{14}+2024^{0}\right)\right]:11$

Bài 3. (0,75 điểm) Bác Hải có một mảnh vườn hình chữ nhật với chiều dài 30m, chiều rộng 16m.

a) Tính diện tích mảnh vườn.

b) Giữa mảnh vườn có một cái ao hình vuông cạnh 9m dùng để nuôi cá, phần còn lại của mảnh vườn cô Hương dùng để trồng cam.Tính diện tích trồng cam.

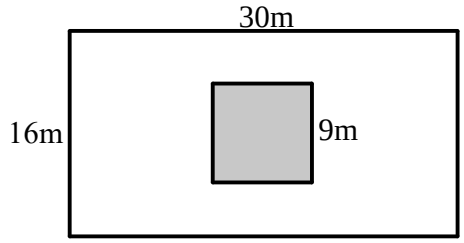

Bài 4: ***(0,75 điểm)*** Cho biểu đồ cột sau:

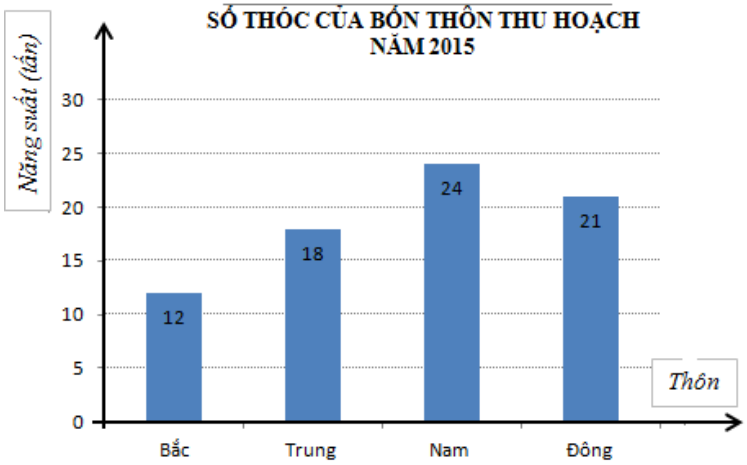

Quan sát biểu đồ, em hãy cho biết:

a) Thôn nào thu hoạch được nhiều thóc nhất?

b) Thôn Nam thu hoạch nhiều hơn thôn Bắc bao nhiêu tấn thóc?

Bài 5. ***(1,0 điểm)*** Một trường tổ chức cho khoảng từ 600 đến 800 học sinh đi tham quan bằng ô tô. Tính số học sinh đi tham quan, biết rằng nếu xếp 40 học sinh hay 45 học sinh vào một xe thì không dư học sinh nào cả.

Bài 6. ***(1,0 điểm)*** Bạn Linh mang theo 250 000 đồng vào nhà sách mua đồ dùng học tập. Bạn mua 10 quyển tập, mỗi quyển giá 8 000 đồng; 5 cây bút mỗi cây bút giá 4 000 đồng và 2 quyển sách Tài Liệu Tham khảo Toán Lớp 6 giá 69 500 đồng/quyển. Hỏi tổng số tiền bạn Linh phải trả là bao nhiêu? Bạn Linh có đủ tiền mua các món hàng trên không? Thừa hay thiếu bao nhiêu tiền?

-----HẾT-----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS NGUYỄN THỊ ĐỊNH

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ THAM KHẢO CUỐI HỌC KÌ I
MÔN TOÁN 6
Năm học: 2024 – 2025

A. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1.	B	4.	B	7.	A	10.	D
2.	B	5.	C	8.	B	11.	D
3.	A	6.	D	9.	A	12.	C

B. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1. (2,0 điểm)	a) -160; -55; 0; 70; 85	**0,5**
	b) 7 000 000, – 624	**0,25x2**
	c) Nhiệt độ dự báo của ngày hôm sau là: – 9 + 3 = – 6^oC	**0,5**
	d) $x-12=-8$ $x=-8+12$ $x=4$	**0,25x2**
Bài 2. (1,5 điểm)	a) $15+7.(-3)=15+(-21)=-6$	**0,25x2**
	b) $\left[5^3-\left(3^{15}:3^{14}+2024^0\right)\right]:11$ $=\left[125-\left(3+1\right)\right]:11$ $=\left[125-4\right]:11=121:11$ $=11$	**0,5** **0,25** **0,25**
Bài 3. (0,75 điểm)	a) Diện tích mảnh vườn HCN: 30.16=480 (m^2)	**0,25**
	b) Diện tích cái ao vuông là: 9^2 = 81 (m^2) Diện tích trồng cây cam: 480 – 81 = 399 (m^2)	**0,25** **0,25**
Bài 4. (0,75 điểm) (0,75 đ)	a) Thôn Nam thu hoạch được nhiều thóc nhất. b) 24 – 12 = 12 Thôn Nam thu hoạch nhiều hơn thôn Bắc: 12 tấn thóc	**0,25x2** **0,25**

Bài 5. (1,0 điểm)	Vì số học sinh tham quan khi xếp 40 HS hay 45 HS ngồi chung một xe thì đều vừa đủ. Nên số học sinh chia hết cho 40 và 45. =>Số HS đi tham quan là BC(40;45) $40 = 2^3.5$ $45 = 3^2.5$ BCNN(40;45)=$2^3.3^2.5 = 360$ BC(40;45)= B(360)={0;360;720;…} Vì số HS khoảng từ 600 đến 800 HS nên ta chọn 720. Vậy số HS đi tham quan là 720 học sinh.	**0,25** **0,25** **0,25** **0,25**
Bài 6. (1,0 điểm)	Tổng số tiền bạn Linh phải trả cho nhà sách là: 10. 8000 + 5. 4000 + 2. 69 500 = 239 000 (đồng) Ta có 250 000 – 239 000 = 11 000 (đồng) Vậy Bạn Linh đủ tiền mua và dư 11 000 đồng.	 **0,25x2** **0,25** **0,25**

----- HẾT -----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS LINH TRUNG

BỘ SGK CTST
(Đề gồm 2 trang)

ĐỀ THAM KHẢO HỌC KỲ 1
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian phát đề)*

A. TRẮC NGHIỆM: (2,0đ)

Câu 1. Số nào sau đây là số nguyên ?

A. -0,8. **B.** -8. **C.** 3,2. **D.** $\frac{-5}{2}$.

Câu 2. Trên hình vẽ, điểm M, N biểu diễn các số nguyên

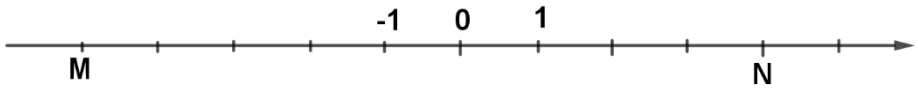

A. -5; 4. **B**. 5; 4. **C**. 5; -4 **D.** -5; -4

Câu 3. Tập hợp số nguyên được kí hiệu là:

A. $\mathbb{R}$ **B.** $\mathbb{F}$ **C.** $\mathbb{N}$ **D.** $\mathbb{Z}$

Câu 4. Hình bình hành có độ dài một cạnh là a và chiều cao tương ứng là h thì có diện tích bằng:

A. $\frac{ah}{2}$ **B.** ah **C.** a+h **D.** 2ah

Câu 5. Cho biểu đồ cột ghép điểm học kì 1 của bạn Hải và bạn Lan như sau:

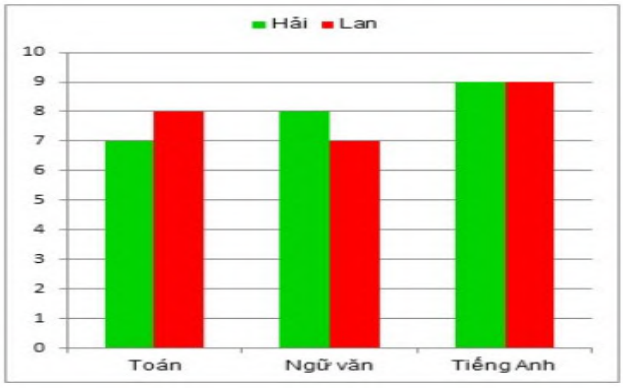

Môn Ngữ văn của bạn Lan bao nhiêu điểm?

A. 8 **B.** 7 **C**. 6 **D**. 9

Câu 6. Số đối của 0 là:

A. 1 **B.** 2 **C.** 0 **D.** 4

Câu 7. Bảng sau cho biết số con của 35 gia đình trong khu dân cư là:

Số con	0	1	2	3
Số gia đình	5	11	19	2

Điểm không hợp lý trong bảng thống kê trên là:

A. Số con trong gia đình.

B. Số gia đình trong khu dân cư.

C. Tổng số con trong gia đình.

D. Số con và số gia đình được lấy dữ liệu.

Câu 8. Nhiệt độ buổi trưa ở Luân Đôn là $4°C$. Khi về đêm, nhiệt độ giảm xuống $11°C$ so với buổi trưa. Hỏi nhiệt độ về đêm ở Luân Đôn là bao nhiêu độ C?

A. $15°C$. **B.** $7°C$. **C.** $-7°C$. **D.** $-15°C$.

Câu 9. Biểu đồ tranh biểu diễn số bàn thắng mà mỗi bạn lớp 6A ghi được trong giải bóng của trường.

Nam	
An	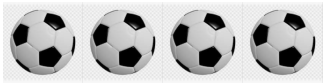
Hạnh	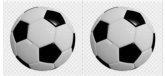

Mỗi biểu tượng biểu diễn 3 bàn thắng. Số bàn thắng mà An ghi được là

A. 4 **B.** 8 **C.** 5 **D.** 12

Câu 10. Cô giáo chia chiếc bánh hình lục giác thành 6 phần bằng nhau, mỗi phần thành một tam giác đều như hình vẽ

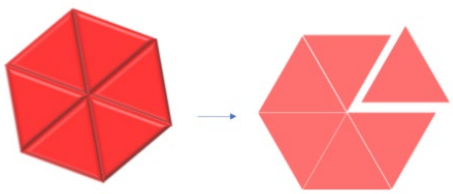

Biết cạnh chiếc bánh ban đầu có độ dài bằng 6cm. Vậy mỗi phần bánh có độ dài cạnh là:

A. 3 cm **B**. 6 cm **C.** 9 cm **D.** 12 cm

Câu 11. Số nào là ước của -9

A. 1; **B**. 0; **C.** 19; **D**. 27 ;

Câu 12. Quan sát biểu đồ dưới đây, thôn nào thu hoạch được nhiều thóc nhất ?

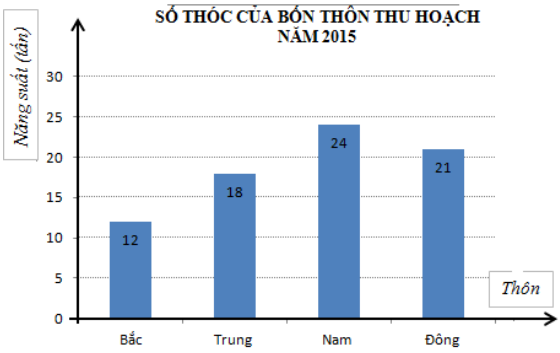

A. Thôn Đông. **B**. Thôn Trung.

C. Thôn Nam. **D**. Thôn Bắc

B. TỰ LUẬN: (7,0đ)

Câu 1: (1,5 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $(-48) \cdot 54 + (-48) \cdot 46 + 480$ b) $900 : [50 + (7^2 - 8 \cdot 3) \cdot 2] + 2022^0$

c) $3^2.5 - 2^2.7 + 83.2019^0$

Câu 2: ***(1,5 điểm)*** Tìm số nguyên x, biết:

a) $x - 4 = -20$ b) $-6.x + 7 = 13$ c) $24 \vdots x; 36 \vdots x; 160 \vdots x$ và lớn nhất

Câu 3 ***(2 điểm)***

a) Một số sách khi xếp thành từng bó 8 cuốn, 12 cuốn hoặc 15 cuốn đều vừa đủ bó. Cho biết số sách trong khoảng từ 300 đến 400 cuốn. Tìm số sách đó.

b) Mỗi ngày Mai được cho 20000 đồng, Mai ăn sáng hết 12000 đồng, mua nước hết 5000 đồng, phần tiền còn lại mai bỏ vào heo đất dành tiết kiệm. Hỏi sau 15 ngày, Mai có bao nhiêu tiền tiết kiệm trong heo đất?

c) Trong một chuyến tham quan có 861 người tham gia. Hỏi phải dùng bao nhiêu xe loại xe có 45 chỗ dành cho hành khách để chở hết số học sinh trên lưu ý theo quy định thì mỗi người ngồi 1 chỗ

Câu 4 (1 điểm): Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 40m, chiều rộng 25m.

a) Tính diện tích khu vườn hình chữ nhật.

b) Trong khu vườn người ta làm một lối đi hình bình hành rộng 2m. Phần còn lại người ta trồng hoa hướng dương. Chi phí cho mỗi mét vuông trồng hoa là 100 000 đồng. Hỏi chi phí để trồng hoa là bao nhiêu?

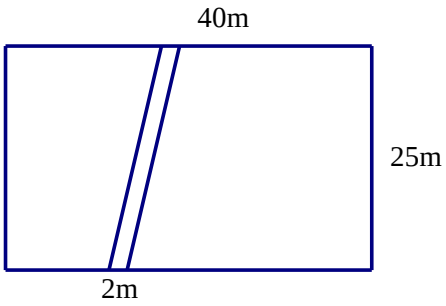

Câu 5 ***(1 điểm):***

Điều tra loại nhạc cụ yêu thích nhất của 40 học sinh lớp 6A, bạn lớp trưởng thu được bảng dữ liệu sau: **(*Viết tắt: O: Organ; G: Ghi ta; K: Kèn; T: Trống; S: Sáo*)**

O	S	T	T	G	S	O	G	T	O
G	O	S	O	K	G	S	K	O	G
S	G	O	K	G	T	G	S	O	T
O	O	G	S	O	G	K	O	G	O

Hãy lập bảng thống kê thể hiện số lượng yêu thích của từng loại nhạc cụ.

Câu 6 ***(1 điểm):***

a) Nhiệt độ trong phòng ướp lạnh đang là -6^0C, một công nhân đã tăng lên 2^0C. Hỏi sau khi điều chỉnh nhiệt độ trong phòng lạnh là bao nhiêu ?

b) Cho $B = 3 + 3^2 + 3^3 + ... + 3^{120}$. Chứng minh rằng: B chia hết cho 13.

--- HẾT ----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG LINH TRUNG

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN TOÁN 6
Năm học:2024-2025

I. TRẮC NGHIỆM: (2,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1.	**B**	**4.**	**B**	**7.**	**B**	**10.**	**B**
2.	**A**	**5.**	**B**	**8.**	**C**	**11.**	**A**
3.	**A**	**6.**	**C**	**9.**	**D**	**12.**	**C**

II. TỰ LUẬN: (8,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (1,5 điểm)	a) $(–48) . 54 + (–48) . 46 + 480$ $= (-48).(54 + 46) + 480$ $= -48.100 + 480$ $= -4800 + 480$ $= - 4320$	**0.5**
	b) $900 : [50 + (7^2 – 8 . 3) . 2] + 2022^0$ $= 900 : [50 + (49 – 8 . 3) . 2] + 1$ $= 900 : [50 + (49 - 24) . 2] + 1$ $= 900 : [50 + 25 . 2] + 1$ $= 900 : [50 + 50] + 1$ $= 900 : 100 + 1$ $= 9 + 1 = 10$	0,5
	c) $3^2.5 – 2^2.7 + 83.2019^0$ $= 9.5 – 4.7 + 83.1$ $= 45 – 28 + 83$ $= 17 + 83$ $= 100$	0,5

<table>
<tr><td rowspan="2">Bài 2 (1,5 điểm)</td><td>a) $x - 4 = -20$
$x = -20 + 4$
$x = -16$</td><td>0,5</td></tr>
<tr><td>b) $-6.x + 7 = 13$
$-6.x = 13 - 7$
$-6.x = 6$
$x = -1$</td><td>0,5</td></tr>
<tr><td></td><td>Vì $24 \vdots x; 36 \vdots x; 160 \vdots x$ và lớn nhất
Nên x là ƯCLN(24, 36, 160)
$24 = 2^3.3$
$36 = 2^2.3^2$
$160 = 2^5.5$
ƯCLN(24, 36, 160) = $2^2 = 4$</td><td></td></tr>
<tr><td>Bài 3 (2 điểm)</td><td>a) Số sách là BC(8, 12, 15)
$8 = 2^3$
$12 = 2^2.3$
$15 = 3.5$
BCNN(8, 12, 15) = $2^3.3.5 = 120$
BC(8, 12, 15) = B(120) = {0, 120, 240, 360, 480, …}
Vì số sách từ 300 đến 400 nên số sách cần tìm là 360.
b)Số tiền tiết kiệm trong 1 ngày: 20000 – 12000 – 5000 = 3000 (đồng)
Số tiền tiết kiệm trong 15 ngày: 15.3000 = 45000 (đồng)
c) Ta có 861 : 45 = 19 dư 6
Nên cần dùng 20 xe.</td><td>1

0,5

0,5</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Bài 4 (1 điểm)</td><td>a) Diện tích khu vườn: 40.25 = 1000 (m^2)</td><td>0,5</td></tr>
<tr><td>b)Diện tích lối đi: 2.25 = 50 (m^2)
Phần trồng hoa hướng dương: 1000 – 50 = 950 (m^2)
Chi phí trồng hoa: 950. 100000 = 95 000 000 (đồng)</td><td>0,5</td></tr>
<tr><td>Bài 5 (1 điểm)</td><td>
<table>
<tr><td>Loại</td><td>O</td><td>G</td><td>K</td><td>T</td><td>S</td><td></td></tr>
<tr><td>Tần số</td><td>13</td><td>11</td><td>4</td><td>5</td><td>7</td><td>Tổng = 40</td></tr>
</table>
</td><td>1,0</td></tr>
</table>

Bài 6 (1 điểm)	a) Nhiệt độ trong phòng lạnh là: (-6) + 2 = -4 ^{0}C b) Ta có: $A = 3 + 3^2 + 3^3 + ... + 3^{120}$ $= \left(3 + 3^2 + 3^3\right) + \left(3^4 + 3^5 + 3^6\right) + \left(3^7 + 3^8 + 3^9\right) + ... + \left(3^{115} + 3^{116} + 3^{117}\right) + \left(3^{118} + 3^{119} + 3^{120}\right)$ $= 3\left(1 + 3 + 3^2\right) + 3^4.\left(1 + 3 + 3^2\right) + 3^7.\left(1 + 3 + 3^2\right) + ... + 3^{115}.\left(1 + 3 + 3^2\right) + 3^{118}.\left(1 + 3 + 3^2\right)$ $= 13.\left(3 + 3^4 + 3^7 + \ldots + 2^{115} + 2^{118}\right).$ Từ đó A chia hết cho 13.	0,5 0,5
Câu 7 (0,5 điểm)		

----- HẾT -----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS TAM BÌNH

BỘ SGK CTST
(Đề gồm …. trang)

ĐỀ THAM KHẢO HỌC KỲ 1
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian phát đề)*

A. TRẮC NGHIỆM: (3,0đ)

Câu 1.Tập hợp nào sau đây chỉ tập hợp các số tự nhiên?

A. $\{0;1;2;3;4\}$ **B.** $\{0;-1;2;3;4\}$ **C.** $\{0;1;-2;3;4\}$ **D.** $\{0;1;2;3;4;...\}$

Câu 2. Số nào là bội của 5?

A. 12 **B.**10 **C.**18 **D.**16

Câu 3. Phát biểu nào sau đây đúng?

A. $-3 \in \mathbb{Z}$ **B.** $-1 \notin \mathbb{Z}$ **C.** $-2 \in \mathbb{N}$ **D.** $0 \notin \mathbb{Z}$

Câu 4. Trong các số tự nhiên sau, số nào là số nguyên tố?

A.10 **B.**15 **C.**22 **D.**23

Câu 5. Chọn đáp án *sai* trong các đáp án sau:

A. $-4 < 0$. **B.** $-5 > -6$. **C.** $-3 > -2$. **D.** $-3 < -2$.

Câu 6. Số đối của 25 là:

A. 25. **B.** $-(-25)$ **C.** -25 **D.** 52

Câu 7. Bội chung nhỏ nhất của các số 3, 7 và 8 là:

A. 21. **B.** 56. **C.** 160 **D.** 168

Câu 8. Trong các hình sau, hình nào là lục giác đều?. Biết rằng các cạnh trong mỗi hình đều bằng nhau.

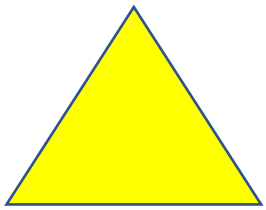

HÌNH 1

HÌNH 2

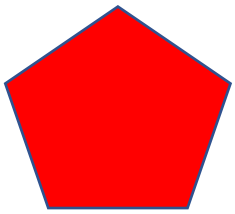

HÌNH 3

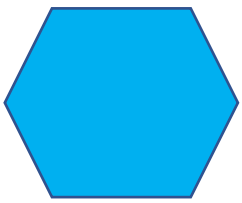

HÌNH 4

A. Hình 1 **B.** Hình 2 **C.** Hình 3 **D.** Hình 4

Câu 9. Trong các hình dưới đây hình vẽ tam giác đều là:

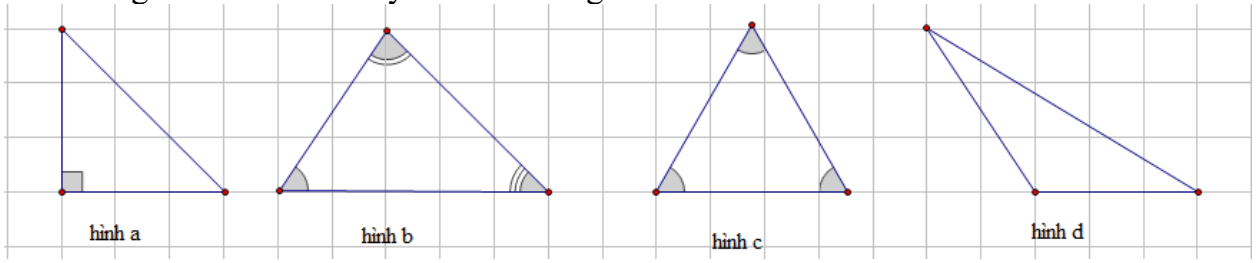

A. Hình a. **B.** Hình b. **C.** Hình c. **D.** Hình d.

Câu 10: Chọn phát biểu *sai*.

A. Hình vuông có hai đường chéo bằng nhau. **B.** Hình chữ nhật có 4 góc vuông.

C. Hình thoi có 4 cạnh bằng nhau. **D.** Hình thang cân có 4 góc bằng nhau.

Câu 11. Dữ liệu thống kê từ biểu đồ tranh sau đây ghi lại số xe máy bán được qua các năm của các Head Honda trên địa bàn Tp Thủ Đức như sau:

Năm	Số xe bán được
2018	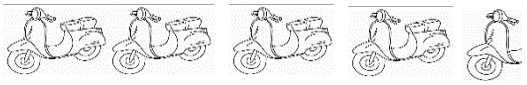
2019	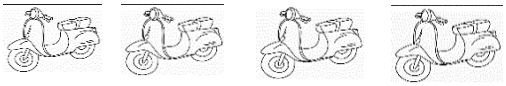
2020	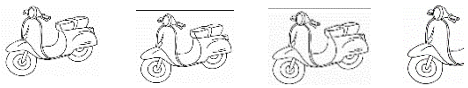
2021	

1000 chiếc 500 chiếc

Số xe bán được năm 2019 là:

A. 3000 **B.** 3 500 **C.** 4000 **D.** 4500

Câu 12. Có bao nhiêu điểm không hợp lí trong cột "địa chỉ" của bảng dữ liệu sau:

STT	Họ và tên	Địa chỉ
1	Vũ Vy An	Vyan@gmail.com
2	Hồ Quang Khải	80 Lê Lợi P. Bến Nghé Q1
3	Phạm Thanh Thư	15 Nguyễn Oanh , P7, Q12
4	Lê Minh Châu	13 Nguyễn Văn Tăng
5	Đặng Văn Bình	0907567756

A. 4 **B.** 3 **C.** 2 **D.** 1

B. TỰ LUẬN: (7,0đ)

Bài 1. (1,0đ)

a) Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần $-4;7;0;-1;15;-8$

b) Tìm số nguyên x, biết: $x-7=-15$

Bài 2. (2,0đ) Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể)

a) $(-20).17+17.(-80)$ b) $2^4.5-\left[130-\left(12-2^2\right)^2\right]$

Bài 3. (0,5 đ) Nửa tháng đầu một cửa hàng bán lẻ được lãi 5 triệu đồng, nửa tháng sau lại lỗ 2 triệu đồng. Hỏi tháng đó cửa hàng lãi hay lỗ bao nhiêu triệu đồng?

Bài 4.(1,0 đ) Hưởng ứng chương trình chung tay đẩy lùi dịch Covid 19, một trường THCS đã quyên góp được một số phần quà nằm trong khoảng từ 500 đến 750 phần quà và nếu đóng số quà trên thành 9 thùng, 12 thùng 14 thùng thì vừa đủ. Tính số phần quà của trường THCS trên.

Bài 5. (1,0 đ) Một sân vận động hình chữ nhật người ta muốn làm một lối đi theo chiều dài và chiều rộng của một sân cỏ hình chữ nhật như hình sau. Biết rằng lối đi có chiều rộng là x, diện tích sân vận động bằng 112m^2. Sân cỏ có chiều dài 15m và rộng 6m.

a) Tính diện tích sân cỏ.

b) Tính diện tích lối đi.

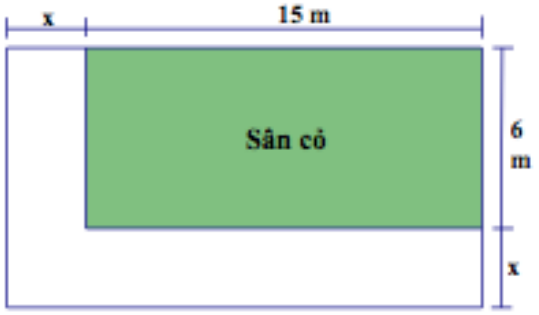

Bài 6. (1,0 điểm) Biểu đồ tranh sau đây biểu diễn số lượng học sinh tổ 1 lớp 6A sử dụng các phương tiện khác nhau để đi đến trường

Đi bộ	
Xe đạp	
Xe máy (ba mẹ chở)	
Phương tiện khác	

(Mỗi ứng với 1 học sinh)

a) Có bao nhiêu học sinh đến trường bằng xe đạp?

b) Tổ 1 lớp 6A có tất cả bao nhiêu học sinh?

Bài 7. (0,5 đ) Cho B = $3 + 3^2 + 3^3 + \ldots\ldots + 3^{60}$. Hãy cho biết B có chia hết cho 13 không? Vì sao?

--- HẾT ----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS TAM BÌNH

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN TOÁN 6
Năm học: 2024-2025

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1.	**D**	**4.**	**D**	**7.**	**D**	**10.**	**D**
2.	**B**	**5.**	**D**	**8.**	**D**	**11.**	**C**
3.	**A**	**6.**	**C**	**9.**	**C**	**12.**	**C**

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (1,0 điểm)	a) Sắp xếp đúng	**0,25x2**
	b) $x-7=-15$ $x=-8$	**0,25x2**
Bài 2 (2,0 điểm)	**a)** $(-20).17+17.(-80)$ $=17(-20-18)$ $=17.(-100)$ $=-1700$	**0,25x4**
	b) $2^4.5-\left[130-\left(12-2^2\right)^2\right]$ $=16.5-\left[130-8^2\right]$ $=80-\left[130-64\right]$ $=80-66$ $=14$	**0,25x4**
Bài 3 (0,5 điểm)	Nửa tháng đầu cửa hàng lãi : +5 triệu Nửa tháng sau cửa hàng lỗ: -2 triệu Vậy tháng đó cửa hàng lãi: $(+5)+(-2)=3$ triệu	**0,25x2**
Bài 4 (1,0 điểm)	+ Gọi x là số phần quà của trường THCS trên ($x \in N^*$) + Lập luận được: $x \in BC(9,12,14)$ + Tính được: BCNN (9,12,14), suy ra BC, suy ra x + Kết luận	**0,25x4**

Bài 5 (1,0 điểm)	a) Diện tích sân cỏ: $15x6 = 80$ (m^2) b) Diện tích lối đi: $112 - 90 = 22$ (m^2)	**0,25x4**
Bài 6 (1,0 điểm)	a) Số học sinh đến trường bằng xe đạp: 5 (học sinh) b) Số học sinh tổ 1 lớp 6A có là: 14 (học sinh)	**0,25x4**
Bài 7 (0,5 điểm)	Giải thích đúng	**0,25x2**

----- HẾT -----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN TRỖI

BỘ SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO
(Đề gồm 02 trang)

ĐỀ THAM KHẢO HỌC KỲ I
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian phát đề)*

A. TRẮC NGHIỆM: (3,0đ) Chọn phương án trả lời đúng nhất

Câu 1. Tập hợp M là các số tự nhiên lớn hơn 15 và nhỏ hơn 18.

Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. $M = \{16\}$ **B.** $M = \{16;17\}$ **C.** $M = \{17;18\}$ **D.** $M = \{15;16;17\}$

Câu 2. Kết quả của phép tính $3^5.3$ là:

A. 3^5 **B.** 3^6 **C.** 3 **D.** 3^4

Câu 3. Số nào sau đây là số nguyên tố?

A. 13 **B.** 14 **C.** 15 **D.** 16

Câu 4. Các số nào dưới đây chia hết cho cả 2 và 5?

A. 320 và 860 **B.** 140 và 125 **C.** 345 và 80 **D.** 444 và 235

Câu 5. Loài mực biển Châu Âu sống ở độ sâu khoảng 500m. Vậy loài mực biển sống ở độ cao là bao nhiêu so với mực nước biển?

A. 500m **B.** -1000m **C.** 1000m **D.** -500m

Câu 6. Khẳng định nào dưới đây là sai:

A. $0 > -5$ **B.** $-2 > -3$ **C.** $-4 < -5$ **D.** $-5 < 3$

Câu 7. Trong các số $-10; 0; -14; 2$, số lớn nhất là:

A. -10 **B.** 0 **C.** -14 **D. 2**

Câu 8. Mừng ngày sinh nhật nên cửa hàng Bách Hóa Xanh có chương trình khuyến mãi để tri ân khách hàng, mặt hàng sữa khi mua 5 hộp lại được tặng 1 hộp; vì vậy để mua 7 hộp sữa Lan chỉ trả 108000 đồng. Hỏi giá mỗi hộp sữa lúc chưa khuyến mãi là bao nhiêu?

A. 21600 **B.** 21000 **C.** 18000 **D.** 10800

Câu 9. Hình nào dưới đây là hình thang cân?

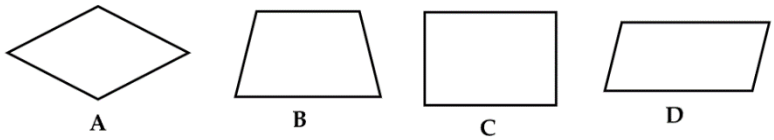

A. Hình A **B.** Hình B **C.** Hình C **D.** Hình D

Câu 10. Trong các khẳng định dưới đây, khẳng định nào không đúng về hình chữ nhật.

A. Hình chữ nhật có bốn góc bằng nhau.

B. Hình chữ nhật có các cạnh đối bằng nhau.

C. Hình chữ nhật có các cạnh đối song song.

D. Hình chữ nhật có bốn cạnh bằng nhau.

Câu 11. Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào không là số liệu?

A. Cân nặng của trẻ sơ sinh (tính bằng gam).

B. Quốc tịch của học sinh trong 1 trường quốc tế.

C. Chiều cao trung bình của một số loại thân cây gỗ (đơn vị tính bằng mét).

D. Số học sinh đeo kính trong một lớp học (đơn vị tính là HS).

Câu 12. Bảng thống kê ghi lại số học sinh vắng trong ngày của các lớp khối 6 trường THCS A:

Lớp	6A	6B	6C	6D	6E	6F
Số HS vắng	0	1	2	1	0	0

Có bao nhiêu lớp có số học sinh vắng ít nhất:

A. 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

B. TỰ LUẬN: (7,0đ)

Bài 1. (1đ) Thực hiện phép tính

a) $(-10)+(-2)+20$ b) $(-3).35+(-3).20+(-3).45$

Bài 2. (1,5đ) Tìm x, biết

a) $x+55=100$ b) $3(x+5)-17=-20$

Bài 3. (2đ)

a) Tìm 2 ước của mỗi số 4 và -4

b) Mẹ Lan bán rau ngoài chợ, Lan giúp mẹ ghi số tiền lãi, lỗ các ngày như sau:

Ngày	3/9	4/9	5/9	6/9
Tiền lãi, lỗ	Lãi 200 nghìn đồng	Lỗ 50 nghìn đồng	Lãi 90 nghìn đồng	Lỗ 80 nghìn đồng

Hãy dùng các số nguyên để chỉ số tiền lãi, lỗ mỗi ngày trong bảng.

Bài 4. (1đ) Chị Mai có một số bông hồng. Nếu chị bó thành các bó gồm 10 bông, 15 bông thì đều vừa hết. Hỏi chị Mai có bao nhiêu bông hồng? Biết rằng chị Mai có khoảng từ 100 đến 140 bông.

Bài 5. (0,75đ) Bác Hai có một mảnh vườn hình chữ nhật với chiều dài 9m, chiều rộng 8m

a) Tính diện tích mảnh vườn

b) Giữa mảnh vườn người ta làm miếng đất hình vuông cạnh 7m dung để trồng rau, phần còn lại làm lối đi xung quanh. Tính diện tích lối đi xung quanh?

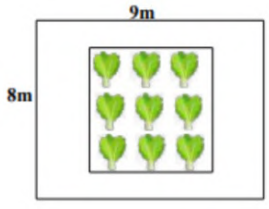

Bài 6. (0,75đ) Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6/5 được cho trong bảng sau:

Điểm	5	6	7	8	9	10
Số học sinh	8	6	4	8	12	10

a) Lớp 6/5 có bao nhiêu HS đạt điểm 6?

b) Có bao nhiêu học sinh đạt từ điểm 8 trở lên?

--- HẾT ----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN TRỖI

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ THAM KHẢO HỌC KÌ I
MÔN TOÁN 6
Năm học: 2024-2025

A. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1.	**B**	**4.**	**A**	**7.**	**D**	**10.**	**D**
2.	**B**	**5.**	**D**	**8.**	**C**	**11.**	**B**
3.	**A**	**6.**	**C**	**9.**	**B**	**12.**	**C**

B. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (1 điểm)	a) $(-10)+(-2)+20=(-12)+20=8$	0,25x2
	b) $(-3).35+(-3).20+(-3).45$ $=-3.(35+20+45)$ $=-3.100$ $=-300$	0,25 0,25
Bài 2 (1,5 điểm)	a) $x+55=100$ $x=100-55$ $x=45$	 0,5 0,25
	b) $3(x+5)-17=-20$ $3(x+5)=-20+17$ $3(x+5)=-3$ $x+5=-3:3$ $x+5=-1$ $x=-1-5$ $x=-6$	 0,25 0,25 0,25
Bài 3 (2 điểm)	a) Hai ước của 4 là 1 và 4 Hai ước của -4 là -1 và -4	0,25x2 0,25x2
	b) Ngày 3/9: 200 (nghìn đồng) Ngày 4/9: -50 (nghìn đồng) Ngày 5/9: 90 (nghìn đồng)	0,25 0,25 0,25

	Ngày 6/9: -80 (nghìn đồng)	0,25
Bài 4 (1 điểm)	Vì số bông hồng bó thành các bó gồm 10 bông, 15 bông đều vừa đủ nên số bông hồng thuộc bội chung của 10 và 15. $BCNN(10,15) = 30$ $BC(10,15) = B(30) = \{0;30;60;90;120;150;...\}$ Vì số bông hồng khoảng từ 100 đến 140 bông nên chị Mai có 120 bông hồng.	0,25 0,25 0,25 0,25
Bài 5 (0,75 điểm)	a) Diện tích mảnh vườn là: $9.8 = 72\left(m^2\right)$	0,25
	b) Diện tích trồng rau là: $7.7 = 49\left(m^2\right)$ Diện tích lối đi là: $72 - 49 = 23\left(m^2\right)$	0,25 0,25
Bài 6 (0,75 điểm)	a) Lớp 6/5 có 6 học sinh đạt điểm 6	0,25
	b) Có 8 + 12 + 10 = 30 học sinh đạt từ điểm 8 trở lên	0,25x2

----- HẾT -----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS TĂNG NHƠN PHÚ B

BỘ SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO
(Đề gồm 03 trang)

ĐỀ THAM KHẢO HỌC KỲ 1
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian phát đề)*

A. TRẮC NGHIỆM (3.0 điểm)

Câu 1. Tập hợp các số tự nhiên từ 24 đến 29 là:

A. {25; 26; 27; 28}
C. {24; 25; 26; 27; 28; 29}
B. {24; 25; 26; 27; 28}
D. {25; 26; 27; 28; 29}

Câu 2. Viết gọn các phép tính sau dưới dạng lũy thừa.

A. $2^8:2^5 = 2^3$
C. $3^{20}:3^{20} = 3^0$
B. $5.5^2.5^3 = 5^6$
D. Tất cả đều đúng

Câu 3. Số nguyên tố nhỏ nhất là:

A. 1
C. 3
B. 2
D. 5

Câu 4. Khẳng định nào là đúng?

A. $-7<-9$
C. $2=-2$
B. $-5>3$
D. $-3<-1$

Câu 5. Chọn phát biểu **SAI**.

A. Tổng hai số nguyên dương là số nguyên dương.
B. Tổng hai số nguyên âm là số nguyên âm.
C. Tổng hai số nguyên đối nhau là 0.
D. Tổng hai số nguyên khác dấu là số nguyên dương.

Câu 6. Một hình vuông có diện tích là 16 cm^2. Độ dài cạnh của hình vuông là:

A. 8 cm
C. 4 cm
B. 2 cm
D. 6 cm

Câu 7. Tính chất nào **không phải** là của hình thang cân?

A. Hai đường chéo bằng nhau.
C. Có hai cạnh đáy song song.
B. Có các góc đối bằng nhau.
D. Có hai cạnh bên bằng nhau

Câu 8. Thân nhiệt (độ C) của bệnh nhân A trong 10 tiếng theo dõi được ghi lại trong bảng sau:

100	41	40	39	38
37	36	30	37	38

Tìm dữ liệu không hợp lý trong bảng trên:

A.36 và 37
C. 40 và 41
B. 38 và 39
D. 30 và100

Câu 9. Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào không phải là số liệu?

A. Những môn học có điểm tổng kết trên 5,0 của Mai

B. Cân nặng của trẻ sơ sinh (đơn vị tính là gam)

C. Chiều cao trung bình của các bạn trong lớp (đơn vị tính là mét)

D. Số học sinh thích ăn bánh mì thịt nguội.

Câu 10. Trong các hình sau, hình nào là hình lục giác đều:

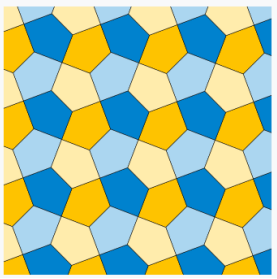

A. Hình 1

C. Hình 3

B. Hình 2

D. Hình 4

Câu 11. Khi bỏ dấu ngoặc, biểu thức –(–a+b–c) được viết là:

A. –a–b+c

C. a–b+c

B. a–b–c

D. –a+b+c

Câu 12. Số đối của –(–37) là:

A. –37

C. +(+37)

B. +37

D. Đáp án B và C đều đúng

B. TỰ LUẬN. (7.0 đ)

Bài 1. (2.0 điểm) Tính:

a) $12.5^3 – 162:3^2$

c) $250:\{5[178–(200 –2^3.9)]\}$

b) 19.27 + 27. 82 – 27

d) 21 + 23 + 25 + … + 119 + 121

Bài 2. (1.0 điểm) Tìm x biết:

a) –8x + 26 = 210

b) $7^x + 31 = 2^4.5$

Bài 3. (***1.0 điểm***) Một trường THCS tổ chức cho học sinh đóng góp sách giáo khoa giúp đỡ các bạn trong vùng bị ảnh hưởng do cơn bão số 3 vừa qua. Khi xếp thành từng bó 8 cuốn, 12 cuốn, hoặc 15 cuốn thì đều vừa đủ bó không thừa cuốn nào. Hãy tính số sách biết rằng số sách khoảng từ 300 đến 400 cuốn.

Bài 4. (2.0 điểm) Một khu vườn hình chữ nhật (*như hình vẽ*) có chiều dài 20m, chiều rộng 12m.

a) Tính diện tích khu vườn?

b) Ở trong khu vườn người ta xây một hồ cá hình vuông có độ dài cạnh là 18dm. Diện tích đất phần còn lại của khu vườn người ta lát sỏi, biết giá tiền mỗi một mét vuông sỏi là 52 000 đồng. Tính số tiền lát sỏi khu vườn?

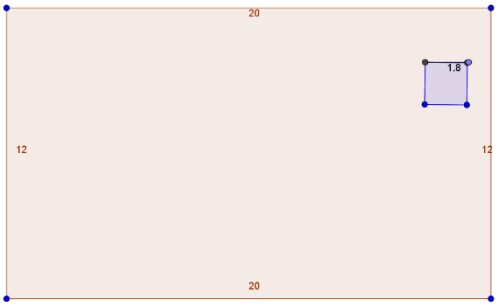

Bài 5. (1.0 điểm)

a) Điều tra tuổi của 20 bé đăng ký tiêm chủng tại phường 8 trong một buổi sáng. Người ta thu được bảng số liệu ban đầu như sau:

2	3	2	3	1	4	3	2	-1	2
3	4	3	-2	3	2	1	2	3	4

Tìm điểm không hợp lý trong bảng dữ liệu trên? Vì sao?

b) Giá trị xuất khẩu của một số mặt hàng hải sản của Việt Nam năm 2019 được thống kê như sau:

Mặt hàng	*Cá tra*	*Cá ngừ*	*Tôm*	*Cua ghẹ và giáp xác khác*
Giá trị xuất khẩu (triệu USD)	2 005	719	3 363	149

Em hãy cho biết giá trị xuất khẩu của mặt hàng nào nhiều nhất và nhiều hơn tổng lượng giá trị xuất khẩu của ba mặt hàng còn lại là bao nhiêu triệu USD?

---HẾT---

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS TĂNG NHƠN PHÚ B

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN TOÁN 6
Năm học: 2024 – 2025

A. TRẮC NGHIỆM:

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1.	**C**	**4.**	**D**	**7.**	**B**	**10.**	**B**
2.	**D**	**5.**	**D**	**8.**	**D**	**11.**	**C**
3.	**B**	**6.**	**C**	**9.**	**A**	**12.**	**A**

B. TỰ LUẬN:

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (2.0 điểm)	**a)** a) $12.5^3 – 162:3^2$ $= 12.125 – 162:9$ $= 1500 – 18$ $= 1482$	0,25 0,25
	b) b) $19.27 + 27.82 – 27$ $= 27.(19 + 82 – 1)$ $= 27.100$ $= 2700$	0,25 0,25
	c) $250:\{5[178 – (200 – 2^3.9)]\}$ $= 250:\{5[178 – (200 – 8.9)]\}$ $= 250:\{5[178 – (200 – 72)]\}$ $= 250:\{5[178 – 128]\}$ $= 250:\{5.50\}$ $= 250:250$ $= 1$	0,25 0,25
	d) $21 + 23 + 25 + … + 119 + 121$ Số số hạng: $(121 – 21):2 + 1 = 51$ (số hạng) Tổng $= (121 + 21).51:2 = 3\,621$	0,25 0,25
Bài 2 (1.0 điểm)	**a)** $– 8x + 26 = 210$ $– 8x = 210 – 26$ $– 8x = 184$ $x = 184 : (– 8)$ $x = – 23$	0,25 0,25
	b) $7^x + 31 = 2^4.5$ $7^x + 31 = 80$	0,25

	$7^x = 49$ $7^x = 7^2$ Suy ra x = 2	0,25
Bài 3 (1.0 điểm)	Gọi x là số sách ($300 \le x \le 400$) Ta có: x ⋮ 8; x ⋮ 12; và x ⋮ 15 nên $x \in BC(8, 12, 15)$ $8 = 2^3$; $12 = 2^2.3$; 15= 3.5 $BCNN(8, 12, 15) = 2^3.3.5 = 120$ $x \in BC(8, 12, 15) = B(120) = \{0; 120; 240; 360; 480; \ldots\}$ mà $300 \le x \le 400$ nên x = 360 Vậy số sách là 360 cuốn	0,25 0,25 0,25 0,25
Bài 4 (2.0 điểm)	a) Diện tích khu vườn là: 20 . 12 = 240 (m^2) b) Diện tích hồ cá là: 18 . 18 = 324 (dm^2) = 3,24 (m^2) Diện tích khu vườn người ta lát sỏi là: 240 – 3,24 = 236,76 (m^2) Số tiền lát sỏi khu vườn là: 52 000 . 236,76 = 12 311 520 (đồng)	0,5 0,5 0,5 0,5
Bài 5 (1.0 điểm)	a) Điểm không hợp lý trong bảng dữ liệu trên là: -1; -2. Vì tuổi của con người phải là một số dương.	0,25x2
	b) Giá trị xuất khẩu của tôm là nhiều nhất (3 363 triệu USD) Nhiều hơn tổng lượng giá trị xuất khẩu của ba mặt hàng còn lại là: 3 363 – (2005 + 719 + 149) 490 (triệu USD)	0,25 0,25

ỦY BAN NHÂN DÂN TP THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS BÌNH CHIỂU

ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA CUỐI KỲ I
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN - LỚP 6

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN *(3,0 điểm)* Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng. Hãy chọn phương án đúng.

Câu 1. Cho tập hợp A = {x ∈ N/12 < x < 33}. Hãy viết tập hợp A bằng cách liệt kê các phần tử.

A. A = {12; 13; 14; …; 33}
B. A = {12; 13; 14;…; 32}
C. A = {13; 14; 15; …; 32}
D. A = {13; 14;…; 32; 33}

Câu 2. Số nào sau đây là hợp số ?

A. 47 **B**. 37 **C.** 27 **D**. 17

Câu 3. Số đối của các số nguyên –2; 5; 0 là

A. –2; –5; 0 **B.** 2; –5; 0 **C.** 2; 5; –1 **D.** 2; 5; 0

Câu 4. Tính 12 + (–91) + 188 + (–9) = ?

A. 100 **B.** –100 **C.** 200 **D.** –200

Câu 5. Một hình vuông có chu vi là 80 cm. Độ dài cạnh hình vuông này là:

A. 160 cm **B.** 20 cm **C.** 160 cm^2 **D.** 20 cm^2

Câu 6. Chu vi của hình bình hành sau là:

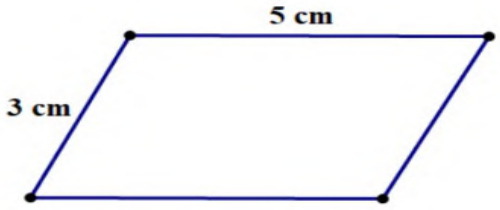

A. 16 cm **B.** 8 cm **C.** 16 cm^2 **D.** 8 cm^2

Câu 7. Số học sinh tham gia giải " Lê Quý Đôn" trên báo Khăn Quàng Đỏ trong các tổ của lớp 6A12 như sau:

Tổ 1	**Tổ 2**	**Tổ 3**	**Tổ 4**	**Tổ 5**
8	5	7	E12	9

Số liệu ở tổ nào là thông tin không hợp lí?

A. Tổ 4 **B.** Tổ 2 **C.** Tổ 1 **D.** Tổ 5

Câu 8. . Trong các số sau, số nào là bội của 8?

A. 16 **B.** 1 **C.** 2 **D.** 4

Câu 9. Chọn đáp án đúng.

A. $-4 < -5$ **B.** $-3 < -1$ **C.** $0 < -2$ **D.** $4 < -1$

Câu 10. Kết quả của phép tính (-14) : (-7) bằng:

A. -2 **B.** -7 **C.** 2 **D.** 7

Câu 11. Số nào sau đây chia hết cho 3 mà không chia hết cho 9:

A. 34567 B. 12345 C. 2023 D. 6579

Câu 12. Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. $6 \in$ ƯC(28, 42) **B.** $7 \in$ ƯC(28, 42)

C. $8 \in$ ƯC(28, 42) **D.** $9 \in$ ƯC(28, 42)

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(7,0 điểm)*

Bài 1. a) Tìm ƯCLN(24,60,180)

b) Thực hiện phép tính $(-85).5+95.(-85)+2022^0$

Bài 2. Tìm số tự nhiên x, biết:

a) $x - 6 = -15$

b) $(-4)x + 9 = 213$

Bài 3. Vẽ hình thoi ABCD biết độ dài hai đường chéo: AC = 4cm, BD = 6cm

Bài 4. Một đoàn xe lửa dài 150m chạy vào một đường hầm xuyên núi với tốc độ $50\ m/s$. Từ lúc toa đầu tiên chui vào hầm đến lúc toa cuối ra khỏi hầm mất 3 phút 3 giây. Hỏi đường hầm dài bao nhiêu km? (biết $S = v.t$ với S là quãng đường v là vận tốc và t là thời gian)

Bài 5. Cô Lan có một mảnh đất có hình dạng và kích thước như hình bên.

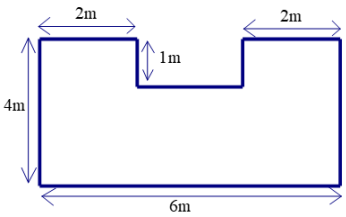

a) Tính diện tích của mảnh đất này.

b) Cô Lan dự định trồng hoa trên mảnh đất này. Cô Lan tính được rằng cứ mỗi mét vuông sẽ trồng được 4 chậu hoa hồng, mỗi chậu hoa hồng có giá là 70 000 đồng. Tính số tiền cô Lan mua các chậu hoa hồng để trồng trên mảnh đất này.

Bài 6. Cho bảng thống kê xếp loại học tập HK1 của lớp 6A như sau:

Xếp loại học tập	Giỏi	Khá	Đạt
Số học sinh	10	15	5

a) Số học sinh lớp 6A có học tập từ Khá trở lên là bao nhiêu?

b) Vẽ biểu đồ dạng cột biểu thị xếp loại học tập HK1 của lớp 6A.

HẾT.

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Mỗi câu đúng được **0,25 điểm** x 12 = **3,0điểm**

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	C	B	A	B	A	A	A	B	C	B	B

II. PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu		Nội dung
Bài 1	a	$24 = 2^2.3$ $60 = 2^2.3.5$ $180 = 2^2.3^2.5$ Thừa số nguyên tố chung chọn mũ nhỏ nhất là: $2^2.3$ ƯCLN(24;60;180) =12
	b	(-85).5 + 95.(-85)+2023^0 = (-85).5 + 95.(-85) + 1 = -85.(5 + 95) + 1 = -85.100 + 1 = -8500 + 1 = -8499
Bài 2	a	x – 6 = -15 x = -15 + 6 x = -9
	b	$(-4)x + 9 = 213$ -4x = 213 – 9 -4x = 204 X = 204 : (-4) X = -51
Bài 4		3 phút 3 giây = $3.60 + 3 = 183$ giây Chiều dài đường hầm: $50.183 - 150 = 9000(m)$ $9000m = 9km$ Vậy chiều dài đường hầm là $9km$
Bài 5		a) Diện tích mảnh đất : 6.4 -1.(6-2-2) =22m^2 b) Số chậu Hồng cần mua là: 22.4 = 88 chậu Số tiền cô Lan cần để mua hoa là: 88.77000 = 6 776 000 đồng
Bài 6		a) Số học sinh từ khá trở lên: $10 + 15 = 25$(hs)

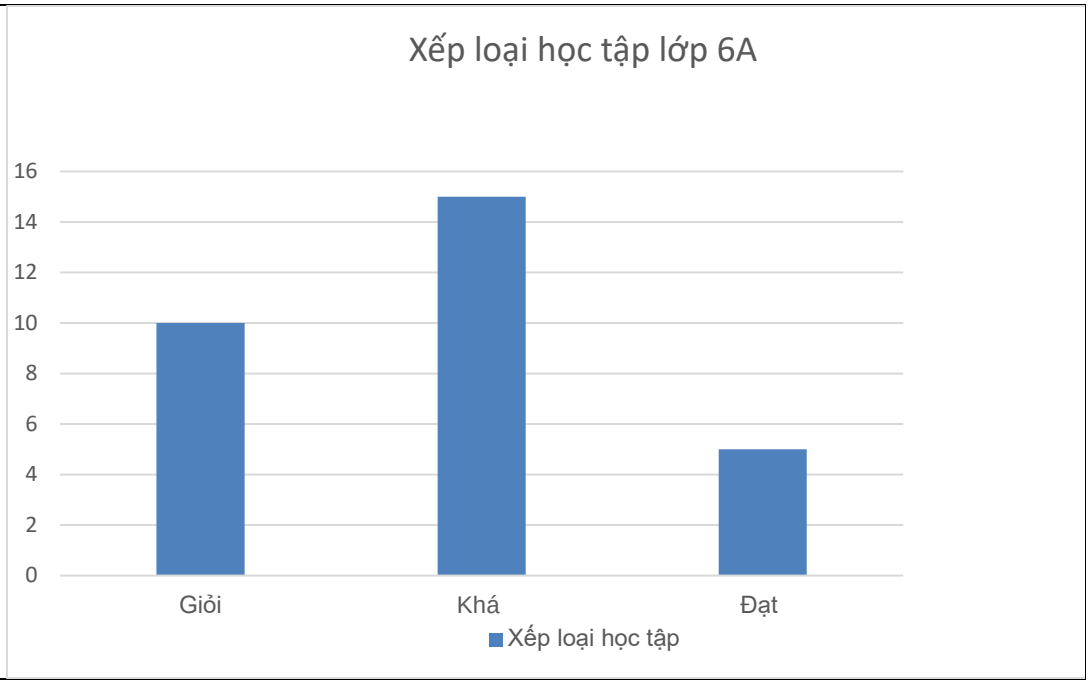
Xếp loại học tập lớp 6A
16
14
12
10
8
6
4
2
0
Giỏi
Khá
Đạt
Xếp loại học tập

--- HẾT ---

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS TRƯỜNG THẠNH

BỘ SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO
(Đề gồm 03 trang)

ĐỀ THAM KHẢO HỌC KỲ 1
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian phát đề)*

A. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Hãy khoanh tròn vào phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

Câu 1. Tập hợp các số tự nhiên khác 0 ký hiệu là:

A. Z* B. Z C. N D. N*

Câu 2. Trong các số sau, số nào chia hết cho 5?

A. 12 B. 10 C. 19 D. 54

Câu 3. Nếu $x \vdots 3$ và $x \vdots 4$ thì

A. $x \in BC(3,4)$ B. $x \in UC(3,4)$ C. $x \in U(3)$ D. $x \in U(4)$

Câu 4. Kết quả dưới dạng lũy thừa của phép tính $2^3.2^4$ là:

A. 2^5 B. 2^6 C. 2^7 D. 2^8

Câu 5: Số 0 là

A. Số nguyên âm

B. Số nguyên dương

C. Vừa là số nguyên âm vừa là số nguyên dương

D. Không phải số nguyên âm cũng không phải số nguyên dương

Câu 6. Kết quả của phép tính $(-2).(-5)$ là

A. -10 B. 10 C. -7 D. -3

Câu 7: Trong các hình sau, hình nào là tam giác đều?

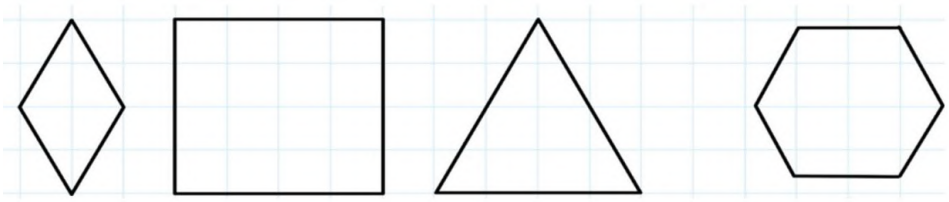

Hình 1 Hình 2 Hình 3 Hình 4

A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

Câu 8: Cho hình chữ nhật ABCD, biết độ dài đường chéo AC là 5 cm, độ dài của đường chéo BD là:

A. $4cm$ B. $5cm$ C. $6cm$ D. $7cm$

Câu 9: Chu vi của hình chữ nhật bên dưới là:

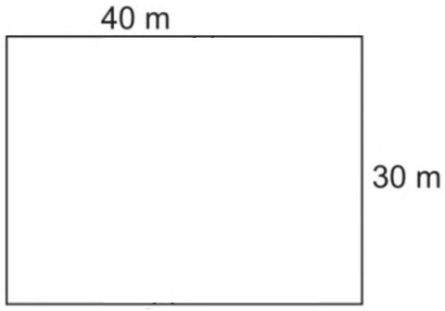

A. 10m B.1200 m C. 70 m D. 140 m

Câu 10: Tính diện tích của khu vườn trong hình vẽ sau:

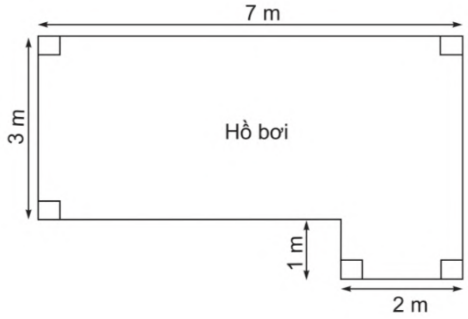

A. $23m^2$ B. $24m^2$ C. $25m^2$ D. $26m^2$

Câu 11. Điểm kiểm tra Toán của các bạn trong lớp được ghi lại bởi bảng sau:

Điểm	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số học sinh	0	2	1	4	1	6	8	5	4	3	1

Số học sinh bị dưới điểm 5 là:

A. 14 học sinh B. 8 học sinh C. 15 học sinh D. 22 học sinh

Câu 12:

Một nhóm học sinh được khảo sát về thức ăn sáng của một ngày trong tuần có bảng dự liệu ban đầu như sau:

Xôi	Bánh mì	Phở	Xôi	Cơm tấm	Bánh mì
Bún bò	Xôi	Phở	Bánh mì	Xôi	Bánh mì

Có tất cả bao nhiêu học sinh được khảo sát?

A. 10 B. 12 C.14 D. 18

B. TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1. (2,0 điểm)

Thực hiện phép tính sau:

$a)\ 2.5+15$ $b)\ 2^3+3^2.5-4^2$

Bài 2. (1,5 điểm)

a) Biểu diễn số nguyên $-3;-1;2;4$ trên trục số.

b) Một chiếc tàu ngầm đang ở độ sâu mười lăm mét, tàu hạ độ cao xuống theo phương thẳng đứng ba mươi mét sau đó tăng độ cao lên theo phương thẳng đứng

mười lăm mét. Em hãy tính độ cao so với mặt nước biển của tàu sau khi dừng hẳn là bao nhiêu mét?

Bài 3. (0,75 điểm)

Năm 2023, một đội nghi thức của một trường THCS có khoảng 100 đến 200 đội viên đã tham hội thi "Nghi thức Đội cấp Thành phố". Khi tham gia biểu diễn, đội xếp đội hình 10 hàng, 15 hàng, 18 hàng đều vừa đủ. Hỏi đội nghi thức của một trường THCS đó có bao nhiêu đội viên?

Bài 4. (1,0 điểm)

a) Tính chu vi của hình vuông cạnh 10 cm.

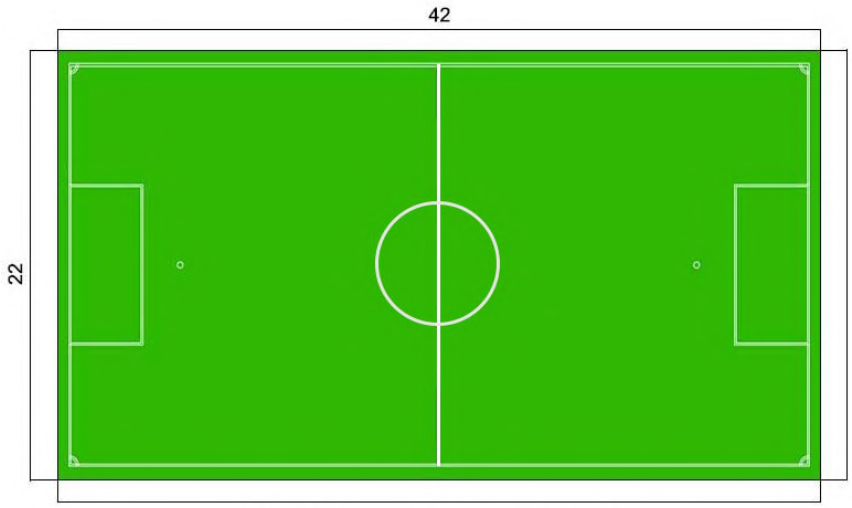

Kích thước sân bóng đá mini 5 người

b) Một sân bóng đá mini 5 người có chiều dài 42 mét, chiều rộng 22 mét, chủ sân muốn thay mới toàn bộ mặt thảm cỏ nhân tạo cho sân này, biết rằng giá thảm cỏ nhân tạo loại tốt là 80 000 đồng một mét vuông. Em hãy tính số tiền chủ sân cần để mua thảm cỏ nhân tạo.

Bài 5. (1,0 điểm)

Biểu đồ tranh cho biết phương thức đi học của các bạn học sinh Tổ 1 lớp 6A:

a) Tổ 1 có bao nhiêu học sinh đi xe đạp?

b) Tính tổng số học sinh đi xe máy (ba mẹ chở) và phương tiện khác của Tổ 1.

Đi bộ	
Xe đạp	
Xe máy (ba mẹ chở)	
Phương tiện khác	

(Mỗi ứng với 1 học sinh)

Bài 6. (0,75 điểm)

Em hãy giải thích vì sao:

$A = 2^{2020} + 2^{2021} + 2^{2022} + 7^{2023} + 7^{2024} + 7^{2025}$ chia hết cho 7.

---HẾT---

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS
TRƯỜNG THẠNH

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN TOÁN 6
Năm học: 2024 – 2025

A.TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,25đ

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1.	D	4.	C	7.	C	10.	A
2.	B	5.	D	8.	B	11.	A
3.	A	6.	B	9.	D	12.	B

B. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1. (2,0 điểm)	*a)* $2.5+15=10+15=25$	0,5+0,5
	b) $2^3+3^2.5-4^2=8+9.5-16=8+45-16=37$	0,5+0,25+0,25
Bài 2. (điểm)	a) 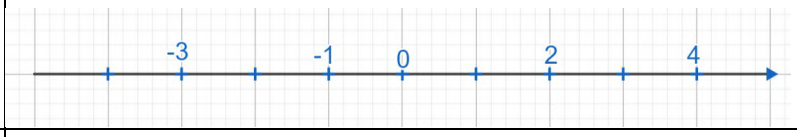 	0,25 0,25 0,25 0,25
	b) Độ cao của tàu sau khi dừng hẳn là: $(-15)-30+15=-30m$	0,25 0,25
Bài 3. (0,75 điểm)	Số đội viên của đội nghi thức là $BC(10,15,18)$ và nằm trong khoảng 100 đến 200 người. $BCNN(10,15,18)=90$ Do đó $BC(10,15,18)=\{0;90;180;270;...\}$ Mà số học sinh trong khoảng 100 đến 200 nên Số đội viên là 180	0,25 0,25 0,25

Bài 4. (1,0 điểm)	a) Chu vi của hình vuông là: $4.10 = 40m$	
	b)Diện tích sân bóng là: $22.42 = 924m^2$ Số tiền mua thảm cỏ nhân tạo là: $924.80\ 000 = 73\ 920\ 000$ đồng	
Bài 5. (1,0 điểm)	a) Tổ 1 có 2 học sinh đi xe đạp.	0,5
	b) Tổng số học sinh đi xe máy (ba mẹ chở) và phương tiện khác: $5+2=7$ học sinh	0,5
Bài 6. (0,75điểm)	$A = 2^{2020} + 2^{2021} + 2^{2022} + 7^{2023} + 7^{2024} + 7^{2025}$ $= 2^{2020} + 2.2^{2020} + 2^2.2^{2020} + 7.7^{2022} + 7.7^{2023} + 7.7^{2024}$ $= (1+2+4).2^{2020} + 7.\left(7^{2022} + 7^{2023} + 7^{2024}\right)$ $= 7.2^{2020} + 7.\left(7^{2022} + 7^{2023} + 7^{2024}\right)$ Do đó A chia hết cho 7	0,25 0,25 0,25

Lưu ý: Học sinh làm cách khác đúng giáo viên chấm đủ điểm.

---Hết---

.

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS LONG BÌNH

BỘ SGK CTST
(Đề gồm 3 trang)

ĐỀ THAM KHẢO HỌC KỲ I
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian phát đề)*

A. TRẮC NGHIỆM: (3,0đ) Hãy khoanh tròn vào phương án đúng nhất trong mỗi câu dưới đây.

Câu 1. Tập hợp A các số tự nhiên nhỏ hơn 7 là:

A. A = {1; 2; 3; 4; 5; 6}
B. A = {0; 1; 2; 3; 4;5;6;7}
C. A = {1; 2; 3; 4; 5; 6; 7}
D. A = {0; 1; 2; 3; 4; 5;6}

Câu 2. Trong các số sau, số nào chia hết cho 9?

A. 33 **B.** 231 **C.** 801 **D.** 550

Câu 3. Số đối của số 20 là:

A. 20 **B.** -20 **C.** 0 **D.** 10.

Câu 4. Tập hợp tất cả các ước số nguyên của 8 là:

A. Ư (8) = {1; 2; 4;8}.
B. Ư (8) = {-8;- 4; - 2; -1; 1; 2; 4; 8}
C. Ư (8) = {- 1; -2; -4;-8}.
D. Ư (8) = {-8;- 4; - 2; -1; 0; 1; 2; 4; 8}

Câu 5. Trong các hình vẽ sau, hình nào là hình vuông?

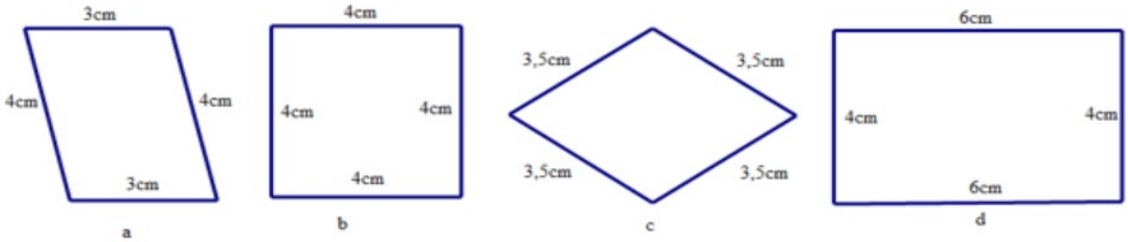

A. Hình a. B. Hình b. C. Hình c. D. Hình d.

Câu 6. Trong hình chữ nhật

A. Hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.
B. Hai đường chéo không bằng nhau.
C. Hai đường chéo song song với nhau.
D. Hai đường chéo vuông góc với nhau.

Câu 7. Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số HS	0	0	1	2	7	6	8	7	5	4

Số học sinh đạt điểm Giỏi (từ điểm 9 trở lên) là:

A. 4 **B.** 5 **C.** 9 **D.** 1

Câu 8. Trong biểu đồ tranh tổng số học sinh nữ lớp 6A và lớp 6B là:

Lớp	Số học sinh nữ
6A	
6B	
: 3 học sinh	

A. 9 học sinh **B.** 14 học sinh **C.** 27 học sinh **D.** 19 học sinh

Câu 9. Số nào lớn nhất trong các số sau: -6;-17;0;7

A.-6 **B.**-17 **C.** 0 **D.** 7

Câu 10. Tập hợp các số nguyên gồm:

A. Các số nguyên âm và các số nguyên dương. **B.** Số 0 và các số nguyên âm

C. Số 0 và các số nguyên dương. **D.** Các số nguyên âm, số 0 và các số nguyên dương.

Câu 11. Người ta đo nhiệt độ tại TP HCM trong 4 ngày liên tiếp và thu được kết quả:

Thứ	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm
Nhiệt độ	30^0C	33^0C	31^0C	32^0C

Ngày có nhiệt độ thấp nhất là:

A. Thứ hai **B.** Thứ ba **C.** Thứ tư **D.** Thứ năm.

Câu 12. Kết quả phép tính: 4^2. 2 + 46 là:

A. 54 **B.** 32 **C.** 78 **D**. 46

PHẦN II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1. (1,25 điểm) Tính:

a) 23.26 + 23.74 b) $90 - \{180 : [22 + 2.(5-7)^2] + 50\}$

Bài 2. (1,25 điểm) Tìm x, biết:

a) $x - 23 = 46$ b) 4x – 18 = (-3).10

Bài 3. (1,0 điểm)

a) Tìm tất cả các ước của số nguyên 12.

b) Sắp xếp các số nguyên: 43; -67; 12; 0; -21 theo thứ tự giảm dần.

Bài 4. (1,0 điểm) Một lớp 6 có 24 nữ và 20 nam được chia thành các các nhóm có số nam và nữ đều vào các nhóm. Hỏi chia được nhiều nhất bao nhiêu nhóm ? Khi ấy tính số nam và số nữ ở mỗi nhóm.

Bài 5.(1,5 điểm) Một nền nhà hình chữ nhật có chiều rộng là 8m và chiều dài là 15m.

a) Tính diện tích nền nhà đó?

b) Bác Nam dự định lát nền bằng những viên gạch hình vuông có cạnh 50cm. Hỏi cần dùng bao nhiêu thùng gạch để có thể lát kín nền nhà? Biết mỗi thùng gạch có 6 viên gạch.

Bài 6. (1,0 điểm) Biểu đồ cột dưới đây biểu diễn số máy cày có trong năm xã:

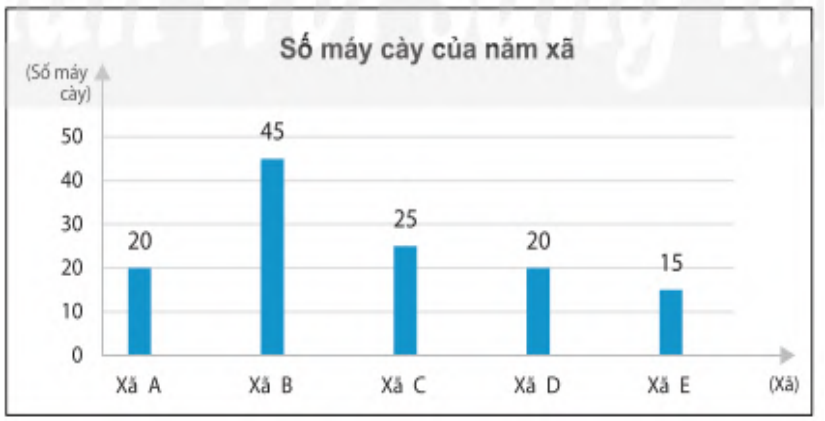

Quan sát biểu đồ trên và em hãy trả lời các câu hỏi sau:

a) Xã nào có số máy cày nhiều hơn xã C?

b) Xã B nhiều hơn xã E bao nhiêu máy cày?

…….HẾT……..

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS LONG BÌNH

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN TOÁN 6
Năm học: 2024-2025

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1.	**D**	**4.**	**B**	**7.**	**C**	**10.**	**D**
2.	**C**	**5.**	**B**	**8.**	**C**	**11.**	**A**
3.	**B**	**6.**	**A**	**9.**	**D**	**12.**	**C**

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (1,25 điểm)	a)23.26 + 23.74 =23.(26+74) = 23.100=2300	0,5 đ
	b)90 – {180: [22 + 2. $(5-7)^2$] + 50} =90- [180: (22+2.4)+50] =90-(180: 30 +50) =90- 56 =34	0,75 đ
Bài 2 (1,25 điểm)	a) $x - 23 = 46$ x = 46+23 x = 69	a) 0,5 đ
	b) 4x – 18 = (-3).10 4x = (-30)+18 4x = -12 x = -3	b) 0,75 đ
Bài 3 (1 điểm)	a)Ư(12)= {-12;-6;-4;-3;-2;-1;1;2;3;4;6;12} b) 43;12;0;-21;-67.	0,5 đ 0,5đ
Bài 4 (1 điểm)	Gọi a là số nhóm học sinh lớp 6 đó.(a ∈ N*) a =ƯCLN(20; 24) 20 = 2^2 .5 24 = 2^3.3 ƯCLN(20; 24) =2^2 =4 Vậy số học sinh của lớp 6 đó có thể chia thành nhiều nhất là 4 tổ. Mỗi tổ có 6 nữ và 5 nam.	0.25 đ x 4

Bài 5 **(1,5 điểm)**	a)Diện tích nền nhà đó là $8.15=120(m^2)$ b) Đổi $120m^2=1200000cm^2$ Diện tích một viên gạch hình vuông là: $50.50=2500cm^2$ Số viên gạch hình vuông cần dùng là: 120000:2500=480 (viên gạch). Vậy số thùng gạch cần dùng là: 480:6=80 (thùng)	0,5 đ 1đ
Bài 6 **(1 điểm)**	a) Xã có số máy cày nhiều hơn xã C là xã B b) Xã B nhiều hơn xã E số máy cày là: 45-15=30 (máy cày)	a) 0,5 đ b) 0,5 đ

Học sinh có thể thể trình bày theo cách khác, vẫn cho điểm tuyệt đối.

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS TRẦN QUỐC TOẢN

BỘ SGK ……....

(Đề gồm …. trang)

ĐỀ THAM KHẢO HỌC KỲ 1
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian phát đề)*

A. TRẮC NGHIỆM: (3,0đ) *Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng.*

Câu 1. Cho tập hợp C = {x ∈ ℕ/ 3 ⩽ x < 8}

Hãy viết tập hợp C bằng cách liệt kê các phần tử

A. C = {3; 4; 5; 6; 7; 8} **B.** C = {7; 6; 5; 4; 3}

C. C = {4; 5; 6; 7} **D.** C = [3; 4; 5; 6; 7]

Câu 2. Số nào sau đây là số nguyên tố?

A.2 **B**. 4 **C**. 6 **D**. 8

Câu 3. Kết quả sắp xếp các số –5; –12; –2021; –2022 theo thứ tự tăng dần là:

A. –2022; –2021; –12; –5 **B.** –2021; –2022; –12; –5

C. –12; –5; –2021; –2022 **D.** –5; –12; –2021; –2022

Câu 4. Chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau:

A.Tập hợp số nguyên kí hiệu là $\mathbb{N}$ **B**.+2 không phải là số nguyên

C.-4 không phải là số nguyên **D**.Tập hợp số nguyên kí hiệu là $\mathbb{Z}$

Câu 5. Số nguyên nào là kết quả của phép tính $-23-(-33)$?

A.-56 **B**.-10 **C**.10 **D**.56

Câu 6. Số nguyên nào là kết quả của phép tính $(-4).23.(-25)$?

A.-2300 **B**.2300 **C**.-759 **D**.759

Câu 7. Công thức tính diện tích hình tam giác tương ứng với hình vẽ bên dưới

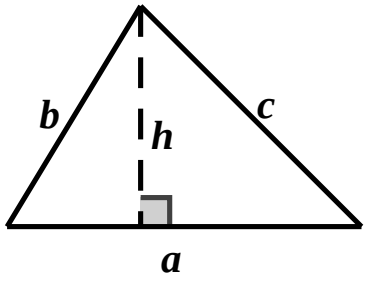

A. $S=a+b+c$ **B.** $S=\frac{b+c}{2}$

C. $S=\frac{a.h}{2}$ **D.** $S=\frac{(a+b).h}{2}$

Câu 8. Số học sinh vắng trong ngày của các lớp khối 6 trường A là:

6A1	6A2	6A3	6A4	6A5	6A6
3	1	2	1	3	4

Có bao nhiêu lớp có số học sinh vắng ít nhất?

A. 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

Câu 9. Một hình thoi có chu vi là 40cm. Độ dài cạnh hình thoi này là:

A. 1dm **B.** 20cm **C.** 10dm **D.** 40cm

Câu 10. Bảng thống kê xếp loại hạnh kiểm lớp 6A như sau:

Xếp loại hạnh kiểm	Tốt	Khá	Trung bình
Số học sinh	24	4	2

Số học sinh xếp loại hạnh kiểm khá trở lên là bao nhiêu?

A. 4 **B.** 24 **C.** 28 **D.** 6

Câu 11. Kết quả của phép tính $2^3.5-2^{2023}:2^{2020}$ là:

A. 23 **B**.32 **C**.40 **D**.320

Câu 12. Bội chung nhỏ nhất của 24 và 36 là:

A. 72 **B**.108 **C**.96 **D**.216

B. TỰ LUẬN: (7,0đ)

Bài 1. ***(1,5 điểm)*** Thực hiện phép tính

a) $417+735+(-17)+(-135)$

b) $42.(-39)+42.(-62)+42$

c) $129-\left\{\left[35.13+17.\left(10^2-98\right)^2\right]-2023^0\right\}:18$

Bài 2. ***(1,5 điểm)*** Tìm x

a) $5x+75=15$

b) 35 + 2.(x – 8) = 5

c) 10 ⋮ x

Bài 3. (0,5 điểm) Một tòa nhà có 10 tầng và 3 tầng hầm (tầng G được đánh số là tầng 0), hãy dùng phép cộng các số nguyên để diễn tả tình huống sau: Bạn Nam đang ở tầng 1, bạn sử dụng thang máy đi lên 5 tầng và sau đó đi xuống 8 tầng để lấy tài liệu. Hỏi cuối cùng, bạn Nam dừng thang máy ở tầng mấy?

Bài 4. ***(1,0 điểm)*** Một liên đội trường A khi xếp mỗi hàng 12 học sinh, 15 học sinh, 20 học sinh thì vừa đủ. Hỏi liên đội trường A có bao nhiêu học sinh? Biết liên đội có khoảng 450 đến 500 học sinh.

Bài 5. (2,0 điểm)

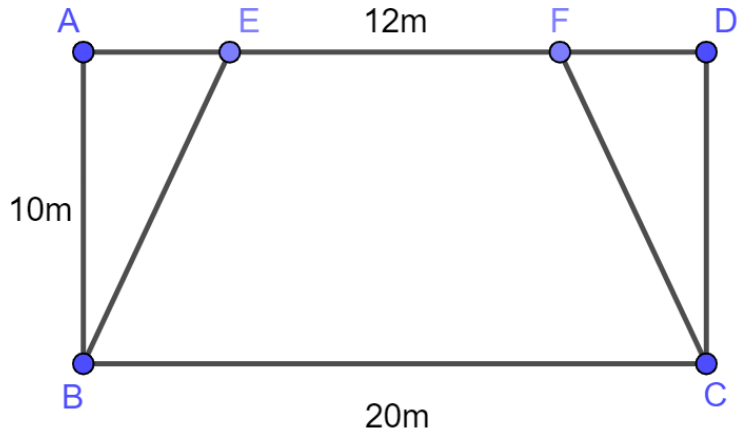

Ông Hải có một mảnh đất hình chữ nhật ABCD, biết chiều rộng bằng 10m, chiều dài bằng 20m.

a) Tính diện tích mảnh đất hình chữ nhật ABCD.
b) Ông Hải dành phần đất ở giữa hình thang BEFC để xây nhà xưởng, biết đáy bé hình thang là EF = 12m. Em hãy giúp ông Hải tính diện tích phần đất xây nhà xưởng.
c) Phần đất còn lại ông Hải dùng để trồng rau (phần đất hình tam giác). Tính diện tích phần đất trồng rau.
d) Tính số tiền ông Hải thu được khi bán rau, biết rằng cứ mỗi mét vuông đất thu hoạch được 4kg rau và giá bán rau là 5000 đồng/kg.

Bài 6. ***(0,5 điểm)*** Cho $A = 2 + 2^2 + 2^3 + ... + 2^{2022} + 2^{2023}$.

Chứng tỏ A không chia hết cho 7.

--- HẾT ----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG ……

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN TOÁN 7
Năm học: ……..

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1.		**4.**		**7.**		**10.**	
2.		**5.**		**8.**		**11.**	
3.		**6.**		**9.**		**12.**	

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm
Bài 1 (…. điểm)	**a)**	
	b)	
	c)	
Bài 2 (… điểm)	**a)**	
	b)	
Bài 3 (… điểm)		
Bài 4 (… điểm)		
Bài 5 (… điểm)		
Bài 6 (… điểm)		
Câu 7 (0,5 điểm)		

----- HẾT -----

PHÒNG GD VÀ ĐT TP THỦ ĐỨC

ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ THAM KHẢO HỌC KÌ 1
NĂM HỌC: 2024-2025
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút
(không kể thời gian phát đề)

A. TRẮC NGHIỆM. *(3,0 điểm)*

Em hãy khoanh tròn vào phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

Câu 1. Số nào sau đây không phải là số nguyên tố

A. 29 B. 39
C. 13 D. 43

Câu 2. Thứ tự thực hiện phép tính đối với biểu thức không có dấu ngoặc là

A. Cộng và trừ → Nhân và chia → Lũy thừa
B. Nhân và chia → Cộng và trừ → Lũy thừa
C. Lũy thừa → Cộng và trừ → Nhân và chia
D. Lũy thừa → Nhân và chia → Cộng và trừ

Câu 3. Số nào lớn nhất trong các số $-10;\ 0;\ -14;\ 2$

A. -10 B. -14
C. 0 D. 2

Câu 4. Kết quả của phép tính $-45+(-20)$ là

A. 65 B. 25
C. -65 D. -25

Câu 5. Hình nào dưới đây là hình vuông

Hình 1

Hình 2

Hình 3

Hình 4

A. Hình 1 B. Hình 3
C. Hình 2 D. Hình 4

Câu 6. Tính chất nào không phải là của hình thang cân?

A. Hai đường chéo bằng nhau.
B. Có các góc đối bằng nhau.
C. Có hai cạnh đáy song song.
D. Có hai cạnh bên bằng nhau.

Câu 7. Trong một buổi học Toán, cô giáo yêu cầu Trang nói về các phép tính trong tập hợp số tự nhiên mà Trang đã học. Trang liệt kê được dãy dữ liệu như sau: "cộng, trừ, nhân, hình bình hành". Em hãy cho biết trong các dữ liệu được nêu ra thì dữ liệu nào không hợp lí?

A. Nhân B. Hình bình hành
C. Cộng D. Trừ

Câu 8. Cửa hàng bán kem thu thập thông tin số kem bán được trong một ngày bằng bảng dữ liệu sau

Loại kem	Vani	Socola	Dừa	Dâu	Sầu riêng	Đậu đỏ	Cà phê
Số kem bán được	5	13	43	1,6	9	-7	0

Các thông tin không hợp lí trong bảng dữ liệu trên là

A. $1,6;-7$ B. -7

C. $1,6$ D. 0

Câu 9. Bốn chiếc đồng hồ reo chuông tương ứng sau mỗi 5 phút, 10 phút, 15 phút và 20 phút. Chúng bắt đầu cùng reo chuông vào lúc 12 giờ trưa. Lần tiếp theo chúng cùng reo chuông vào lúc nào?

A. 13 giờ trưa

B. 13 giờ 20 trưa

C. 12 giờ 45trưa

D. 12 giờ 30 trưa

Câu 10. Cho số nguyên a lớn hơn -1 thì số nguyên a có thể là:

A. Số nguyên dương B. Số nguyên

C. Số nguyên âm D. Số 0 hoặc số nguyên dương

Câu 11. Giá trị của biểu thức $(-17)+66+(-6)+17$ bằng:

A. -106 B. 72

C. 60 D. 26

Câu 12. Kết quả phép tính $2+4+6+...+90$ là:

A. 2070 **B.** 4048

C. 4140 **D.** 2024

B. TỰ LUẬN ***(7,0 điểm)***

Bài 1. (0,5 điểm) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự giảm dần: 0 ; –25; 45; –190; 165; 30.

Bài 2. (1,5 điểm)

a) Tìm ước chung của 56 và 120.

b) Tìm các chữ số a, b sao cho số $\overline{7a85b}$ chia hết cho 5 và 9.

Bài 3. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $358+67+(-58)+(-567)+200$ b) $35.(-28)+35.(-70)+35.(-2)$

Bài 4. (1,5 điểm) Khối lớp 6 có 200 học sinh, khối 7 có 176 học sinh, khối 8 có 152 học sinh. Trong một buổi sinh hoạt dưới cờ học sinh cả 3 khối xếp thành các hàng dọc như nhau. Hỏi có thể xếp được nhiều nhất thành bao nhiêu hàng dọc để mỗi khối đều không có lẻ hàng.

Bài 5. (1,0 điểm) Một khu vườn hình chữ nhật có chiều rộng 10 m và chiều dài 12 m.

a) Tính diện tích của khu vườn.

b) Người ta dự định làm một lối đi cho chiều rộng là 1 m và trồng cỏ trên lối đi đó. Biết $1m^2$ cỏ có giá là 520 000đ. Tính số tiền để làm lối đi đó.

Bài 6. (1,0 điểm) Số liệu điểm kiểm tra Toán giữa học kỳ I của lớp 6 A được ghi bằng bảng dữ liệu như sau:

7	7	6	3	3	5	7	9
9	10	8	8	9	5	6	5
5	3	5	6	7	4	10	8

a) Hãy gọi tên bảng dữ liệu ở trên.

b) Hãy lập bảng thống kê tương ứng và cho biết lớp 6A có bao nhiêu thành viên?

---Hết---

PHÒNG GD VÀ ĐT TP THỦ ĐỨC

HƯỚNG DẪN CHẤM

ĐỀ THAM KHẢO HỌC KÌ 1
NĂM HỌC: 2023-2024
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút
(không kể thời gian phát đề)

A. TRẮC NGHIỆM (mỗi câu đúng 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	C	D	C	D	B	B	A	A	D	C	A

B. TỰ LUẬN*(7,0 điểm)*

Bài	**Lời giải**	**Điểm**
1 *(0,5đ)*	Thứ tự giảm dần là: 165; 45; 30; 0; -25; -190	*0,5*
2 *(1,5đ)*	a) Tìm ước chung của 56 và 120. ƯC (56;120)={1; 2; 4;8}	*0,75*
	b) Tìm các chữ số a, b sao cho số $\overline{7a85b}$ chia hết cho 5 và 9. Vì chia hết cho 5 nên b=5 Khi đó số cần tìm là $\overline{7a850}$ Ta có: $(7+a+8+5+0)\vdots 9=(20+a)\vdots 9$ nên a = 7 Vậy a= 7; b= 0	*0,25*x3
3 *(1,5đ)*	a) $358+67+(-58)+(-567)+200$ $=(358+(-58))+(67+(-567))+200$ $=300+(-500)+200$ $=-200+200$ $=0$	*0,25* *0,25* *0,25* *0,25*
	b) $35.(-28)+35.(-70)+35.(-2)$ $=35(-28+(-70)+(-2))$ $=35.(-100)=-3500$	*0,25* *0,25*
4 *(1,5đ)*	Gọi x là số hàng dọc được xếp nhiều nhất ở mỗi khối ($x\in\mathbb{N}^*$)	*0,25*
	$\left.\begin{array}{l}200\vdots x\\176\vdots x\\152\vdots x\end{array}\right\}\Rightarrow x\in UCLN(200;176;152)$	*0,25*
	$200=2^3.5^2$; $176=2^4.11$; $152=2^3.19$	*0,5*
	$UCLN(200;176;152)=2^3=8 \Rightarrow x=8$	*0,25*
	Vậy số hàng được xếp nhiều nhất là: 8 hàng dọc	*0,25*

<table>
<tr><td rowspan="3">5
(1, 0đ)</td><td>a) Tính diện tích của khu vườn: 10 . 12 = 120 (m^2)</td><td>0,5</td></tr>
<tr><td>b) Diện tích lối đi : $120-(10-1-1).(12-1-1)=40(m^2)$</td><td>0,25</td></tr>
<tr><td>Số tiền để làm lối đi là: $40.520\ 000=20\ 800\ 000$ đồng</td><td>0,25</td></tr>
<tr><td rowspan="3">6
(1,0đ)</td><td>a) Bảng dữ liệu ban đầu về điểm kiểm tra Toán giữa học kỳ I của lớp 6 A</td><td>0,5</td></tr>
<tr><td>b) Bảng thống kê tương ứng:
<table>
<tr><td>Điểm</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr>
<tr><td>Số học sinh</td><td>3</td><td>1</td><td>5</td><td>3</td><td>4</td><td>3</td><td>3</td><td>2</td></tr>
</table>
Lớp 6A có 24 thành viên</td><td>0,5</td></tr>
</table>

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS XUÂN TRƯỜNG

BỘ SGK CTST

(Đề gồm 01 trang)

ĐỀ THAM KHẢO HỌC KỲ 1
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút *(không kể thời gian phát đề)*

Câu 1. ***(1,5 điểm)***

a) Liệt kê các số nguyên tố nhỏ hơn 10.

b) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự giảm dần: -15; 23; 5; -41

c) Viết tập hợp A gồm các ước tự nhiên của 18.

Câu 2. ***(1,5 điểm) Thực hiện phép tính***

a) $2^{13} : 2^{10} + 3.5^2 - 2023^0$

b) $211 : \{-200 + [(-5.14 + 65).3 + 2^2]\}$

Câu 3. ***(2 điểm):*** Tìm x, biết:

a) $3x - 7 = 5^4 : 5^3$

b) $68 - 2(x + 4) = -12$

Câu 4. ***(1,75 điểm***) Học sinh lớp 6A của một trường khi xếp hàng 3, hàng 4, hàng 6, đều vừa đủ hàng. Tìm số học sinh của lớp đó, cho biết số học sinh của lớp đó trong khoảng từ 38 đến 50 học sinh.

Câu 5. ***(1,75 điểm)*** Một khu đất có dạng hình chữ nhật có chiều dài là 20m và chiều rộng là 4m.

a) Em hãy tính chu vi khu đất đó.

b) Chủ đất dự định xây nhà trên khu đất này và chừa lại một phần sân hình vuông phía trước như hình vẽ. Tính diện tích phần đất xây nhà?

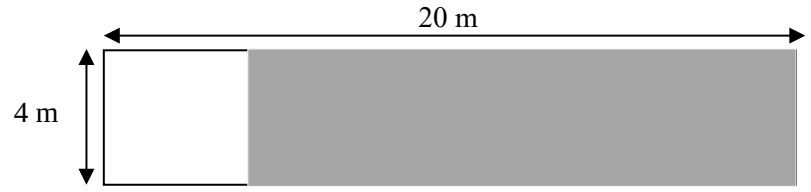

Câu 6. ***(1,0 điểm)*** Điểm kiểm tra môn Toán của một nhóm học sinh được ghi lại như sau:

10	7	9	7	8	8	8	10	7	8
6	8	5	4	9	5	6	5	9	7

a) Hãy lập bảng thống kê tương ứng.

b) Vẽ biểu đồ cột biểu diễn số liệu ở bảng thống kê trên.

Bài 7.(0,5đ) Theo thống kê của trang điện tử Đảng bộ TPHCM thì đến cuối năm 2017, Huyện Củ Chi hiện có $\overline{abcd}$ bà mẹ Việt Nam anh hùng. Trong đó :

+ a là số nguyên tố nhỏ nhất.

+ b là bội của mọi số.

+ c là số dư của phép chia số 11940 cho 34

+ d là số trung bình cộng của a và c.

Vậy Huyện Củ Chi có bao nhiêu bà mẹ Việt Nam anh hùng ?

--- HẾT ----

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS XUÂN TRƯỜNG

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN TOÁN 6
Năm học: 2024_2025

Câu 1. ***(1,5 điểm)***

a) Các số nguyên tố nhỏ hơn 10 là: 2; 3; 5; 7
0,5đ

b) Các số nguyên theo thứ tự giảm dần là: 23; 5; -15; -41 0,5đ

c) Tập hợp A gồm các ước tự nhiên của 18 là: A = {1; 2; 3; 6; 9; 18} 0,5đ

Câu 2. ***(1,5 điểm) Thực hiện phép tính***

a) $2^{13} : 2^{10} + 3.5^2 - 2023^0$

$= 2^3 + 3.25 - 1$ 0,25đ

$= 8 + 75 - 1$ 0,25đ

$= 83 - 1$

$= 82$ 0,25đ

b) $211 : \{-200 + [(-5.14 + 65).3 + 2^2]\}$

$= 211 : \{-200 + [(-70 + 65).3 + 4]\}$ 0,25đ

$= 211 : \{-200 + [(-5).3 + 4]\}$

$= 211 : \{-200 + [-15 + 4]\}$ 0,25đ

$= 211 : \{-200 + (-11)\}$

$= 211 : (-211)$

$= -1$ 0,25đ

Câu 3. ***(2 điểm):***

a) Tìm x, biết:

$3x - 7 = 5^4 : 5^3$

$3x - 7 = 5^1$ 0,25đ

$3x = 5 + 7$ 0,25đ

$3x = 12$

$x = 12 : 3$ 0,25đ

$x = 4$ 0,25đ

b) $68 - 2(x + 4) = -12$

$2(x + 4) = 68 - (-12)$ 0,25đ

$2(x + 4) = 68 + 12$ 0,25đ

$2(x + 4) = 80$

$x + 4 = 80 : 2 = 40$ 0,25đ

$x = 40 - 4 = 36$ 0,25đ

Vậy $x = 36$

Câu 4. ***(1,75 điểm)*** Học sinh lớp 6A của một trường khi xếp hàng 3, hàng 4, hàng 6, đều vừa đủ hàng. Tìm số học sinh của lớp đó, cho biết số học sinh của lớp đó trong khoảng từ 38 đến 50 học sinh.

Số học sinh của lớp đó là bội chung của 3, 4 và 6. 0,5đ

Ta có: BCNN(3,4,6) = 12 nên BC(3,4,6) = {0; 12; 24; 36; 48; 60; …}. 0,75đ

Vì số học sinh của lớp đó từ 38 đến 50 học sinh nên lớp đó có 48 học sinh. 0,5đ

Câu 5. ***(1,75 điểm)*** Một mảnh vườn có dạng hình chữ nhật có chiều dài là 20m và chiều rộng là 4m.

a) Chu vi của khu đất là:

$2.(20 + 4) = 48$ (m) 0,5đ

b) Diện tích của khu đất là:

$20.4 = 80$ (m^2) 0,5đ

Diện tích phần sân là: $4.4 = 16$ (m^2) 0,5đ

Diện tích phần đất xây nhà là: $80 – 16 = 64$ (m^2) 0,25đ

Câu 6. ***(1,0 điểm)*** Điểm kiểm tra môn Toán của một nhóm học sinh được ghi lại như sau:

10	7	9	7	8	8	8	10	7	8
6	8	5	4	9	5	6	5	9	7

a) Bảng thống kê tương ứng. 0,5 đ

Điểm số	4	5	6	7	8	9	10
Số HS	1	3	2	4	5	3	2

b) Vẽ biểu đồ cột biểu diễn số liệu ở bảng thống kê trên. 0,5đ

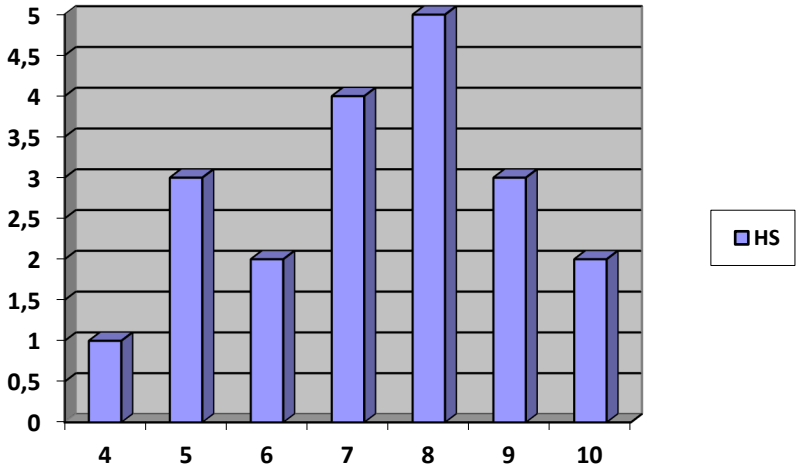

Câu 7. (0.5 điểm) Vì a là số nguyên tố nhỏ nhất => a = 2

Vì b là bội của mọi số => b = 0

c là số dư của phép chia số 11940 cho 34 => c = 6

+ d là số trung bình cộng của a và c => d = 4

Vậy Huyện Củ Chi có 2064 bà mẹ Việt Nam anh hùng

----Hết----